

**PHẬT GIÁO
VÀ NHỮNG KHÔNG GIAN**

MỤC LỤC

CÁC PHÂN KHOA PHẬT GIÁO	1
CẢ MỘT TRỜI XUÂN	28
XUÂN NHƯ NGÀY ẤY.....	43
CHÚNG TA NGỒI GIỮA MÙA XUÂN.....	57
CẢM NIỆM PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2567	71
ĐỨC PHẬT ĐẾN VỚI CHÚNG TA	77
PHÁP THOẠI 20/11.....	104
THẦY TRÒ TRONG PHẬT GIÁO.....	115
PHẬT THEO QUAN ĐIỂM HỌC THUẬT PHẬT GIÁO VIỆT NAM.....	152
SƯ CHÙA LÀ BÙA LÀNG.....	164

CÁC PHÂN KHOA PHẬT GIÁO

Tôi viết bài này, xin chia sẻ đến những ai muốn quan tâm đến lãnh vực giáo dục trong Phật giáo, nhưng chưa có điều kiện để nghiên cứu.

Trong Phật giáo có năm phân khoa như sau:

I/ Phật giáo Đại chúng:

Thời Phật, xã hội Ấn Độ phân chia thành bốn giai cấp, gồm:

- **Bà-la-môn (Brāhmaṇa):** Giai cấp Tăng lữ, giai cấp học giả của xã hội Ấn Độ bấy giờ. Họ tự nhận sinh ra từ miệng Phạm-thiên. Giai cấp này làm mai mối giữa thần linh với con người. Họ có sáu quyền hạn: Tự ý làm đền thờ trời; làm thầy tế để tế trời; tự ý đọc Phệ đà (veda); dạy người khác đọc Phệ đà (veda); tự bố thí và tự nhận sự bố thí.
- **Sát-đế-lợi (Kṣatriya):** Giai cấp nắm giữ quyền lực chính trị và quân sự của xã hội Ấn Độ bấy giờ.

Họ tự nhận sinh ra từ vai của Phạm-thiên. Và có bốn quyền hạn: Tự ý làm đền thờ trời, nhưng không được làm thầy tế để tế trời; tiếp nhận Phệ-đà (veda) từ giai cấp Bà-la-môn, nhưng không được truyền trao; có quyền bố thí, nhưng không được nhận sự bố thí từ người khác; bảo hộ nhân dân.

- **Phệ-xá (Vaiśya):** Giai cấp nắm giữ doanh nghiệp, kinh tế của xã hội. Họ tự nhận sinh ra từ rốn của Phạm-thiên và có ba quyền hạn: Có quyền tự làm đền thờ trời, nhưng không được phép làm thầy tế để tế trời; có quyền đọc Phệ-đà, nhưng không có quyền dạy Phệ-đà cho người khác; có quyền bố thí, nhưng không có quyền được nhận sự bố thí từ người khác.
- **Thủ-đà-la (Sūdra):** Giai cấp lao động, giai cấp công nhân. Họ tự nhận sinh ra từ chân Phạm-thiên. Giai cấp này có một quyền hạn là lao động, cung cấp những nhu yếu cho ba chủng tính trên.

Sự phân định bốn giai cấp của Bà-la-môn trong xã hội Ấn Độ thời Phật như vậy rất có bài bản và rất rạch ròi,

nhưng đức Phật đã phủ nhận những gì mà Bà-la-môn giáo chủ trương về bốn giai cấp ấy.

Khổ đau do bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết không dành cho một giai cấp nào trong xã hội mà dành cho tất cả chúng sinh, thì sự mong cầu giải thoát khỏi khổ đau từ bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết cũng không dành cho một thành phần nào của xã hội mà của tất cả mọi người.

Nên, thời đức Phật hoằng pháp lợi sinh, mọi thành phần của xã hội Ấn Độ bấy giờ đều có thể quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và trong tứ chúng đệ tử của Thế Tôn lúc bấy giờ có mặt đầy đủ cả bốn chủng tính hay bốn giai cấp ấy.

Vì vậy, Phật giáo là của đại chúng mà không phải là của một thành phần nào.

Nên, có thể trẻ em không hiểu gì về đạo Phật, trẻ em không hiểu gì giáo lý, không hiểu gì tổ chức Phật giáo, nhưng vẫn có cảm tình với đạo Phật, với chùa chiền, với chư Tăng, cho nên theo ông bà nội ngoại, theo

cha mẹ đến chùa, theo anh chị, theo bạn bè đến chùa, họ đến chùa là để ăn theo người lớn, chứ chưa hiểu gì về đạo, nhưng đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người lớn tuổi, đầu đã bạc, mặt đã nhăn, nhưng cũng chưa biết gì đạo Phật, cũng không hiểu Phật giáo là gì, nhưng đi theo bạn bè đến chùa và chỉ dành một chút cảm tình với đạo Phật, thì đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người giàu có tiền bạc không biết để đâu, sau khi chết, nên đem tiền bạc đến cúng cho chùa, như là gửi vào ngân hàng phước đức, mong kiếm được chút phước đức cho tương lai, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những hạng người trí thức, học hành thành đạt ở ngoài xã hội, nhưng chẳng biết gì đến đạo Phật, họ dành một chút cảm tình với đạo Phật, nên khi đến chùa, viếng cảnh, xem cá lội trong hồ Tâm hay nhìn cảnh kiến trúc hài hòa của ngôi chùa, từ đó sinh tâm cảm tình với đạo Phật, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những thành phần chuyên tạo tội ác, sa vào lưới bẫy

của luật pháp xã hội, họ sợ hãi vào chùa trốn tránh thì nhà Chùa vẫn dang tay che chở, cho họ cơm ăn, cho manh chiếu ngủ, rồi an ủi vỗ về khuyên lơn để sau đó hướng dẫn dạy dỗ họ, làm đúng đạo lý, sống đúng pháp luật.

Có những người cha chết, mẹ chết, chồng chết, vợ chết, con chết, họ tìm đến chùa xin được che chở và giúp đỡ, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người đến chùa xin xem quẻ, coi bói toán, cúng sao, cúng hạn, cúng quan sát... để được yên tâm, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ.

Có những người rất thành đạt về mặt thế gian, nhưng chưa biết gì về mặt đạo lý; hoặc có chức quyền, nhưng không thỏa mãn được những nguyện lớn, họ tìm đến đạo Phật, đạo Phật vẫn tiếp nhận họ...

Phật giáo của đại chúng thì đủ mọi thành phần của xã hội, thành phần nào cũng cần đến đạo Phật và chỉ có Phật giáo đại chúng mới dung chứa hết mọi thành phần tín ngưỡng và tâm linh của xã hội.

Vì sao đạo Phật làm được điều này. Vì đức Phật là của tất cả chúng sinh, nên đạo Phật là đạo của chúng sinh và chúng sinh cần đạo Phật giúp họ thoát khổ ngay trong những điều kiện của họ đang có thể.

Chùa là nơi sinh hoạt của đạo Phật, nên chùa phải có khả năng đáp ứng mọi nhu cầu tín ngưỡng và tâm linh của hết thảy chúng sinh. Sở dĩ nhà chùa làm được điều đó, vì nhà chùa lấy chúng sinh làm gốc, lấy chúng sinh làm đối tượng thuần hóa và nâng chúng sinh từ vị trí phàm phu lên vị trí cao quý.

Những người xuất gia ở trong chùa hay những Phật tử sống chết với chùa là những vị đã phát bồ đề tâm, nghĩa là phát khởi tâm nguyện rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sinh, nhờ tâm lượng rộng lớn như vậy mà Phật giáo dung chứa được hết thảy mọi thành phần xã hội, đa sắc, đa màu, đa dạng, đa căn cơ, đa trình độ, đa nỗi buồn, đa khổ đau, đa văn hóa như thế.

Phật giáo đại chúng là "vàng thau lẫn lộn", "thánh phàm đồng cư". Không có đất, vàng sẽ không có điều kiện để

sinh ra. Không có chúng sinh đau khổ, Phật sẽ không có điều kiện để xuất gia và thành đạo. Không có dân, vua không có điều kiện để làm vua và ngồi trên thiên hạ.

Vậy, các Tăng Ni Phật Tử các cấp cần phải quán chiếu điều này một cách sâu sắc. Nếu không nhận ra và không hiểu được điều này thì càng ngày chúng ta sẽ càng mất quần chúng. Nếu chúng ta chỉ có hạt tốt mà không có đất gieo, thì hạt ấy cũng trở thành vô dụng.

Không có Phật giáo đại chúng thì sẽ không bao giờ có Phật giáo. Đây là điều hiểu biết căn bản, nếu là đệ tử Phật có tu học thì không ai là không hiểu, nhưng nếu không hiểu điều này thì rõ ràng không phải là đệ tử của Phật.

II/ Phật giáo học thuật:

Học thuật Phật giáo không dừng lại ở mặt thuần hóa đạo đức cho đời sống thế tục, mà còn tiến xa hơn về mặt thuần hóa đạo đức tâm linh, hướng dẫn đời sống thế tục, nhắm tới đời sống giải thoát và giác ngộ cho con người

tự thân, gia đình và xã hội, đời này và đời sau.

Nền học thuật Phật giáo phân định ra năm phân khoa thấp cao xuyên suốt khác nhau, gồm:

II.1- Nhân Thiên thừa Phật giáo:

Nhân Thiên thừa là giáo lý Phật giáo trình bày về nhân duyên, nhân quả thuộc về thế giới của cõi Người và cõi Trời. Nội dung của hệ giáo lý này là trình bày giáo pháp Tam quy – Ngũ giới và Thập thiện Nghiệp đạo.

Nghĩa là thế giới của cõi Người, cõi Trời muốn hoàn hảo phước báo của mình để có thể tiến xa hơn vào phước báo của các bậc Thánh trí thì trước hết là phải thọ trì pháp Tam quy và Ngũ giới, và thực hành pháp Tam quy – Ngũ giới trong đời sống một cách miên mật.

Phước báo làm người mà không bị mất hướng đi, không sống mù quáng, luôn sống trong tỉnh giác, thông triệt ba cõi là do thực hành pháp quy y Phật mà sinh ra. Vì sao? Vì Phật là Toàn giác. Quy y Phật là nương tựa vào tính toàn giác của Phật, để phát huy tính bản giác nơi tự thân

đến chỗ toàn giác.

Phước báo làm người mà không bị mất tự do, không bị ràng buộc ở trong sinh tử là do thực hành quy y Pháp mà sinh ra. Vì sao? Vì pháp là những phương pháp đức Phật dạy để trị liệu khổ đau và chuyển hóa vô minh, tháo gỡ mọi sự trói buộc từ nghiệp lực, trả lại sự trong sáng và bất sinh diệt của tự tâm, nên đời sống giải thoát là do thực hành pháp của Phật dạy mà sinh ra.

Phước báo làm người mà sống ở trong sự an lạc và thanh cao là do thực hành quy y Tăng mà sinh ra. Vì sao? Vì bản thể của Tăng là hòa hợp và thanh tịnh, nên quy y Tăng là nương tựa vào bản thể ấy, để nhận diện tự tính thanh tịnh nơi tự tâm và phát huy tính ấy đến chỗ cùng tột, sự lý viên dung vô ngại.

Phước báo làm người mà sống lâu là từ nơi giữ giới không sát sinh mà sinh ra. Phước báo làm người mà giàu có là từ nơi sự giữ giới không trộm cắp mà sinh ra. Phước báo làm người mà xinh đẹp là từ nơi giữ giới không tà hạnh mà sinh ra. Phước báo làm người mà có uy đức,

đanh dự là từ nơi giữ giới không nói dối mà sinh ra. Phước báo làm người mà thông minh, trí tuệ là từ nơi giữ giới không uống rượu mà sinh ra.

Những phước báo ấy là phước báo hoàn hảo ở trong thế giới con người. Và từ phước báo ấy, con người nỗ lực tu tập để tiến lên thành tựu phước báo của chư Thiên. Nên, Tam quy – Ngũ giới là tạo thành phước báo căn bản của cõi người và Thập thiện Nghiệp đạo là phước báo căn bản của chư Thiên.

Ngoài thực hành Thập thiện Nghiệp đạo, chư Thiên cõi trời Sắc giới còn thực hành Tứ thiên để nhiếp phục ý tham, ý sân và ý si, nhằm thành tựu các thiện căn vô tham, vô sân, vô si, ấy là nguồn gốc của mọi điều thiện.

Chư thiên cõi trời Vô sắc giới, không những thuần thực pháp Tứ Thiên mà còn thực hành Tứ không định, để thấy rõ nền tảng của mọi sự hiện hữu là Không, gọi là Không vô biên xứ; nền tảng của mọi sự hiện hữu là Thức, gọi là Thức vô biên xứ; nền tảng của mọi sự hiện hữu là không sở hữu, gọi là Vô sở hữu xứ và nền tảng của mọi sự hiện

hữu là Tướng và phi tướng, gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Tuy phước báo Nhân và Thiên là như vậy, nhưng vẫn còn nằm trong sinh tử luân hồi, vì do không thấy rõ Tứ thánh để để tu tập, nhằm đạt tới tuệ giác "tri khô, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo", như các bậc Thánh trí.

Vì vậy, phước báo của cõi người, cõi trời phải được tu tập để nâng lên thành phước báo của các bậc Thánh trí Thanh văn, gọi là Thanh văn thừa.

II.2 Thanh văn thừa:

Thanh văn thừa là hệ giáo lý đặt nặng về sự giáo dục do quan hệ thầy trò đem lại. Thầy dạy trò con đường giải thoát, giác ngộ và học trò tiếp nối sự nghiệp giải thoát, giác ngộ từ Thầy, thế hệ này trao truyền đến thế hệ khác không bị đứt mất.

Tứ thánh đế là hệ giáo lý chủ não của Thanh văn thừa, thầy dạy cho học trò, khiến học trò nhãn sinh, trí sinh, minh sinh và giác sinh. Nhãn sinh, nghĩa là từ nơi sự

học hỏi và thực tập Tứ thánh đế, khiến cách nhìn thấy sự thật về khổ, tập, diệt, đạo của người học trò được sinh ra. Trí sinh, nghĩa là trí tuệ do học hỏi và thực hành sự thật về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra. Minh sinh, nghĩa là sự hiểu biết đúng sự thật do học hỏi và thực hành về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra. Giác sinh, nghĩa là sự giác ngộ về sự thật từng phần và toàn phần đối với Thánh đạo, do học hỏi và thực hành về khổ, tập, diệt, đạo mà sinh ra.

Nhờ vậy, các Thánh giả Thanh văn thành tựu các Thánh quả giải thoát từ Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, chấm dứt mọi khổ uẩn bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết do các loại ái nghiệp đem lại, họ sống tự tại giữa sinh tử. Sống chết đối với họ đều có chủ quyền và tự do.

II.3 Duyên giác thừa:

Duyên giác là hệ giáo lý chú trọng về sự tự giác, tự ngộ. Những bậc Thánh giả Duyên giác ra đời không gặp Phật, tự mình ý thức về khổ và tự mình tu tập giác ngộ sự thật về khổ qua Mười hai chi duyên khởi.

Nhận rõ, lão tử là do duyên từ nơi sinh mà biểu hiện; sinh là do duyên từ nơi hữu mà biểu hiện; hữu là do duyên từ nơi thủ mà biểu hiện; thủ là do duyên từ nơi ái mà biểu hiện; ái là do duyên từ nơi thọ mà biểu hiện; thọ là do duyên từ nơi xúc mà biểu hiện; xúc là do duyên từ nơi lục nhập mà biểu hiện; lục nhập là do duyên từ nơi danh sắc mà biểu hiện; danh sắc là do duyên từ nơi thức mà biểu hiện; thức là do duyên từ nơi hành mà biểu hiện; hành là do duyên từ nơi vô minh mà biểu hiện. Vô minh là do không thấy rõ Tứ thánh đế, nên liên hệ với tác nghiệp, tạo thành khổ uẩn ở trong sinh tử.

Thánh giả Duyên giác do tự thân giác ngộ hai mặt lưu chuyển và hoàn diệt của Mười hai chi duyên khởi, nên chấm dứt sinh tử và tự chứng nhập Niết bàn, không thiết lập quan hệ đệ tử.

Duyên giác khác với hàng Thánh giả Thanh văn là vô sự tự ngộ, còn hàng Thánh giả Thanh văn do có bậc thầy khai ngộ mới ngộ.

Hệ giáo lý Duyên giác thừa chú trọng đến phần tự giác,

tự ngộ.

II.4 Bồ tát thừa:

Bồ tát thừa là hệ giáo lý bao gồm cả Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, nhưng lại phát triển ý thức tự giác, tự ngộ lên một tầm cao và rộng, ấy là ngoài tự giác còn phải nỗ lực giác tha, ngoài tự ngộ phải phát khởi tâm Bồ đề để độ tha và làm cho chúng sinh cũng được giác ngộ với sự thực hành mười ba-la-mật hay sáu ba-la-mật.

Mười Ba-la-mật hay Sáu Ba-la-mật đều lấy Bồ đề tâm làm chủ yếu.

Mười ba-la-mật gồm:

- **Bố thí Ba-la-mật :** Bố thí mang tính chất vô ngã và không kẹt mắc ở nơi vật thí, người thí và đối tượng nhận thí.
- **Trì giới Ba-la-mật :** Trì giới thích ứng với tự tính thanh tịnh.

- **Nhẫn nhục Ba-la-mật :** Nhẫn nhục thích ứng với tự tính vô sân, nên không thấy có người nhẫn, không thấy có pháp để nhẫn và không thấy có ai làm bức hại để nhẫn.
- **Tinh tấn Ba-la-mật :** Nỗ lực đoạn trừ hết thảy điều ác, thành tựu hết thảy điều thiện, nhưng luôn luôn thấy tự tâm thanh tịnh là đệ nhất nghĩa thiện.
- **Thiền định Ba-la-mật :** Tâm thường trú ở nơi vô ngã và vô pháp.
- **Tuệ Ba-la-mật :** Tuệ thấy rõ chân như của vạn hữu là vô ngã và vô pháp.
- **Phương tiện Ba-la-mật:** Từ tình thương vô ngã, khéo sử dụng mọi phương tiện để khai thị chân như diệu nghĩa cho hết thảy mọi căn cơ ngộ nhập.
- **Nguyện Ba-la-mật:** Phát khởi và nuôi dưỡng tâm nguyện Bồ đề ngay ở nơi các hành hoạt từ thực tiễn đến tinh tế.

- **Lực Ba-la-mật:** Có năng lực nuôi dưỡng thiện pháp giảm trừ ác pháp, để đạt đến chân như, thâm nhập Phật tính.
- **Trí Ba-la-mật:** Trí tuệ có năng lực thấu triệt mọi tướng, thể, tính, lực, nhân, duyên, quả, báo, gốc rễ, ngọn ngành của hết thầy pháp.

Mười Ba-la-mật được đề cập ở kinh Đại-bát Niết-bàn, có phần khác với mười Ba-la-mật ở trong kinh Bản sinh của kinh tạng Pāli.

Mười Ba-la-mật được đề cập ở trong kinh tạng Pāli gồm: Thí, giới, bát-nhã, tấn, nhẫn, ly thế, chân thực, quyết ý, từ bi, xả.

Theo văn hệ Bát-nhã, Lục Ba-la-mật gồm :

- **Bố thí Ba-la-mật:** Thực hành bố thí một cách triệt để và hoàn hảo.
- **Trì giới Ba-la-mật:** Trì giới một cách hoàn hảo và triệt để từ tâm nguyện đến thân hành.

- **Nhẫn nhục Ba-la-mật:** Nhẫn nhục đạt đến sự hoàn hảo tuyệt đối, không còn ý niệm nhân, ngã khởi lên trong khi tiếp xúc và thực hành tâm từ bi với mọi đối tượng.
- **Tinh tấn Ba-la-mật:** Thực hành tinh tấn, khiến các hạnh Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ đến chỗ toàn hảo, tuyệt đối.
- **Thiền định Ba-la-mật:** Thực hành thiền định, tâm thường ở vào trạng thái tỉnh giác và tịch lặng hoàn toàn.
- **Trí tuệ Ba-la-mật:** Tâm ở vào trạng thái sáng suốt hoàn toàn, soi chiếu và quán triệt tính chân thật của vạn hữu.

Kinh Giải Thâm Mật cho rằng: Từ sáu Ba-la-mật mà khai triển thêm bốn Ba-la-mật như Phương tiện Ba-la-mật là để hỗ trợ cho sự thực hành đối với Thí, Giới và Nhẫn ba-la-mật; Nguyện ba-la-mật là hỗ trợ cho Tinh tấn ba-la-mật; Lực ba-la-mật là hỗ trợ cho Thiền định

ba-la-mật và Trí ba-la-mật là hỗ trợ Bát-nhã hay Tuệ ba-la-mật.

Cũng chính kinh này, phối hợp Lục ba-la-mật với Giới-định-tuệ như sau: Bồ thí, trì giới và nhẫn nhục thuộc về Tăng thượng giới học; Thiền định thuộc về Tăng thượng tâm học; Bát-nhã hay tuệ thuộc về Tăng thượng tuệ học và tinh tấn bao gồm cả ba học Giới-định-tuệ.

II.5 Phật thừa:

Phật thừa là điểm quy hướng của các thừa gồm: Nhân thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa. Nên, Phật thừa còn gọi là Nhất thừa.

Vì do tám ý nghĩa mà nói là Nhất thừa:

- **Do pháp đồng:** Nghĩa là các hàng Thanh văn cùng tồn tại trong một pháp giới tính hay cùng trong một thể tính chân như và tất cả cùng một điểm đến, nên gọi là Nhất thừa.
- **Do vô ngã đồng:** Nghĩa là các Thanh văn thừa

hay Đại thừa đều đồng một thể tính vô ngã. Trong tự thể tồn tại của vô ngã ấy không có sự phân biệt nhân cách giữa Thanh văn thừa và Bồ tát thừa, nên gọi Nhất thừa.

- **Do giải thoát đồng:** Nghĩa là các hàng Thanh văn thừa và Bồ tát thừa đều cùng có một mục đích là tu tập thoát ly sinh tử và giải trừ các chướng ngại Niết bàn do các loại phiền não đem lại, nên gọi là Nhất thừa.
- **Do Phật tự ý:** Nghĩa là do ý hướng đồng nhất của chư Phật về sự giáo hóa chúng sinh, cuối cùng sự giáo hóa của các Ngài là đều đưa chúng sinh đến chỗ thành Phật, nên gọi là Nhất thừa.
- **Do nói hàng Thanh văn thành Phật:** Nghĩa là theo kinh Pháp Hoa, hết thấy Thanh văn đều được chư Phật giáo hóa và điểm cuối cùng là đưa họ đến chỗ thọ ký thành Phật, nên gọi là Nhất thừa.
- **Do biến hóa:** Nghĩa là Phật hóa thân thành Thanh

văn, để giáo hóa hàng Thanh văn thành Phật, đó là phương tiện thiện xảo của chư Phật, nên gọi là Nhất thừa.

- **Do cứu cánh:** Nghĩa là mục đích cuối cùng sự giáo hóa hết thảy chúng sinh của chư Phật là tìm đủ mọi cách để giúp chúng sinh thành Phật, chứ không có mục đích nào khác, nên gọi là Nhất thừa.

Nhất thừa là cảnh giới chứng ngộ của chư Phật và đó là hạnh tối hậu của Bồ tát thừa hướng tới. (*Tham khảo: Trang Nghiêm Kinh, Tr 615, Đại Chính 31; Nhiếp Luận Thích, tr 377, Đại Chính 31*).

Và Nhất thừa là giáo nghĩa nói về Phật tính nơi hết thảy chúng sinh, ấy là Như lai tạng tính là tính bản nhiên, tính toàn giác nơi hết thảy chúng sinh.

Sở dĩ, đức Phật dạy giáo nghĩa này là để giúp chúng sinh phá trừ tâm thấp kém; phá trừ tâm khinh mạn đối với người kém hơn mình; loại trừ tâm chấp trước vọng tưởng; trừ diệt tâm phi báng pháp chân thật; loại trừ tâm

chấp ngã và chấp trước của hàng Thanh văn, Ngoại đạo và Bồ tát, khiến tất cả đều khởi tâm tinh cần, tâm cung kính, trí bát nhã, tâm biểu hiện công đức của chân trí và tâm đại bi, đưa tất cả họ nhập vào biển cả giác ngộ của chư Phật.

Đại biểu cho giáo nghĩa Nhất thừa được diễn tả Phật tính thường trú ở trong các kinh điển Đại thừa mà cụ thể là Kinh Thắng Man, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát giới Phạm Võng, Bồ tát giới Anh lạc...

Ấy là Phật giáo học thuật đi từ thấp lên cao, từ cạn tới sâu, từ hẹp tới rộng.

III/ Phật giáo tổ chức:

Từ Phật giáo đại chúng, Phật giáo học thuật tiến lên một bước nữa là Phật giáo tổ chức. Phật giáo tổ chức là Phật giáo được thiết lập trên nền tảng của Luật tạng.

Nói đến tổ chức là nói đến luật. Không có tổ chức nào mà không có luật của nó. Luật là quy định trách nhiệm và bổn phận cần thiết mà một thành viên trong tổ chức

phải tuân thủ.

Tổ chức Phật giáo bao gồm cả hàng xuất gia và tại gia. Hàng xuất gia gồm có Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na, Tỷ khưu và Tỷ khưu ni, Bồ tát tăng. Trong các giới xuất gia này mỗi giới đều có giới luật riêng để hành trì. Hàng tại gia, gồm có Ưu bà tắc, Ưu bà di và Bồ tát giới tại gia.

Giới luật Phật giáo quy định khá rõ ràng và minh bạch, thế nào là giữ gìn giới luật và thế nào là vi phạm giới luật và những phương pháp xử trị những thành viên vi phạm giới luật tùy theo mức độ phạm tội qua các chủng loại danh, chủng, tính, tướng và qua các loại khai, già, trì, phạm.

Luật học Phật giáo gồm có: Tứ Phần Luật, Ngũ Phần Luật, Ma Ha Tăng Kỳ Luật, Thập tụng Luật, Thiện Kiến Luật, Giải Thoát Giới Kinh, Tỳ Ni Mẩu,... Phạm Võng Kinh, Bồ Tát Anh Lạc Nghiệp Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh,... Tất cả những giới luật này hiện có ở trong Đại Chính 22, 23, 24.

Cho nên, Phật giáo là một tổ chức mang tính khoa học sớm nhất của xã hội con người. Tổ chức Phật giáo quy định đầy đủ các điều khoản cần phải thi hành cho cả hai giới xuất gia và tại gia, cho cả hai giới tính nam và nữ, từ đời sống tại gia đến đời sống xuất thế, từ đời sống phạm tục đến đời sống của một bậc Thánh giải thoát.

Nên, về mặt tổ chức chưa có một Tôn giáo nào, một tổ chức xã hội nào vượt qua tổ chức luật học của Phật giáo từ mặt phạm tục đến mặt xuất thế.

IV/ Phật giáo thực nghiệm:

Đức Phật đã từng dạy ở trong kinh A-hàm: "Những gì Như lai nói là Như lai đã làm và những gì Như lai đã làm thì Như lai mới nói".

Nên, toàn bộ giáo pháp do đức Phật dạy đều là giáo pháp do Ngài đã thực nghiệm và có kết quả nhất định, trước khi công bố cho đại chúng, bao gồm cả thế giới trời, người.

Trong kinh A-hàm đức Phật dạy: "Giáo pháp của Ngài dạy là đến để mà thấy, thiết thực ngay trong đời sống, dập tắt phiền não, đoạn tận khổ đau, được bậc trí giả nội chứng...".

Phật giáo thực nghiệm là Phật giáo công bố kết quả đã thực nghiệm thành công, qua các trải nghiệm từ thân thể, cảm thọ, tâm hành, nội pháp và ngoại pháp, chứ không phải công bố lý thuyết.

Đức Phật dạy, pháp do Ngài giảng dạy: "buổi sáng thực hành, buổi chiều có kết quả, đêm nay thực hành, sáng mai có kết quả, hay phút trước thực hành là vài phút sau có kết quả...".

Tác dụng giáo pháp Phật dạy là đoạn tận khổ đau. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo ở trong Đạo đế của Tứ thánh đế đều là những pháp hành để đoạn tận khổ đau. Đạo đế là con đường đoạn tận Tập đế, chấm dứt Khổ đế và hiện chứng Diệt đế hay Niết bàn.

Vì vậy, Phật giáo thực nghiệm là rất quan trọng, thiếu

thực nghiệm là chưa phải hay không phải Phật giáo.

V/ Phật giáo chứng ngộ:

Nhờ có thực nghiệm mà dẫn tới chứng nghiệm. Thực nghiệm phần nào thì chứng nghiệm phần ấy.

Trong năm giới, có người thọ trì toàn phần, có người thọ trì đa phần, có người thọ trì bán phần, có người thọ trì thiếu phần, có người thọ trì nhất phần. Ai thọ trì ngang đâu thì kết quả của các thiện nghiệp đạo sẽ xảy ra cho họ ngang đó và họ thành tựu phước báo đúng với mức độ mà họ đã hành trì.

Đối với hàng Thánh giả Thanh văn, sự chứng ngộ cao nhất của họ là A-la-hán quả, chấm dứt sinh tử ở trong ba cõi và thấp nhất là Thánh quả Thất lai, nghĩa là họ còn phải trở lại cõi Dục giới tối thiểu là bảy lần để tiếp tục tu tập, đoạn trừ các lậu hoặc phiền não, trước khi chấm dứt sinh tử hoàn toàn.

Đối với hàng Duyên giác là do giác ngộ sự và lý của mười hai chi phần duyên khởi, khiến các phiền não ái,

thủ, hữu, vô minh và hành đoạn tận, tự mình giác ngộ, chấm dứt sinh tử khổ đau.

Sự chứng ngộ của hàng Bồ tát có nhiều cấp bậc sâu cạn, cao thấp khác nhau, tùy theo sự phân định và giải thích của các kinh điển thuộc văn hệ Đại thừa.

Có bốn mươi hai địa vị tu chứng hay năm mươi hai địa vị tu chứng hoặc năm mươi sáu địa vị tu chứng, kể từ khi phát khởi tâm Bồ đề tu tập Bồ tát đạo.

Nhưng, sự chứng ngộ cao nhất của Bồ tát là tự nhận biết tự thân có Phật tính hay Như lai tạng tính và thường an trú ở nơi tự tính thanh tịnh ấy để đạt đến sự toàn giác, chánh biến giác và thường sống ở nơi tự tính chánh biến giác ấy mà giáo hóa hết thảy chúng sinh.

Tuy giáo hóa hết thảy chúng sinh mà không hề xa rời tự tính giác ngộ. Tuy ở trong cõi phiền não của chúng sinh để giáo hóa muôn loài, mà không bị các loại phiền não khởi sinh làm chướng ngại tự tính thanh tịnh.

Như vậy, sự chứng ngộ cao nhất trong Phật giáo là Phật.

Phật thường trú Niết bàn mà không rời bản nguyên độ sinh. Tuy hóa độ hết thấy chúng sinh mà đương xứ thanh tịnh. Ấy là sự chứng ngộ và giác ngộ của Phật.

Do đó, những nhà làm giáo dục ở trong Phật giáo không thể không biết và không nghiên cứu các phân khoa Phật giáo này một cách tường tận để hoạch định đường hướng giáo dục Phật giáo cho Tăng Ni và Phật tử có tính xuyên suốt giáo pháp của Phật và ứng dụng giáo pháp ấy của Ngài vào mọi thời đại.

CẢ MỘT TRỜI XUÂN

*Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho
đại chúng tại chùa Phước Duyên, Huế ngày mùng 2
tết Nhâm Dần 2022.*

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Từ Thị Di Lặc Tôn Phật.

Nam mô Long Hoa Thắng Hội nguyện tương phùng.

Thưa toàn thể đại chúng. Tôi thay mặt Hòa thượng Viện chủ, chư Tôn đức Tăng tại trú xứ Tăng già lam Phước duyên, thành phố Huế, kính chúc toàn thể đại chúng cùng thân quyến nội ngoại một mùa xuân Nhâm dần có vô lượng an lạc, hạnh phúc, luôn luôn sống trong ánh sáng trí tuệ và từ bi của chư Phật.

Và sau đây, tôi xin chia sẻ Pháp thoại "Cả một trời xuân" đến với toàn thể quý vị.

Thưa đại chúng. Ngày hôm qua và ngày hôm nay, quý vị đã thắp hương khấn lên tổ tiên ông bà nội ngoại của

mình, khẩn lên các vị thần linh mà mình tin tưởng, khẩn lên Tam bảo, quý vị đã khẩn điều gì? Đã cầu mong điều gì? Đã nhu cầu điều gì cho mùa xuân năm nay?

Nhu cầu của mùa xuân năm nay, tất cả những lời khẩn nguyện đều nhấn mạnh: kính xin tổ tiên ông bà nội ngoại, kính xin các vị thần linh, kính xin chú hồ uy hùng, kính xin Tam bảo rủ lòng từ bi thương xót cho con, gia hộ cho con và gia đình con, bạn bè của con đi test đều được âm tính; và năm này làm sao cho gia đình chúng con, ai ai cũng đừng bị F0, F1. Đó là nhu cầu mà chúng ta mong rằng mùa xuân Nhâm dần sẽ đến với chúng ta để chúng ta không ai bị F0 mà cũng chẳng ai bị F1. Lời cầu khẩn ấy, không phải mỗi gia đình chúng ta mà những người có trách nhiệm đối với xã hội, với quốc gia, với thế giới cũng cầu nguyện như thế. Đừng có F0, đừng có F1 thì xã hội mới trở lại an bình, gia đình mới đoàn tụ, hạnh phúc, bạn bè mới đi tới với nhau mà nở một nụ cười hả hê. Còn F0 và F1 thì còn bịt miệng mà chào nhau. Bịt miệng mà chào nhau thì môi cười mà lệ rưng rưng, chẳng có hạnh phúc gì; tay bắt mà mặt nhăn nhó, chứ không

phải gặp nhau mà tay bắt mặt mừng.

Muốn không có F0 và F1 ở nơi bản thân mình, ở nơi gia đình mình, ở nơi toàn thể xã hội từ Đông sang Tây, từ Âu đến Á, chúng ta phải làm gì? Đây là câu hỏi, mà là câu hỏi của những con người có lương tâm, những con người có lương tri, những con người có đạo đức, những con người có trách nhiệm với gia đình, xã hội, đất nước và thế giới loài người.

Để trả lời câu hỏi này và để đáp ứng nhu cầu này, cách đây 26 thế kỷ, đức Phật đã dạy cho chúng ta. Muốn thoát khỏi tật bệnh, muốn khỏi tai nạn trong đời sống con người, chúng ta có bốn phương pháp để trở về.

Phương pháp thứ nhất, là mỗi khi sự cố xảy ra trong đời sống chúng ta, chúng ta hãy nắm ngay hơi thở, không nói gì, không đi đâu, đứng yên, ngồi yên, nắm lấy hơi thở: thở vào- tôi biết tôi đang thở vào, thở ra – tôi biết tôi đang thở ra. Khi chúng ta thở vào và thở ra có ý thức như thế tức là chúng ta tạo ra định lực cho tự thân mỗi chúng ta. Và khi mỗi thành viên trong gia đình chúng ta

biết thực tập như thế sẽ tạo ra định lực trong gia đình mỗi chúng ta. Và mọi thanh phần xã hội biết thở vào và thở ra bằng ý thức như thế thì chúng ta tạo ra được một định lực cho xã hội. Chúng ta bị chao đảo bởi vì bản thân chúng ta không có định lực. Gia đình chúng ta bị chao đảo bởi vì gia đình chúng ta không có định lực. Xã hội bị chao đảo bởi vì xã hội không có định lực. Tâm đã không có định lực thì nhất định chúng ta bị cảnh chi phối. Cho nên mỗi khi sự cố bất thường xảy ra cho bản thân chúng ta, xảy ra cho gia đình chúng ta, xảy ra cho xã hội chúng ta thì người con Phật, trước hết, chúng ta phải quay về với chính mình, nắm lấy hơi thở, thở vào thật sâu, thở ra từ từ với ý thức trong sáng, tỉnh giác hoàn toàn. Chúng ta phải có phương pháp này thì F0 không bao giờ có trong bản thân chúng ta, F1 không bao giờ có trong bản thân chúng ta, gia đình chúng ta và xã hội chúng ta. Đây là điều mà quý vị cần phải lưu ý thực tập.

Phương pháp thứ hai, mỗi khi chúng ta có cảm giác khó chịu từ tâm thức sợ hãi, chúng ta có cảm giác khó chịu từ tâm thức lo lắng, chúng ta có những cảm giác khó chịu

từ những mâu thuẫn gia đình, từ những mâu thuẫn bạn bè, từ những mâu thuẫn xã hội, chúng ta chỉ ngồi yên, nắm lấy hơi thở, đẩy sâu vào nơi cảm giác khó chịu đó, thì chỉ cần mấy giây thôi, chúng ta không bị cảm giác khó chịu đó chi phối chúng ta, chúng ta không bị cảm giác khó chịu đó đẩy chúng ta đi khỏi những suy nghĩ chính đáng của chúng ta.

Và mỗi khi chúng ta có những cảm giác hưng phấn, dễ chịu, thì chúng ta cũng phải nắm lấy hơi thở thật sâu, đẩy vào nơi cảm giác dễ chịu đó và biết nó đang hiện hữu, nó đang hiện hữu một cách cụ thể. Chúng ta làm chủ được như vậy thì chúng ta không bị những chèn chèn, những thú vui thường tục cuốn hút và đẩy chúng ta mất tiêu trong đời sống của chúng ta, trong đời sống của gia đình chúng ta và trong đời sống của xã hội.

Mỗi khi chúng ta có cảm giác vô cảm, không cần quan tâm đến ai, không cần biết đến ai, bản thân mình cũng không biết mình là gì. Mỗi khi chúng ta có những vô cảm như thế thì chúng ta cũng nắm lấy hơi thở, đẩy hơi thở

thật sâu vào nơi mỗi cảm giác vô cảm của chúng ta, để chúng ta đẩy cảm giác vô cảm đó trở thành ra cảm giác biết thương yêu, biết chia sẻ, biết quan tâm đến những người chung quanh, và có thể thương những gì cần phải thương, trân trọng những gì cần phải trân trọng, và biết hóa giải tất cả những gì cần phải hóa giải để đẩy tất cả những xung đột nội tâm, mâu thuẫn ngoại cảnh đi theo hướng tích cực của mỗi chúng ta. Như vậy là ta sẽ có một mùa xuân, một mùa xuân của chủ quyền, một mùa xuân của tự chủ, một mùa xuân của tự do và hạnh phúc.

Mỗi khi những bất an xảy ra trong đời sống chúng ta, chúng ta hãy nắm lấy hơi thở, đẩy vào nơi thân khi thân ta bất an, đẩy vào nơi tâm khi tâm ta bất an. Một ý niệm quá khứ hiện khởi làm cho mình vui không cùng. Một ý niệm quá khứ khởi hiện làm cho chúng ta đau khổ vô cùng, oán đối vô tận. Cái vui khởi lên từ nơi tâm niệm của chúng ta thuộc về quá khứ. Cái buồn khởi lên từ nơi tâm niệm của chúng ta thuộc về quá khứ. Chúng ta ý thức rất rõ. Chúng ta đẩy hơi thở chúng ta đi vào ở nơi những ý niệm vui buồn trong quá khứ chợt hiện, chợt ẩn

ở trong tâm thức chúng ta, thì tất cả những cái vui, buồn, lo lắng hiện về trong tâm thức chúng ta sẽ được chuyển hóa và như vậy, tâm chúng ta có bình an. Tâm bình an, tâm sâu lắng, tâm có định tĩnh, tâm có thần lực thì không có thần lực nào bên ngoài có thể xâm hại chúng ta. Tâm có định lực thì không có bất cứ một lực nào bên ngoài có thể hớp hồn chúng ta.

Và mỗi khi ta thấy sự quan hệ của chúng ta bị rối rắm, từ nội tâm đến ngoại cảnh, chúng ta nắm lấy hơi thở, thở vào thật sâu đưa hơi thở đi lên trên đỉnh đầu, đi xuống đôi mắt, đi xuống mũi, đi xuống hai tai, đi xuống miệng, đi xuống toàn thân của chúng ta. Đưa hơi thở đi thăm tất cả những bộ phận trong cơ thể chúng ta, chúng ta sẽ làm chủ được thân của chúng ta trong giờ phút đó, chúng ta sẽ làm chủ được tâm chúng ta trong giờ phút đó.

Và mỗi khi mắt chúng ta nhìn hình sắc, chúng ta đưa ý thức chạm vào mọi hình sắc để chúng ta không bị cái hình sắc lèo lẹt bên ngoài chi phối chúng ta. Khi ta nghe âm thanh dễ chịu, khó chịu, chúng ta cũng ý thức rất rõ

để cho tất cả những cái dễ chịu, khó chịu đó đi theo cái tâm thanh tịnh của chúng ta, đi theo cái tâm an lạc của chúng ta, đi theo cái tâm định tĩnh của chúng ta. Chúng ta ngủ, chúng ta ăn, chúng ta nằm, chúng ta tiếp xúc đối với muôn vật ngoại cảnh, chúng ta cũng phải làm chủ tâm ta thì mọi ngoại cảnh đi vào trong tâm chúng ta sẽ hỗ trợ cho tâm chủ của chúng ta và chúng ta có hạnh phúc. Như vậy, thì F0, F1 sẽ không xảy ra trong đời sống chúng ta; mấy chú mấy o covid trở trêu không trêu ghẹo được chúng ta, không dọa dẫm được chúng ta khi mà chính bản thân của chúng ta có một định lực, có một nội lực, có một ý lực, có một ý chí thì tất cả những cái gì mà không thuộc về chúng ta, nó sẽ từ giả chúng ta, nó tự loại ra khỏi chúng ta mà chúng ta không cần phải loại, chúng ta không cần phải chống mà cái gì không phải nội lực của chúng ta, nó tự đào thải. Cho nên chúng ta phải tu tập như thế nào để thực sự có nội lực, có định lực. Mà muốn như vậy thì chúng ta phải có tín lực, không có tín lực thì chúng ta sẽ không bao giờ có sức mạnh. Chúng ta phải tin rằng chúng ta không có nhân duyên với covid thì dù chúng ta có đi chơi với covid cũng không dính gì,

nhưng mà nếu chúng ta đã có nhân duyên với covid rồi thì dù cho chúng ta có trốn trong cái hũ thì nó vẫn dính như thường. Chúng ta phải tin như vậy. Chạy trời cho khỏi nắng. Cho nên Tổ của chúng ta đã khuyến cáo chúng ta rằng:

Giả sử bách thiên kiếp

Sở tác nghiệp bất vong

Nhân duyên hội ngộ thời

Quả báo hoàn tự thọ.

Nghĩa là: Giả sử trăm kiếp ngàn đời, chỗ tác nghiệp không bị mất, khi nhân duyên hội đủ thì quả báo tự đến, nó đến một cách chính xác, chứ nó không bao giờ đến một cách oan với ai, bởi vì nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, chạy trời cho khỏi nắng khi mà nghiệp chúng ta đã tạo. Nhân đã chuyển hóa thành quả, được tác dụng hay bị tác dụng bởi duyên, thì đúng lúc quả nó xuất hiện. Do đó, chúng ta phải có niềm tin, niềm tin vào nhân duyên nhân quả của chúng ta. Và khi chúng ta đã có nhân duyên, nhân quả xấu thì chúng ta

phải ngồi lại trầm tĩnh để chuyển hóa nguyên nhân đó, cái duyên đó ở nơi tâm chúng ta. Bởi vì tâm chúng ta đi theo hai dòng chảy, một dòng chảy ác và một dòng chảy thiện; ác tạo ra băng giá cuộc sống; thiện tạo ra hồn sống, tạo ra sức sống, tạo ra mùa xuân của sự sống.

Cho nên giữa không gian vô cùng, con chim sẻ chỉ bay ngang nơi chim sẻ mà thôi, con chim sâu chỉ bay theo kiểu chim sâu mà thôi, chim bồ câu bay theo kiểu bồ câu mà thôi, nhưng chim hồng bay theo kiểu chim hồng. Chim sẻ muốn làm chim hồng thì làm sao mà làm được, vì nhân, duyên, quả, báo của nó chỉ là chim sẻ. Chim sâu muốn làm chim hồng hạc - làm sao có thể làm được một chút chút của hồng hạc. Bởi vì nhân duyên của nó chưa từng gieo trồng hồng hạc, thì nó vẫn là chim sâu, chim sẻ thôi.

Vì vậy, chúng ta tu học phải nhìn vào nơi tâm mình. Những hạt giống nào ở trong mình thuộc loại chim sâu chim sẻ thì tìm cách sa thải nó đi; những hạt giống nào trong tâm thức mình thuộc về hồng hạc, thuộc về hồng điều, nuôi dưỡng nó. Nhìn cho sâu vào tâm mình, thấy

trong tâm mình hạt giống nào thuộc về nai, về thỏ, về uệnh oạng thì loại nó ra; những hạt giống nào thuộc về sư tử, về hổ: nuôi dưỡng nó, phát triển nó, phát triển nó bằng chất liệu của trí tuệ, phát triển nó bằng chất liệu của từ bi. Hổ mà không có trí tuệ, không có từ bi, hổ đó là hổ ngu. Hổ bỏ núi rừng mà chạy về thành phố cho nên bị thành phố làm cho mê hoặc, ngất ngây. Cọp mà bỏ núi rừng đi về thành phố, đó là cọp đi theo sở đoản mà không phải là phát huy sở trường. Không ai đánh cọp, cọp cũng tự chết thôi. Nhớ không! Phật tử mà bỏ niềm tin thanh tịnh đối với Tam bảo của mình, chạy theo đời, buông lung trong các dục, thì không ai làm cho mình chết cả mà chất liệu Phật tử tự chết ở trong đáy lòng của mình, ở trong cuộc sống của mình. Cũng như cọp bỏ núi rừng đi tìm kiếm sự hoang phí, sự tôn vinh ở nơi xã hội con người thì làm sao mà không bị con người lột da, xẻ thịt, róc xương làm cao hổ cốt. Cho nên cọp mạnh là mạnh đó nhưng mà phải có trí tuệ, phải có từ bi. Mạnh mà không có trí tuệ, mạnh đó là hung tàn, bạo ngược, mạnh ngu si, mà câu dân gian thường nói "hổ đồng vô mưu". Mạnh, anh hùng, mà không có

kế hoạch chi cả, dụng đâu làm đó, dụng đâu nói đó, dụng đâu sống đó, dụng đâu thể hiện tài năng của mình đó, thì không ai cướp mất danh hiệu anh hùng thì danh hiệu đó cũng tự biến mất thôi. Đó là những điều mà quý vị phải lưu ý.

Nên, chúng ta phải có tín lực, phải có tấn lực, phải có niệm lực, phải có định lực, phải có tuệ lực. Có được năm sức mạnh này, chúng ta có khả năng tạo ra mùa xuân cho chính chúng ta, chúng ta có khả năng tạo ra mùa xuân cho gia đình chúng ta, chúng ta có khả năng tạo ra mùa xuân cho đất nước chúng ta, cho quê hương, xứ sở chúng ta và đóng góp vào mùa xuân của toàn thể nhân loại và đủ năng lực để che chở muôn loài, muôn vật đang cần sự che chở của thế giới con người chúng ta, từ đó chúng ta mới nói rằng chúng ta là kẻ có trí, biết thưởng thức mùa xuân, biết nuôi dưỡng mùa xuân và biết phát triển mùa xuân một cách đích thực đến muôn loài, muôn vật, và ở đâu chúng ta cũng thấy cả một trời xuân. Trời xuân không phải ở phương đông, trời xuân không phải ở phương tây, trời xuân không phải ở phương bắc, trời

xuân không phải ở phương nam, trời xuân không phải ở phương trên, trời xuân không phải ở phương dưới, mà trời xuân ở khắp mọi nơi khi tâm chúng ta có đầy đủ các năng lực của niềm tin, năng lực của sự tinh cần, năng lực của sự chánh niệm, năng lực của sự thiền định và năng lực của trí tuệ. Chúng ta có được năm năng lực này, mùa xuân đích thực có mặt với chúng ta; covid, F0, F1 không có chỗ, không có nhân duyên để biểu hiện.

Cho nên mùa xuân này là mùa xuân của chú cọp, mà là cọp vua – Nhân dân. Nhưng nên nhớ, có tiền, có quyền thì phải cẩn thận, vì "hổ đồng vô mưu" - uy hùng mà không có mưu, có trí nên bị con người gian xảo nó lừa, như câu chuyện ngày xưa trong văn học Việt nam. Có chú cọp ngồi cười chú trâu, nói rằng "trâu ơi, sao mày to béo mập mập như vậy mà để con người nhỏ nhoi nó la, nó hét, rồi kéo cày cho nó thì nó còn đi sau nó đánh mày tấ-tấ-rì-rì; mày mạnh mẽ mà ngu vậy trâu". Trâu nói, "con người nhỏ nhưng trí nó khôn, còn tao mập nhưng không có trí nên bị con người điều khiển". Cọp nghe trâu nói vậy bèn hỏi con người: "Này ông người, trâu nói ông

người thông minh, ông người có trí, bây giờ ông đưa cái trí cho ta xem". Người mới nói với cọp: "Trí ta bỏ ở nhà rồi, vì trí quý lắm, đem đi sợ mất". Cọp nói: "Vậy thì về lấy trí cho ta xem". "Nhưng ta về lấy thì mày ăn trâu của ta sao" – người nói. "Vậy phải làm sao?". "Muốn coi trí thì mày phải nằm yên để ta trói lại". Cọp nghe có lý nên nằm yên cho người trói. Trói cọp xong, người liền dùng roi đánh chú cọp: "Trí ta là đây! Trí ta là đây!". Cọp bị trói rồi nên con người tha hồ dùng roi đánh. Quý vị đã thấy "hồ đồng vô mưu" chưa!

Vậy nên năm này, mình phải khôn khéo chứ nếu không sẽ bị cái người mà mình cho rất tầm thường như người nông dân thôi mà đôi khi họ có thể trói người có quyền lực, trói người giàu có, họ đánh cho chết, vì giàu có mà vô mưu, quyền lực mà vô mưu. Câu chuyện mà văn học Việt nam đã để lại cho chúng ta, chúng ta cần phải chiêm nghiệm để ứng dụng vào trong đời sống của mình. Làm bất cứ điều gì, đừng để mất trí tuệ. Làm bất cứ điều gì, đừng để mất từ bi. Làm bất cứ điều gì, đừng để mất tình người. Làm bất cứ điều gì, đừng để mất tình cha con, vợ

chồng, anh em, bạn bè với nhau. Thà mất thân mạng mà còn tình cha mẹ, tình anh em, tình vợ chồng, tình bạn bè, tình người, thì thân mạng có mất đi, chúng ta cũng trở thành bất hủ ở trong gia đình chúng ta, ở trong xã hội con người chúng ta. Còn nếu chúng ta sống mà một chút tình cũng mất đi rồi thì sống cũng chỉ như gỗ đá, ngói gạch mà thôi. Cho nên chúng ta cố gắng năm này nỗ lực tu học, giữ được cái khí tiết của chúng ta. Và phải thông minh lắm mới giữ được khí tiết của mình. Còn nếu không, chúng ta cũng bị một người rất bình thường đánh lừa chúng ta như câu chuyện người nông dân đã đánh lừa được chú cọp, và chú cọp đã chết bởi cái hồ đồng vô mưu của mình.

Kính chúc đại chúng năm này vô lượng an lạc, có sức mạnh trí tuệ, có sức mạnh từ bi, có sức mạnh của bao dung, hỷ xả để ở đâu, lúc nào, với ai, chúng ta cũng tạo ra được mùa xuân cho tất cả, để cuộc sống không còn là lạnh lẽo, không còn là cô quạnh, không còn là tủi nhục, mà cuộc sống là cả một trời xuân.

Nam mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật.

XUÂN NHƯ NGÀY ẤY

Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng

Tin yêu và sức sống

Mùa xuân là mùa của tin yêu và sức sống. Nếu không có tin yêu, thì làm sao chúng ta sống được, và nếu không sống được thì làm sao có sự nở hoa, có sự đâm chồi nảy lộc. Nên, ở trong đời người nào có tin yêu, người đó có sức sống của mùa xuân; gia đình nào có sự tin yêu thì gia đình đó đích thực có sức sống của mùa xuân và dân tộc nào có sự tin yêu, dân tộc đó có sức sống của mùa xuân. Nên, bản chất của mùa xuân là tin yêu và sức sống.

Trong người mình không có sự tin yêu nào cả thì làm sao có được mùa xuân, làm sao có hoa nở trong đời sống của mình. Vì vậy, tôi nói rằng, nơi nào có sự tin yêu, nơi đó có sức sống đích thực của mùa xuân.

Hy vọng và bình an

Mỗi khi trong đời sống của ta đã có mùa xuân, thì ta có

sức sống; và mỗi khi ta đã có sức sống, thì ta có bình an và hy vọng. Chính sự bình an của mùa xuân tạo ra sự hy vọng của ta đối với hiện tại và tương lai. Vì sao? Vì sự hy vọng đó được đặt trên nền tảng của tin yêu, trên nền tảng của sức sống và trên nền tảng của bình an. Nên sự hy vọng đó là sự hy vọng có thật cho ta không những ngay trong đời sống này mà ngay cả tương lai của ta nữa.

Mùa xuân là sự tin yêu, mùa xuân là sức sống, mùa xuân là sự bình an và mùa xuân là niềm hy vọng. Mùa xuân luôn luôn có những chất liệu như thế và những chất liệu như thế đã tạo nên mùa xuân đích thực cho ta.

Cách đây mười ba năm, tôi đã có làm bài thơ "Xuân như ngày ấy", để nói lên sự nhận diện và tiếp xúc của mình đối với xuân như sau:

"Đất trời vẫn đất trời này

vẫn giông bão tố vẫn đầy bình an;

Vẫn đêm tối, vẫn trăng ngàn

vẫn bình minh cũ vẫn hoàng hôn xưa.

Đá nằm im lặng bốn mùa

ngàn năm chim vẫn hót đùa trên cây.

Rừng hoang hoa vẫn nở đầy

trong ta xuân vẫn như ngày ấy thôi".

Đất trời vẫn đất trời này

Từ khi khai thiên lập địa đến nay, trong đời sống của con người có đất trời nào khác, ngoài đất trời này, ấy là đất trời mà ta đang sống và đang tiếp xúc. Tổ tiên ta đã có mặt nơi đất trời này để sinh ra ta và ta cũng có mặt ở nơi đất trời này để kế thừa tổ tiên ta và sinh ra con cháu của ta, chứ có đất trời nào khác! Nên, mọi chuyện ta đang có là đang có với đất trời này đây. Và mùa xuân ta đang có cũng là đang có với đất trời này đây. Ngoài đất trời này ta không có mùa xuân nào khác cho ta và nếu có mùa xuân nào khác, thì đó là mùa xuân khác với đất trời này, mùa xuân ấy không phải là mùa xuân của con người chúng ta.

Vẫn giông bão tố, vẫn đầy bình an

Trong đất trời này, dù có giông bão, nhưng không phải vì thế, mà không có sự bình an. Như vậy, chúng ta thấy ngay trong giông bão vẫn có hy vọng và hạnh phúc cho ta rồi chứ? Tìm đâu nữa – ngay trong giông bão tố vẫn có sự bình an kia mà. Quan trọng là ta có chịu đựng được với những giông bão của cuộc đời hay không, để rồi sau khi giông bão của đời ta đi qua, thì bình an sẽ có mặt với ta. Nếu ở trong đời này, ta tránh né giông bão, tránh né sự đau đớn phũ phàng, thì ta tránh đâu cho khỏi? Biết chấp nhận giông bão để học hỏi, rèn luyện ý chí để thăng hoa và tái tạo bình an cho chính mình, đó là sự hành xử thông minh của con người mà muôn thú không thể nào có được. Nên,

"đất trời vẫn đất trời này

vẫn giông bão tố, vẫn đầy bình an".

Thế thì ta đi tìm mùa xuân ở đâu, đi tìm bình an ở đâu, để rồi ta bị lao tâm, nhọc trí và rộn ràng lắm thế! Lao

tâm thì không có bình an; nhọc trí thì không còn thông minh và rộn ràng, thì làm cho niềm tin và hy vọng của ta cạn kiệt. Niềm tin đã cạn kiệt, thì hy vọng không còn, mùa xuân ở phương trời nào mà ta dỗi mắt tìm kiếm!

Vẫn đêm tối vẫn trăng ngàn

Ngay trong đêm tối vẫn có trăng ngàn, nhưng do ta đứng ở bên phía này, nên ta bị bán cầu ở bên phía này che khuất đó thôi. Phật tính hay bản chất dễ thương và trong sáng vẫn có trong ta, nhưng vì ta đứng về phía phiền não; ta sống và chạy theo phiền não, nên tính dễ thương hay Phật tính nơi ta bị phiền não che khuất đó thôi. Dù Phật tính hay bản chất dễ thương bị phiền não nơi tâm ta che khuất, nhưng nó vẫn luôn luôn có mặt ở đó cho ta. Nên, phiền não là bóng đêm và Phật tính là trăng ngàn đó vậy. Đòi ta khổ đau, vì ta chạy đua theo phiền não và đòi ta có an lạc, vì ta biết dừng lại những não phiền trong tâm ta.

Vẫn bình minh cũ vẫn hoàng hôn xưa

Bình minh thì không có cũ hay mới, mà lúc nào cũng

vậy. Cho nên, ta cần gì phải đi tìm bình minh mà nhọc công từ chối hoàng hôn hay ta cần gì mà phải đi tìm kiếm cái mới để nhọc công từ chối cái cũ? Điều quan trọng là mình có nhận ra bình minh hay hoàng hôn hay không; mình có nhận ra được cái cũ và cái mới hay không? Nếu mình xua đuổi hoàng hôn để đi tìm kiếm bình minh, thì bình minh sẽ không bao giờ trở thành hiện thực với chính mình đâu nhé! Và nếu mình từ chối cái cũ để đi tìm cái mới, thì cái mới ấy cũng không bao giờ trở thành hiện thực cho ta!

Bình minh và hoàng hôn hay mới và cũ không phải là hai thực thể cá biệt, mà chúng luôn luôn có mặt ở trong nhau. Chúng cùng nhau hiện hữu như sự hiện hữu hai mặt phải và trái của một bàn tay. Tiếng vỗ của một bàn tay không thể nào hiện hữu, nếu không có sự hiện hữu của hai bàn tay trái và phải chạm vào nhau.

Hoàng hôn cũng vậy, ngày nào cũng có hoàng hôn; muôn vật đều có hoàng hôn. Đất đá, cỏ cây, hoa lá cũng có hoàng hôn; con chó, con mèo, con heo cũng có hoàng

hôn, con trâu, con bò, con kiến,... cũng có hoàng hôn. Bình minh và hoàng hôn chỉ có khác nhau từ điểm đứng hay từ điểm không gian của người đứng nhìn và cảm nhận, chứ làm gì có hoàng hôn thật để cho ta từ chối và có bình minh thật để cho ta dong ruổi kiếm tìm!.

Con người khác với muôn loài ở điểm nhìn và điểm cảm nhận đối với bình minh hay hoàng hôn, để rồi con người có khả năng tạo ra cho mình sự bình an ngay giữa giông bão và cái mới ngay nơi cái cũ của cuộc đời.

Và nếu ta biết nhìn thì ta sẽ thấy bình minh có vẻ đẹp của bình minh và hoàng hôn cũng có vẻ đẹp của hoàng hôn. Nên trước đôi mắt của một người biết tu tập, thì họ nhìn thấy em bé có vẻ đẹp của em bé, bà già có vẻ đẹp của bà già, chứ không phải "soi gương buồn tóc bạc" như cảm xúc của một nhà thơ nào đó. Trong khi mùa xuân là sức sống, bình an và hy vọng, nên chính ngay trong mùa xuân có đầy đủ cả hai chất liệu "vẫn bình minh cũ, vẫn hoàng hôn xưa". Biết vậy, nên ta không có buồn khi thấy mình già và ta cũng không quá vui khi thấy mình trẻ, vì

sao? Vì ta biết trong cái cũ có cái mới; trong cái già có cái trẻ; trong hoàng hôn có bình minh; trong cái lạnh buốt của mùa đông sẽ có cái ấm áp, sáng trong của mùa xuân xuất hiện khi hội đủ nhân duyên. Thực tập và sống với cách nhìn ấy, bình an trong ta sẽ tỏa ra, chất liệu thành thoi trong ta sẽ lớn lên một cách vững chãi và bấy giờ mùa xuân sẽ cùng ta hiện hữu.

Ta nên biết rằng, mùa xuân là kết quả tất yếu của mùa đông, là tinh hoa của mùa hạ, là ưu việt của mùa thu. Nên chúng ta nhìn thấy trong hạ có thu, trong thu có đông và trong đông có xuân. Khi nhìn ta nhìn thấy được như thế, thì sống ở tuổi nào, ta thấy cũng đẹp và ta có khả năng sống đẹp đối với mọi lứa tuổi và đối với mọi thời gian.

Đá nằm yên lặng bốn mùa

Đá nằm yên lặng, bất động bốn mùa là hiển thị cho chân lý không sinh diệt có mặt ngay nơi mọi vật đang sinh diệt giữa dòng đời. Niết bàn không tách rời sinh tử; niết bàn có mặt ngay ở trong sanh tử. Phật tính có mặt ngay

trong tâm phiền não của chúng sanh. Cũng vậy, mùa xuân có mặt ngay nơi mùa hạ và mùa đông. Dù mùa hạ nắng gay gắt và mùa đông mưa gió lạnh lẽo, nhưng mùa xuân vẫn có mặt ở đó cho ta. Mùa xuân vẫn không hề bị mòn diệt chút nào bởi cái lạnh buốt của mùa đông và cái nóng cháy da của mùa hạ.

Có những chùa thờ dựng những tảng đá đứng sừng sững bất động ở trong vườn là để làm biểu tượng cho thiên định. Thiên định thì bất động trước mọi đổi thay của hoàn cảnh.

Khi một vị tu tập nhiếp phục được phiền não và đi vào đại định, thì vị ấy bất động đối với mọi thời gian và mọi không gian. Do đạt tới sự bất động đối với mọi thời gian và mọi không gian rồi, nên thời gian nào đối với họ cũng là mầu nhiệm, cũng là xuân và không gian nào đối với họ cũng là thanh thang, vô ngại và cũng đều có hoa nở cùng chim hót. Nên, mùa nào cũng là mùa xuân đối với họ.

Ngàn năm chim vẫn hót đùa trên cây

Trong mọi không gian đều có chim hót, nhưng ít ai để ý,

nên ít ai nghe được. Nếu ta biết dừng lại những gì vội vã trong tâm ta và ngay trong đời sống của ta, thì ta có khả năng nghe được tiếng chim hót từ mọi phương trời. Mọi phương trời đều có tiếng chim hót, nhưng do tâm ta bận rộn, ta hành xử trong bận rộn, ta thức và ngủ trong vọng tình, nên ta không nghe được tiếng chim hót đó thôi, chứ không phải trong không gian không có tiếng chim hót cho ta đâu. Và quan trọng hơn hết là tâm ta càng yên lắng, thì ta nghe tiếng chim hót càng diệu vợi và đất tâm của ta càng lạnh, thì tiếng chim hót, ta nghe càng trở nên thánh thiện và cao khiết.

Như vậy, hạnh phúc đến với ta không phải từ sự tìm kiếm hay săn đuổi mà từ nơi sự biết dừng lại những gì bận rộn nơi tâm ta; biết dừng lại ngay nơi những hành động bận rộn của ta. Và cũng như vậy, mùa xuân đến với ta và đời ta có xuân không phải từ nơi bận rộn mà từ nơi biết chấm dứt bận rộn, để lắng nghe và xúc tiếp với những gì diệu kỳ nơi muôn vật.

Sống với tâm trạng bận rộn là ta đang đánh mất mùa

xuân đích thực nơi ta. Và sống với tâm trạng bận rộn, thì đang đi giữa cả rừng hoa mà ta chẳng thấy và thưởng thức được một đóa hoa thơm và đẹp nào. Và chuyện chim hót trên cây đậu phải là chuyện mới, mà chuyện giữa trần gian đã có cả muôn đời. Hễ có đất trời là có chim hót và hễ có đất trời là có mùa xuân. Vì tâm ta bận rộn, nên ta không nghe được tiếng chim hót và không tiếp xúc được với mùa xuân thường tại trong ta và quanh ta đó thôi.

Rừng hoang hoa vẫn nở đầy

Hoa ở rừng hoang lúc nào và ở đâu, nó cũng có thể nở. Nó nở ra từ sự tự do và hạnh phúc của nó. Và hoa giữa rừng hoang nở ra không cần ai chăm sóc. Nó biết thể hiện đúng thời và ẩn khuất đúng lúc. Chính vì vậy, mà cái đẹp của hoa rừng không làm cho ai phải rộn ràng, phải ngược xuôi vất vả. Trong khi hoa đẹp giữa chợ đời ồn ào và rộn ràng lắm chuyện.

Ồn ào và rộn ràng không phải tại hoa mà tại người tìm hoa và tranh nhau về hoa, khiến cho hoa trở thành nạn

nhân của con người. Những ngày xuân, hoa rừng cảm thấy mình hạnh phúc thật sự, vì ít bị ai quấy phá. Trong khi đó hoa chậu, hoa cảnh càng đẹp bao nhiêu, càng lộng lẫy bao nhiêu thì bị người ta trả giá, tới lui đắt rẻ quấy rầy bấy nhiêu.

Hoa rừng sống rất tự nhiên, nở ra hương sắc cho đời rất tự nhiên và ẩn khuất cũng hết sức tự nhiên. Chính cái tự nhiên ấy của hoa rừng đã tạo nên chất liệu ngọt thơm chân thật để hiến tặng cho cuộc đời.

Trong ta xuân vẫn như ngày ấy thôi

Hoa rừng là hoa tự nhiên, nó tồn tại và vận hành theo quy luật nơi tự thân của chính nó mà không bị tác động bởi ý thức con người. Ý thức của con người thì lúc nào và ở đâu cũng phân biệt; và vì do phân biệt, nên làm điều kiện cho những ý niệm tốt xấu khởi sinh.

Một khi trong nhận thức của ta đã khởi sinh những ý niệm tốt xấu, thì thế giới mà ta đang đối mặt là cả muôn ngàn sai biệt. Và vì vậy, mùa xuân đối với ta cũng chỉ

là mùa xuân của ý niệm mà không phải là mùa xuân của bản chất hay uyên nguyên. Và vì là mùa xuân của ý niệm, của phân biệt, nên ta tha hồ tranh nhau nói về xuân. Xuân này đẹp, xuân kia xấu; xuân này thắng, xuân kia bại; xuân này vui, xuân kia buồn,...; bên này mới có xuân, bên kia không có xuân; xuân bên này vui hơn xuân ở bên kia; xuân này vui hơn xuân trước. Có những người vui xuân thắng lợi và có những kẻ buồn xuân thất bại,... Và vì do ý thức phân biệt và kỳ thị như vậy, nên xuân không còn là xuân nữa. Xuân đã bị vỡ ra từng mảnh và con người đã bám lấy từng mảnh xuân ấy để vui và buồn, để hy vọng và thất vọng, để hội ngộ và phân kỳ, để thăng và trầm trong những nẻo đường sinh tử mù khơi!

Trong lúc đó, bản thể của xuân trong muôn vật hay trong tự thân của mỗi chúng ta vẫn xuyên suốt rạng ngời và không hề bị vô thường nuốt chửng mà độc lộ uyên nguyên. Nếu tâm ta bận rộn, thì mùa xuân yên bình sẽ bị nuốt chửng bởi những bận rộn nơi tâm ta. Và nếu ta biết dừng lại những bận rộn nơi tâm ta, thì mùa xuân đích

thực nơi tâm ta sẽ hiện ra cho ta và tạo nên cho ta mùa xuân yên bình.

Và vì vậy nên "trong ta xuân vẫn như ngày ấy thôi". Ngày ấy là ngày mà trời đất chưa biến động, tâm nguyên chưa khởi niệm phân kỳ.

CHÚNG TA NGỒI GIỮA MÙA XUÂN

*Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho
đại chúng tại chùa Phước Duyên, Huế ngày mồng 2
tết Quý Mão 2023*

Nam mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Thưa đại chúng!

Trước thềm năm mới Quý Mão PL.2566, Tây lịch 2023, qua lời tác bạch đại diện của đại chúng dâng lên cúng dường Tam bảo, tưởng niệm ân đức của Tôn sư cũng như chư Tôn đức Tăng hiện tiền tại trú xứ tăng già lam Phước duyên cũng như chúc xuân đến toàn thể đại chúng có mặt tại Tịnh nhân đường chùa Phước duyên hôm nay, tôi thay mặt Hòa thượng Viện chủ, chư Tôn đức Tăng hiện tiền có lời tán dương tinh thần tu học năm qua của toàn thể Phật tử các giới có duyên tu học tại trú xứ tăng già lam Phước duyên, thành phố Huế, và đồng thời cầu nguyện cho tất cả quý vị Phật tử hiện tiền: thân quyến nội ngoại năm mới phước thọ tăng long, bồ đề tâm tăng

trường, niềm tin Tam bảo càng lúc càng trở nên kiên cố, vững chãi để đem lại lợi mình, lợi người, lợi muôn loài chúng sinh và cầu nguyện cho bà con nội ngoại, thân quyến của quý vị đã qua đời trọng thừa công đức tu học của quý vị và được khứ lai tự tại, sống ở cảnh giới nào cũng tạo thành mùa xuân chân thực cho chính mình, cho mọi người. Sau đây, tôi chia sẻ Pháp thoại đầu xuân Quý Mão đến với toàn thể đại chúng.

Pháp thoại hôm nay tôi xin chia sẻ đến đại chúng với đề tài Chúng ta ngồi giữa mùa xuân.

Xuân của con mèo. Mà năm nay không phải xuân của con mèo ngao mà là xuân của con mèo quý phái cho nên gọi là Quý Mão. Quý Mão là mèo quý phái.

Mèo ngao mình dễ biết, dễ đề phòng. Còn mèo quý phái khó biết và khó đề phòng. Cho nên năm này là năm của mèo quý phái vận hành với chúng ta. Mèo ngoao đã lạnh rồi mà mèo quý phái lại còn lạnh hơn, tinh tế hơn và nguy hiểm hơn. Vì vậy năm này quý vị phải nhớ lời dạy của tổ tiên chúng ta: chó treo, mèo đậy. Có nhớ không?

Có nhớ chó treo, mèo đậy không? Cho nên năm này, ai mà có điều gì tốt đẹp thì gắng giữ gìn, đừng khoe khoang – khoe khoang là chết, chết sớm bởi mèo quyền quý. Năm nay, có tài thì giấu lại, có của thì lấy giẻ rách mà bọc còn có của mà khoe khoang thì trước sau gì cũng bị tai nạn; có tài mà dương dương tự đắc thì họa sẽ tới. Cho nên năm này, những con mèo quý phái nó giành giật nhau, nó đấu tố nhau, nó phá hại nhau, nó chỉ trích nhau. Mèo ngoao thì không làm gì được. Năm này là năm của con mèo quý phái tự tung tự tác. Do đó quý vị phải lưu ý. Có tài thì giấu đi, có của thì lấy giẻ rách mà bọc lại. Nhớ không!

Năm này khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có người biết và thương là an toàn; năm này khôn cũng chết, dại cũng chết, chỉ có người biết và thương thì người đó tồn tại, như bài kinh mà anh Viên đã trích dẫn. Chú mèo tưởng rằng lan lợi của mình, sức to béo của mình và bả sinh hùng hổ của mình rình để mà bắt chú chuột nhất nhưng không ngờ chú mèo hùng hổ, nhanh nhẹn như vậy lại rước lấy tai nạn. Vì vậy, quý vị vui xuân mà

phải vui như thế nào trong đời sống thiếu dục tri túc. Hễ chúng ta sống trong đời sống thiếu dục tri túc thì chúng ta sẽ có một mùa xuân an toàn. Chúng ta chạy theo danh lợi, đua đòi theo danh lợi thì họa sẽ tự đến với chúng ta, mùa xuân sẽ biến mất trong đời sống của chúng ta. Vì vậy, năm này quý vị đi ra đường thì phải lưu ý, đi tới nơi chỗ trang nghiêm thanh tịnh thì bước chân phải trước và đưa tay phải tới trước, tới nơi chỗ ăn chơi đông đảo thì bước chân trái tới trước và đưa tay trái tới trước bởi vì biết chỗ trái rồi mình không đồng tình nên bước chân trái tới trước nghĩa là tôi không đồng tình với cái ăn chơi xa xỉ phí phạm này. Biết cái chỗ thích hợp nâng cao đời sống của mình, tạo ra phẩm chất đạo đức của mình thì bước chân phải trước, tay phải vào trước, tôi đồng tình với điều này và tôi đi tới với điều này, tôi chỉ sống với lẽ phải, sống với hành động phải, sống với lời nói phải, sống với tâm ý phải, chân lý an lạc hạnh phúc sẽ đến với tôi đúng như vậy.

Cho nên năm này quý vị đi thì cũng phải biết cách đi như thế nào, chân nào bước tới trước, chứ không phải là đi

thiếu chánh niệm, đi thiếu tuệ giác. Đừng có thấy hào nhoáng bên ngoài mà bước tới, mà vồn vã, bởi vì mọi hào nhoáng bên ngoài cũng chỉ là cái hào nhoáng mà thôi. Chúng ta chỉ bước tới bằng sự hiểu biết, bước tới bằng sự thương yêu, bước tới bằng sự bao dung hỷ xả. May ra chúng ta mới có mùa xuân để sống, chúng ta mới có hạnh phúc để mà thưởng thức. Do đó, quý vị đi cũng phải cẩn thận mà đi.

Bây giờ ngồi, cũng phải cẩn thận mà ngồi. Ngồi ở đâu? Khi những con mèo quý phái đang giành nhau chỗ ngồi, thanh toán nhau bằng chỗ ngồi thì người có trí tuệ và tình thương ngồi ở đâu? Ngồi ở nơi chỗ không có chỗ ngồi. Ai mà giành thì nhường cho họ. Họ có ngồi đi nữa thì cũng không ngồi lâu đâu bởi vì cuộc đời, không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời. Nhớ chưa! Ai ưa ăn, cho họ ăn thêm đi, ăn no bụng. No rồi mà còn ưa nữa thì chỉ có đi bệnh viện thôi, ngộ độc, trúng thực mà chết, không biết dừng lại thì chỉ có đi nghĩa địa thôi. Cho nên ăn cũng phải biết dừng lại, vừa phải. Uống cũng phải biết dừng lại, vừa phải. Làm công việc gì cũng phải biết

dừng lại, vừa phải. May ra, chúng ta còn có mùa xuân. May ra, chúng ta còn có hương vị của xuân để mà sống với nhau, để mà đi tới với nhau.

Trong kinh đức Phật dạy, chúng ta có ba cách ngồi. Cách thứ nhất là cách ngồi hàng ma. Cách ngồi thứ hai là cách ngồi cát tường. Cách thứ ba là cách ngồi liên hoa. Chúng ta có ba cách ngồi đưa tới sự an toàn trong đời sống mỗi chúng ta. Chúng ta có ba cách ngồi tạo ra mùa xuân cho mỗi chúng ta. Đừng ngồi bậy mà chết. Thiên hạ sợ dĩ ngồi không đúng chỗ mà chết. Đức mình kém, ngồi lên chỗ cao, họa tự tới. Đức mình kém, ghé sắp sẵn vẫn không ngồi được, mà ngồi thì họa tới. Nên ngồi cũng phải biết cách ngồi thì mới an toàn.

Cách ngồi thứ nhất gọi là ngồi hàng ma là ngồi như thế nào? Thừa đại chúng, đức Phật dạy cách ngồi hàng ma, ngồi mà nhiếp phục được ma quân như thế này. Ngồi hàng ma là ngồi với tư thế kéo chân phải vào bên trong, bàn chân phải đặt lên trên bắp vế của chân trái, rồi kéo chân trái lên và bàn chân trái đặt lên trên vế của chân

phải; tay phải đặt xuống dưới, tay trái đặt lên trên. Ngồi như thế này gọi là ngồi hàng ma, tức nhiếp phục ma quân. Vì sao như vậy? Bởi vì muốn nhiếp phục ma quân, không phải là mình chạy lẩn xăn ra ngoài để mà đánh ma, bắt ma vì ma vốn là huyễn nên diệt ma này nó sinh ma khác, không đời nào mình diệt được hết ma bên ngoài. Do đó, diệt ma nghĩa là phải diệt ma trong tâm chúng ta, gọi là ma tâm. Khi diệt ma trong tâm chúng ta thì chân phải phải nằm vào bên trong, chân trái nằm ngoài, tay phải nằm ở dưới, tay trái nằm ở trên, có nghĩa là muốn diệt ma thì phải giữ tâm mình cho kiên cố, cho vững chãi, muốn diệt ma thì phải giữ những điều tốt của mình cho thật kiên cố, cho thật vững chãi. Còn diệt ma mà mình không có điều tốt nào cả, không giữ được điều tốt nào của mình hết thì làm sao mà diệt ma được, nên diệt ma không khéo là bị ma diệt. Có hiểu không? Nhớ nghe không! Diệt ma hay ma diệt? Diệt ma! Thì phải làm gì? Phải quay về với ông Phật ở trong tâm mình, quay về với Chánh pháp ở trong tâm mình, quay về với Tăng-già thanh tịnh trong tâm mình, nên bàn chân phải đưa vào trong, chân trái nằm ở ngoài và bàn chân phải ngửa trên

vế trái, bàn chân trái ngửa trên vế của chân phải, tay phải nằm ở dưới, ngửa ra và tay trái nằm lên trên, có nghĩa là không cho điều sai quấy chạy vào trong tâm của chúng ta, không cho những điều sai quấy xảy ra trong đời sống của chúng ta qua thân, ngữ và ý. Đó là phép hàng ma. Ma đã được nhiếp phục rồi thì mùa xuân tự có. Hiểu chưa! Ma mà không nhiếp phục thì xuân đâu có mà đi tìm. Muốn hàng ma thì phải quay về bên trong. Muốn thưởng thức được xuân thì phải quay về bên trong. Tâm xuân mới là xuân đích thực của mỗi chúng ta.

Đó là hàng ma. Đã biết cách ngồi hàng ma chưa? Đi cũng hàng ma, đứng cũng hàng ma mà ngồi cũng hàng ma, mà nằm cũng hàng ma. Nhớ chưa?

Đứng chỗ nào cho an toàn? Ai ưa đứng trước, để cho họ đứng trước, mình đứng sau. Đứng sau mới là an toàn. Có hiểu không? Cho nên tài xế khi nào cũng ngồi trước. Tài xế có tội không, rất nguy hiểm. Rồi cái người mà escort của thủ trưởng là ngồi trước với tài xế, còn thủ trưởng khi nào cũng ngồi sau. Do đó, muốn đứng an toàn, muốn

ngồi an toàn, muốn đi an toàn, muốn nằm an toàn thì mình phải học. Còn chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi theo thói quen, theo bản năng, chính những cái đó tạo ra tai họa cho chúng ta chứ không ai khác.

Đây là cách ngồi hàng ma. Mỗi buổi tối, quý vị phải tập ngồi cho được năm phút, bảy phút, nửa giờ, nghe không các vị trẻ. Các vị già cũng lưu ý nghe chưa. Đây là thế ngồi vững chãi, thế ngồi bất động, thế ngồi kiên cố, ngồi mà thiện căn của mình càng lúc càng tăng trưởng, vững mạnh.

Đó là một cách ngồi. Mấy lâu ni đi học vậy chứ có ai dạy cho cách ngồi đâu, ngồi kiểu may rủi, học cả đời rồi mà hiếm người dạy cho cách ngồi.

Cách ngồi thứ hai là ngồi cát tường, tức là ngồi an lạc, thì ngồi thế nào. Muốn ngồi an lạc thì chân trái đưa vô trước, bàn chân trái nằm trên vế của chân phải, chân phải nằm ngoài và bàn chân phải ngửa ra trên vế của chân trái; bàn tay trái để xuống dưới, ngửa ra; bàn tay phải để lên trên bàn tay trái. Tại sao mình phải ngồi như thế này

mới an lạc, mới cát tường? Bởi vì ngồi an lạc, ngồi cát tường nên chân phải phải nằm ngoài để hiển tợng cái an lạc, cái lẽ phải cho đời; và bàn tay phải nằm trên, tay trái nằm dưới là tay phải bao giờ cũng phản ứng trước nên mình phản ứng, hành động theo lẽ phải. Chỉ có hành động theo lẽ phải mới hiển tợng sự an lạc cho những người chung quanh và cho chính mình.

Quý vị hiểu chưa. Như vậy bữa nay có đợc hai cách ngồi rồi phải không. Và hai cách ngồi này đợc gọi là liên hoa tọa – cách ngồi của hoa sen. Vì sao gọi là cách ngồi của hoa sen? Vì hoa sen vốn là vô nhiễm, vốn là thanh tịnh. Nên ngồi với cách ngồi hàng phục ma hay cách ngồi cát tường gọi là cách ngồi liên hoa, vì đó là cách ngồi vô nhiễm, ở giữa những ô nhiễm của thế gian mà vẫn thanh tịnh, ở giữa huyên não của đời mà vẫn bất động, ở giữa tranh chấp của thế gian mà vẫn vô tranh. Phía phải là tiêu biểu cho Phật giới. Phía trái là tiêu biểu cho chúng sinh giới. Hai chân kéo lên, tợc vào nhau nghĩa là Phật giới phải có bốn phận, phải có từ bi, phải có trí tuệ để kéo chúng sinh về với Phật giới. Nên ngồi

như thế này thì mới hành đạo được, Bồ tát mới làm được việc lợi ích cho chúng sinh. Phật giới có bốn phạm làm cho chúng sanh giới không ô nhiễm, có bốn phạm làm cho chúng sanh giới bớt khổ đau, được an lạc. Khi chúng sanh bớt khổ đau, có an lạc và bớt thất vọng, tu học từ từ thì Phật giới và chúng sanh giới là một, gắn liền với nhau, không tách rời nhau. Đạo Phật không tách rời chúng sinh. Chúng sinh luôn luôn có đạo Phật bởi vì tất cả chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật. Đạo Phật luôn có mặt với chúng sinh, tuy vậy không bị chúng sinh làm cho ô nhiễm. Nên đạo Phật muôn hình muôn trạng như vậy đó, chúng sanh cũng tới đủ loại như vậy đó nhưng chúng sanh không đủ khả năng làm cho đạo Phật ô nhiễm đâu. Đạo Phật có khả năng làm cho chúng sinh bớt ô nhiễm còn chúng sinh thì không bao giờ có khả năng làm cho đạo Phật ô nhiễm đâu và chúng sinh không bao giờ đủ khả năng phá hoại đạo Phật đâu. Quý vị có nhớ không! Chúng sinh biết Phật đâu mà phá. Còn Phật thì thấy rõ từng chút, từng chút của chúng sinh đê mà thương. Chúng sinh thì đam mê ngũ dục, say sưa ngũ dục, đắm chìm trong ngũ dục,

biết Phật đâu mà phá. Nên đừng sợ chúng sinh phá đạo Phật mà làm rộn ràng. Chúng sinh không bao giờ phá được đạo Phật. Chỉ có đạo Phật thương chúng sinh và thấy rõ ngọn ngành của tất cả chúng sinh mà vận dụng mọi phương tiện để cứu độ chúng sinh dưới hình thức này, hình thức khác thôi. Nghe không giới có học! Nghe không giới trí thức! Nên trí thức thì thức thêm chút nữa chứ đừng thức vừa vừa rồi ngủ gục nói tầm bậy. Học không tới nơi tới chốn đi nói tầm bậy về đạo Phật, rất là nguy hiểm. Nên học thì phải chịu khó chiêm nghiệm, tu hành, chứ không phải học để rồi đi nói lung tung, không trúng trật đâu cả. Quý vị nhớ không!

Như vậy là chúng ta có cách đi của mùa xuân, chúng ta có cách ngồi của mùa xuân, chúng ta có cách nằm của mùa xuân. Nằm để tạo ra mùa xuân là nằm như thế nào? Nằm nghiêng về phía phải. Bởi vì phía trái là tim của chúng ta. Chúng ta nằm về phía trái thì các mạch máu bị chèn, hệ thần kinh chúng ta bị ảnh hưởng, giấc mơ chúng ta sinh ra nhiều quái đản. Nên chúng ta phải nằm về phía phải và thở vào, thở ra theo hơi thở nhẹ, từ từ, chúng ta

sẽ có một giấc ngủ ngon.

Như vậy thì đi, đứng, nằm, ngồi đều tạo ra mùa xuân cho chúng ta hết. Mùa xuân đâu mà đi tìm nếu không phải là trong từng bước đi của chúng ta. Mùa xuân đâu mà đi tìm nếu không phải là từ nơi thế đứng của chúng ta. Mùa xuân đâu mà chúng ta đi tìm nếu không phải là từ nơi thế ngồi của chúng ta. Mùa xuân đâu mà chúng ta đi tìm nếu không phải là từ nơi thế nằm của chúng ta. Mùa xuân đâu mà chúng ta đi tìm nếu không phải là từ nơi cái ăn, uống có tỉnh giác, đầy từ bi của chúng ta, đầy lòng biết ơn của chúng ta. Ở đâu mà có biết ơn, ở đó chúng ta có tổ tiên, cha mẹ của chúng ta, có giang sơn tổ quốc của chúng ta. Chỉ có những ai trái tim vô cảm tự ngăn lối về. Chỉ có những con người bơ vơ lạc lõng vì họ sống với trái tim vô cảm. Do sống với tái tim vô cảm mà mất đi cha, mất đi mẹ dù cha mẹ mình vẫn còn đó cho mình; sống với trái tim vô cảm, mình mất đi tổ tiên ông bà nội ngoại mặc dù ông bà nội ngoại vẫn có đó cho chúng ta. Sống bằng trái tim vô cảm, chúng ta sẽ không có thầy mặc dù thầy vẫn có đó cho chúng ta. Bạn bè chúng ta

vẫn đầy nhưng chúng ta nói rằng chúng ta buồn quá, cô đơn quá, không có ai cả, vì chúng ta sống với trái tim vô cảm. Bạn chúng ta nhiều lắm. Một bông hoa nở ra là bạn chúng ta, một ngọn lá xanh mơn mớn trên cành cây là bạn chúng ta, một con chim bay là bạn của chúng ta, một cánh bướm vỗ nhẹ là bạn của chúng ta, một làn mây trời lơ lững trên không gian là bạn của chúng ta. Tất cả đều là bạn của chúng ta. Chỉ vì chúng ta vô cảm mà chúng ta không thấy bạn đang có mặt khắp nơi, chung quanh và có mặt trong đời sống của chúng ta. Nên sống với trái tim vô cảm thì xuân không có đã đành, hạ cũng không có, thu cũng không có, đông cũng không có, không có chi cả, chỉ có cục nước đá lạnh mà thôi.

Kính chúc quý vị một mùa xuân đầy hạnh phúc, an lạc.

CẨM NIỆM PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2567

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch đức Thế Tôn!

Từ một kiếp xa xưa, đức Thế Tôn đã phát khởi năm trăm đại nguyện, thực hành Bồ tát đạo hóa độ chúng sanh¹; và Ngài cũng đã đến nơi thế giới này với tám ngàn lần² để thực hành đại nguyện ấy, qua nhiều hình thức khác nhau, khi thì Ngài thị hiện với hình thức Tiểu quốc vương, Đại quốc vương, Chuyển luân Thánh vương, khi thì Ngài hiện thân Đế Thích, khi thì hiện thân Phạm vương, khi thì Ngài thị hiện thân của một Trưởng giả, một Cư sĩ, một Tể tướng, khi thì Ngài hiện thân tướng của một Tỷ kheo với nếp sống Phạm hạnh, khi thì Ngài thị hiện làm vị Độc giác, bậc quán chiếu tự thân duyên khởi, khi thì thị hiện thân của các vị

¹ Bi Hoa Kinh, 6, 7, Đại Chính 3; Đại Thừa Bi Phân Đà Lợi Kinh 5, Đại Chính 3.

² Phạm Võng Giới Kinh, Đại Chính 24.

Bồ tát ở trong hàng Thập địa, để giáo hóa chúng sanh, với nhiều hình thức thuận nghịch để đem lại lợi ích cho đa số, an lạc cho thế giới trời người và muôn loài chúng sanh.

Và thân cuối cùng của chặng đường thực hành Bồ tát đạo, từ cung trời Đâu-suất, Ngài đã ứng thân thị hiện ở nước Ca-tỳ-la-vệ, trong dòng dõi Sát-đế-lợi, phụ vương là Tịnh-phạn, mẫu hậu là Ma-da với phong thái của vị Bồ tát Nhất sinh bồ xứ, đi bảy bước trên bảy hoa sen và tuyên bố: “Thân này là thân sau cùng, không còn thân nào nữa ở trong sinh tử và sẽ thành bậc Vô thượng giác, ngay trong đời này”.³

Sau khi đản sanh, đức Thế Tôn đã xuất gia tu tập, thành bậc Vô thượng giác, chuyển vận Pháp luân và đã thị hiện Niết bàn cách đây 26 thế kỷ.

Nhưng, những di ngôn Pháp bảo của đức Thế Tôn trải qua bốn mươi chín năm⁴ hoằng pháp lợi sanh đã được chư Tổ kết tập, biên tập, chú giải, qua các thời kỳ, tập thành Tam

³ Phật Bản Hạnh Tập Kinh 7, tr687a, Đại Chính 3.

⁴ Tư liệu Phật giáo Nam truyền 45 năm.

tạng Thánh điển, gồm Kinh, Luật và Luận.

Trong những di ngôn Pháp bảo ấy, đức Thế Tôn đã khẳng định sự có mặt của Ngài là: “Đem lại lợi ích cho đa số, đem lại an lạc cho thế giới trời người”.⁵

Và Chư Phật-Thế Tôn xuất hiện giữa cuộc đời là để: “Hàn gắn lại những gì thế gian đã bị đổ vỡ; dựng đứng lại những gì thế gian đã bị xiêu vẹo; bật ngọn đèn cho mọi người thấy; chỉ đường cho mọi người đi”.⁶

Sự thật của thế gian là nhân duyên tương tục vô thường, nhưng do chúng sanh chấp thủ vào quan điểm thường kiến, nên tạo ra những đổ vỡ cho thế gian; tạo ra những xiêu vẹo cho thế gian; tạo ra những bóng đêm cho thế gian và dẫn chúng sanh trong thế gian đi mãi ở trong đêm dài tăm tối khổ đau.

Sự thật của thế gian là nhân duyên tương tục vô thường, nhưng do chúng sanh chấp thủ vào quan điểm đoạn kiến,

⁵ Tạp A Hàm Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh.

⁶ Mahāpadāna-Suttanta – Đại Bản Kinh, Trường Bộ Kinh III.

nên tạo ra những đồ vỡ cho thế gian; tạo ra những xiêu vẹo cho thế gian; tạo ra những bóng đêm cho thế gian và dẫn chúng sanh trong thế gian đi mãi ở trong đêm dài tăm tối tử sanh.

Buông bỏ hai chấp thủ này, thì mọi đồ vỡ của thế gian có thể hàn gắn lại được; những gì xiêu vẹo ở trong thế gian có thể dựng đứng lại được; đêm tối của thế gian có thể xóa tan đi được và mọi người có thể thấy được con đường để đi tới an lạc và hạnh phúc trong những điều kiện nhân duyên mà chính họ đang có thể.

Sự thật của thế gian là tương quan duyên khởi vô ngã, nhưng do chúng sanh chấp thủ ngã, khát ái ngã dưới nhiều góc độ sâu cạn khác nhau, nên tạo ra những đồ vỡ cho thế gian; tạo ra những xiêu vẹo cho thế gian; tạo ra những bóng đêm cho thế gian và dẫn chúng sanh trong thế gian đi mãi ở trong đêm dài tăm tối của sanh tử khổ đau.

Quán chiếu sâu xa giáo lý duyên khởi của đức Thế Tôn đã từng dạy, suốt bốn mươi chín năm, bằng nhiều phong thái và ngôn ngữ sâu cạn, rộng hẹp khác nhau, cho từng

cấp độ tu học khác nhau của các hàng đệ tử ở trong các chúng hội, nhưng không ra ngoài lời khuyên dạy hàng tứ chúng đệ tử hãy sống nếp sống trung đạo, ít tham muốn, biết vừa đủ và buông bỏ tâm chấp thủ ngã, để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, bằng tất cả tâm hạnh từ bi và lòng biết ơn vô hạn.

Hễ mọi người biết buông bỏ tâm chấp thủ ngã bao nhiêu, thì mọi đồ vỡ của thế gian có thể hàn gắn lại được bấy nhiêu; những gì xiêu vẹo ở trong thế gian có thể dựng đứng lại được bấy nhiêu; đêm tối của thế gian có thể xóa tan và mọi người có thể thấy được con đường để đi tới an lạc và hạnh phúc trong những điều kiện nhân duyên mà chính họ đang có thể.

Và hễ mọi người thực hành tâm hạnh từ bi bao nhiêu, thì giải tỏa oán kết nội thù giữa con người với con người và giữa con người với muôn loài chúng sanh được bấy nhiêu; mọi người thực hiện lòng biết ơn và báo ơn bao nhiêu, thì phước đức nơi tự thân của chính họ lớn lên bấy nhiêu. Phước báo hữu lậu, vô lậu không mong cầu

mà tự kết thành hoa trái; tai họa không cần xua đuổi mà tự tan biến thành hư vô.

Vậy, Phật đản, Phật lịch 2567, lại trở về với hành tinh trái đất của chúng ta, chúng ta là hàng Tứ chúng đệ tử của đức Thế Tôn, nguyện từ bỏ hai cực đoan chấp đoan, chấp thường; tránh xa đời sống buông lung trong các dục; nguyện sống nếp sống thiểu dục tri túc; nguyện thực hành trung đạo; nguyện buông bỏ sự chấp thủ ngã, để có thể thực hành lợi ích bằng tất cả tâm từ bi, cùng với lòng biết ơn và bàn tay mở rộng, nhằm có thể hàn gắn lại những gì đã bị đổ vỡ, dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo, bật ngọn đèn cho mọi người thấy và chỉ đường cho mọi người đi, để dâng lên cúng dường đức Thế Tôn, nhân ngày thị hiện Đản sanh của Ngài.

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản
Sanh Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Tác Đại Chứng Minh.

Nhất Tâm Kính Lễ Ngài

Đệ tử: Tỷ kheo Thích Thái Hòa

ĐỨC PHẬT ĐẾN VỚI CHÚNG TA

*Pháp thoại Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng nhân lễ
Phật đản PL.2567 tại chùa Phước Duyên - Huế*

Nam mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Thưa đại chúng.

Trước khi chúng tôi chia sẻ Pháp thoại Phật đản PL.2567 đến với toàn thể đại chúng, xin tất cả những vị có mặt trong đạo tràng hôm nay ngồi thật ngay thẳng, đưa thân về với tâm và đưa tâm đến với thân, chúng ta cùng nhau thiền tập:

Lắng lòng nghe.

Lắng lòng nghe.

Tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm.

Nghe chuông phiền não tan mây khói.

Ý lặng thân an miệng mỉm cười.

Hơi thở nương chuông về chánh niệm

Vườn tâm hoa tuệ nở muôn nơi.

Nghe chuông phiền não nhẹ

Trí tuệ lớn

Bồ đề sinh

Lìa địa ngục

Xa hầm lửa

Nguyện thành Phật

Độ chúng sanh

Án đà ra đế da tóa ha (3 lần)

Thở vào tôi biết tôi đang thở vào. Thở ra tôi biết tôi đang
thở ra.

Thở vào và thở ra, là đệ tử Phật, chúng ta biết rất rõ đức Thế tôn đến với chúng ta nơi cõi Diêm-phù-đề này không bằng nghiệp lực mà bằng nguyện lực, đó là nguyện Bồ đề. Và Ngài đến với chúng ta từ nơi hạnh nguyện Bồ đề cho nên ngày Đản sanh của đức Thế tôn ở nơi cõi Diêm-phù-đề này chính là sự ra đời của đại nguyện từ nơi một Bạc giác ngộ đã trải qua vô lượng kiếp tu hành.

Đức Phật đến với thế giới chúng ta, với cõi Diêm-phù-đề của tất cả chúng ta bằng tâm đại bi. Bởi vì Ngài đến bằng tâm ấy cho nên tất cả các loài chúng sinh sinh ra từ bào thai, sinh ra từ trứng, sinh ra từ sự ẩm ướt, sinh ra từ sự biến hóa, sinh ra từ tưởng, sinh ra từ không phải tưởng, sinh ra từ hình sắc, sinh ra từ không phải hình sắc, tất cả những chúng sinh như vậy, Ngài đều thương yêu, che chở, nâng đỡ và tìm đủ mọi phương tiện để giáo hóa khiến cho tất cả đều được đi vào biển cả giác ngộ rộng lớn của chư Phật. Ngày Đản sanh của đức Thế tôn, chúng ta quán chiếu một cách sâu sắc như thế.

Ngày Phật đản, ngày đức Thế tôn đến với chúng ta bằng chính chất liệu đại trí tuệ. Và từ chất liệu đại trí tuệ này, Ngài ở nơi cung trời Đâu suất với phong cách của một bậc Bồ tát Nhất sanh bồ xứ. Và từ nơi cung trời ấy, Ngài có khả năng chọn lựa và đủ thẩm quyền chọn lựa cõi Diêm-phù-đề này, đất nước Ca-tỳ-la-vệ, vương triều Thích-ca để đản sinh, và chọn Tịnh-phạn vương làm phụ vương, hoàng hậu Ma-da làm mẫu hậu, chọn vườn Lâm-tỳ-ni nơi cây Vô-ưu để thị hiện Đản sanh. Ngài đã chọn Bồ-đề-đạo-tràng làm nơi tu tập, thiền định bốn mươi chín ngày để thành bậc Vô thượng giác, và chọn vườn Lộc-uyển để chuyển vận pháp luân hóa độ năm anh em Kiền-trần-như và bốn mươi chín năm hoàng dương Phật pháp đầy đủ cả giáo lý năm thừa gồm Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ tát thừa và đưa năm thừa hội nhập với Nhất thừa cho đến khi công viên quả mãn, thọ ký tất cả chúng sinh đều thành Phật và tuyên bố hết thảy chúng sinh đều có Phật tính và đều có khả năng thành Phật. Sự nghiệp hoằng Pháp đã hoàn tất, Ngài thị hiện Niết bàn nơi rừng Kushinagar. Cho nên, ngày Đản sinh của đức Thế tôn là ngày mở ra một kỷ

nguyên mới cho thế giới người, trời. Và ngày kết thúc sự nghiệp hoằng hóa lợi sinh, Ngài lưu lại toàn thể xá lợi của bậc Giác ngộ để chứng minh cho đạo lý giác ngộ và những ngôn thuyết từ nơi Chánh pháp của Ngài với bốn mươi chín năm. Chúng ta quán chiếu sâu sắc để thấy những gì mà đức Thế tôn đã đến với tất cả chúng ta ở nơi cõi đời này.

Thở vào, tôi biết tôi đang thở vào. Thở ra, tôi biết tôi đang thở ra.

Khi nghe tôi thỉnh tiếng chuông, xin đại chúng khởi tâm buông xả thiền tập, ngồi lại với tư thế thoải mái, trang nghiêm, thanh tịnh để nghe pháp thoại.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Thưa đại chúng.

Hôm nay là ngày Rằm tháng Tư năm Quý Mão, Phật lịch 2567, Tây lịch 2023, tại Tịnh nhân thiên đường chùa Phước duyên thành phố Huế, đại chúng đã từ mọi miền

đất nước của mọi quê hương, có duyên lành đến thành phố Huế, đến Cố đô Huế để dự lễ Phật đản và lại đến chùa Phước duyên-thành phố Huế để cúng dường đại lễ Phật đản PL.2567 và được nghe Chánh pháp. Tôi thay mặt chư Tôn đức Tăng ở bản tự có lời tán dương tinh thần tu học, nghe Pháp, biết ơn Tam bảo, sống hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng tổ tiên ông bà nội ngoại, yêu quý hòn thiêng sông núi và hết lòng phụng sự Tam bảo của toàn thể Phật tử các giới; đồng thời, cũng nhân mùa Phật đản, cầu nguyện cho toàn thể thân quyến của quý vị: hiện thế, phước thọ tăng long, bồ đề tâm tăng trưởng, những vị đã qua đời trượng thừa công đức nhân mùa Phật đản và tu tập, cúng dường, bố thí, làm tất cả các thiện sự của quý vị mà được sanh về thế giới Tịnh độ an lành của chư Phật.

Bài Pháp thoại hôm nay chúng tôi xin chia sẻ đến quý vị là "Đức Phật đến với chúng ta".

Thưa đại chúng.

Chúng sinh hay hữu tình là những loài bị trói, không phải

bởi một giây phiền não, mà cả trăm giây phiền não, cả ngàn giây phiền não, cả vô số vô biên giây phiền não. Đã là chúng sinh thì không phải bị trói bởi một nghiệp báo mà bị trói bởi vô lượng nghiệp báo. Đã là chúng sanh thì không phải bị trói bởi một oán đối mà bị trói buộc bởi vô lượng oán đối: oán đối từ nơi người thân của mình, oán đối từ nơi người không thân của mình và oán đối từ nơi lục đạo chúng sinh. Hễ có thọ dụng của nhau mà vô ơn thì tức khắc trở thành oán đối. Hễ có giao tiếp với nhau mà thiếu chánh niệm tỉnh giác, thiếu từ bi thì mỗi lời nói của chúng ta phát ra đều tạo thành oán đối. Oán đối như vậy trói buộc chúng ta từ một đời cho đến vô số đời, từ một kiếp cho tới vô số kiếp. Do đó, mang thân phận của chúng sinh, mang thân phận của loài hữu tình, chúng ta bị trói ở trong phiền não, ở trong nghiệp báo, ở trong oán đối, ở trong cõi sinh tử luân hồi. Khi đã bị trói thì sự hiểu biết của chúng ta bị giới hạn, sự hoạt động của chúng ta cũng bị giới hạn, chúng ta biết Phật đâu mà tìm.

Vì vậy, đức Phật đã thương chúng ta, thương chúng sinh,

cho nên Ngài đã trải vô lượng kiếp lập nguyện tu hành, từ nơi tâm bồ đề, ở nơi nguyện bồ đề, từ nơi hạnh bồ đề và Ngài đã trở thành một bậc Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ, nghĩa là vị Bồ tát còn một đời nữa làm Phật. Và từ một vị Bồ tát còn một đời nữa làm Phật, Ngài từ nơi cung trời Đâu suất giáng thân xuống cõi Diêm-phù-đề của chúng ta, chọn dòng dõi Thích-ca làm thân tộc, chọn vua Tịnh-phạn và hoàng hậu Ma-da làm phụ thân và mẫu thân, chọn vườn Lâm-tỳ-ni, cây Vô-uru để thị hiện Đản sanh. Từ đó, ta có đức Thế tôn, đức Thế tôn đã có mặt với chúng ta. Ngài có mặt như vậy với tư cách một vị Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ, rồi sau đó xuất gia tu hành, đến khi thành đạo, ngồi dưới gốc cây bồ đề, canh ba, Ngài mới trở thành bậc Như lai, bậc Ứng cúng, bậc Chánh biến tri và chuyên vận bánh xe Chánh pháp giáo hóa cho tất cả thế giới người, trời. Nhờ vậy mà chúng ta biết Phật.

Chúng ta biết Phật là nhờ lịch đại tổ sư của chúng ta qua các thời kỳ. Nếu đức Phật ra đời, thuyết Pháp, giáo hóa chúng sinh, nhưng không có lịch đại Tổ sư của chúng ta từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, từ Á đến Âu thì chúng

ta ở thế kỷ này không cách gì mà biết Phật.

Do đó, chúng ta biết Phật là do đức Phật thương chúng ta mà thị hiện Đản sanh ở nơi cõi này thuyết Pháp độ sinh. Và ta biết Phật là từ nơi lịch đại tổ sư của chúng ta qua các thời kỳ từ Đông sang Tây, từ Á đến Âu. Cho nên, chúng ta nhìn sâu vào đức Phật, chúng ta thấy Ngài đã trải qua vô lượng kiếp tu hành. Ta nhìn sâu vào đức Phật, ta thấy có hình ảnh của chư Tổ chúng ta qua các thời kỳ. Và ta nhìn sâu vào nơi tâm nguyện của chư Tổ thì chúng ta cũng thấy rằng, chúng ta cũng đã từng có mặt với các Ngài và nhờ vậy mà hôm nay chúng ta được may mắn gặp thiện hữu tri thức, được lắng nghe Chánh pháp, có khả năng như lý tác ý, rồi thuận theo pháp mà thực hành, tu luyện.

Thưa đại chúng.

Đức Phật ra đời với tư cách là một vị Bồ tát Nhất sanh bổ xứ, nên Ngài đã chọn dòng dõi Thích-ca để làm thân tộc, vì Thích-ca là Sakya, nghĩa là Năng nhân, một dòng dõi mà trải qua nhiều đời có khả năng thực hành hạnh

nhân từ, đức hạnh. Chính hạnh ấy tương ứng với hạnh từ bi của Phật, tương ứng với hạnh từ bi của các vị Bồ tát. Đó chính là lý do, vì sao đức Thế tôn chọn dòng dõi Thích-ca làm thân tộc của mình. Và Ngài chọn Tịnh-phạn là phụ vương vì Tịnh-phạn là một vị vua sống rất nhân từ, thường đem cơm chia sẻ cho những người nghèo, cho muôn dân và là vị vua đã từng thực hành hạnh bố thí nhiều đời. Còn hoàng hậu Ma-da là một vị Bồ tát đã từng phát tâm bồ đề, nguyện và hạnh bồ đề trải qua vô lượng kiếp tu tập và nguyện rằng, bất cứ vị Bồ tát nào còn một đời nữa mà thành Phật thì khi ra đời, bà ta xin nguyện được làm bà mẹ của vị Bồ tát còn một đời nữa thành Phật đó để nuôi dưỡng Bồ tát thai đó, nuôi dưỡng Thánh thai đó bằng công đức tu hành của mình. Cho nên, Ma-da từ nơi hạnh nguyện ấy mà làm mẹ của các vị Bồ tát một đời nữa sinh ra làm Phật. Trong kinh cũng cho chúng ta biết rằng, đức Phật Tỳ-bà-thi, đức Phật Thi-khí, đức Phật Tỳ-xá-phù, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm và nhiều vị Phật khác ở trong quá khứ, ở trong hiện tại và ngay cả trong tương lai, nếu tu hành còn một đời nữa thành Phật thì đều mượn thai tạng

của bà Ma-da phu nhân để hoài thai, trú thai và xuất thai. Khi ở trong thai đó, các vị Bồ tát còn một đời nữa thành Phật đều thuyết Pháp mỗi ngày, trao đổi Phật pháp mỗi ngày với các vị Bồ tát khắp cả mười phương thế giới. Các vị Bồ tát khắp cả mười phương thế giới đều phóng ra năng lượng của tuệ giác và đi bằng năng lượng của tuệ giác chạm vào thai tạng của hoàng hậu Ma-da, và trong thai tạng của hoàng hậu Ma-da thì vị Bồ tát Nhất sanh bổ xứ cũng phóng ra ánh sáng tuệ giác để thuyết Pháp và chia sẻ pháp bằng những năng lượng tuệ giác ấy, bằng những ký hiệu của tuệ giác ấy. Đó là lý do tại sao đức Thế tôn đã chọn hoàng hậu Ma-da làm mẹ của mình.

Ngài sinh ra tại vườn Lâm-tỳ-ni, và được sinh ra từ nơi nách phải của hoàng hậu Ma-da, dưới cây Vô-uu. Vườn Lâm-tỳ-ni thuộc về quê ngoại, tức là quê của phụ thân hoàng hậu Ma-da. Theo tục lệ Ấn-độ, mỗi khi người con gái có thai, đến ngày sinh nở thì đều về quê hương của mình. Nên đức Thế tôn mượn vườn Lâm-tỳ-ni để sinh ra là để nói rằng, Ngài thuận theo pháp thế gian, cho nên

sự có mặt của Ngài là không chống trái pháp thế gian mà nâng pháp thế gian lên một tầm cao, nâng phước báo hữu lậu lên một tầm cao thành phước báo vô lậu. Đó là lý do vì sao đức Thế tôn sinh ra ở nơi vườn Lâm-tỳ-ni. Và Ngài sinh ra ở nơi nách bên tay phải của hoàng hậu Ma-da là sinh ra để thuận theo Chánh pháp, để tuyên dương Chánh pháp, chứ không phải đi theo dòng chảy thế tục. Thuận thế pháp để nâng thế pháp lên trở thành Chánh pháp. Và nơi cây Vô ưu – Vô ưu thì không còn phiền muộn, cho nên sự ra đời của Ngài là đem sự an lạc, hạnh phúc cho thế giới trời người, đem sự tăng ích cho thế giới trời người, đem lại sự an lạc cho đa số. Cho nên trong kinh đức Thế tôn nói: "Có một người mà người đó ra đời đem lại lợi ích cho đa số, đem lại sự tăng ích cho đa số, đem lại sự yên ổn cho thế giới trời người. Người đó là ai? Chính là Như lai, A-la-hán, bậc Chánh biến giác".

Như vậy rõ ràng, ngày Đại lễ Phật đản không phải chỉ có con người hoan ca mà chư thiên cũng hoan ca, không phải chư thiên Dục giới hoan ca mà chư thiên Sắc giới

cũng hoan ca, chư thiên Vô sắc giới cũng hoan ca. Không phải ngày Phật đản thế giới chư thiên hoan ca mà thế giới bậc Thánh cũng hoan ca, thế giới chư Phật cũng đồng thanh hộ niệm. Đức Phật ra đời, không phải chỉ thế giới trời người hoan ca, chư thiên và các bậc Thánh hoan ca, chư Phật hộ niệm mà thế giới địa ngục cũng được thay thế bằng ánh sáng tuệ giác, thế giới ngạ quỷ cũng được rọi soi bằng thế giới tuệ giác, và thế giới súc sinh cũng được rọi soi bằng ánh sáng tuệ giác, thế giới a-tu-la cũng được rọi soi bằng ánh sáng tuệ giác. Nói tóm lại, ngày Phật đản là ngày mà tất cả nhân loại, chư thiên, Thánh hiền, Bồ tát và Phật cũng như tất cả chúng sinh đang khổ đau ở nơi địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh đều hoan ca, đều vui mừng. Cho nên Phật đản được gọi là Khánh đản.

Khánh là vui. Đản là từ trên cao mà giáng xuống để sinh ra. Cho nên Phật đản là ngày mà đức Phật sinh ra giữa đời này rất có chủ quyền, chủ quyền từ nơi bản nguyện độ sinh, chủ quyền từ nơi tâm đại bi, chủ quyền từ nơi đại trí tuệ.

Và sau khi đức Thế tôn thành đạo rồi thì, quý vị lưu ý, Ngài thuyết pháp cho chúng ta không còn là tư cách của một vị Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ mà Ngài thuyết pháp cho tất cả chúng ta bằng phong cách một bậc Như lai, một bậc A-la-hán, một bậc Chánh biến tri, một bậc Chánh biến giác. Đây là điều mà tứ chúng phải lưu ý. Đức Phật chuyển vận Pháp luân và thuyết pháp bốn mươi chín năm cho tất cả chúng ta với phong cách một bậc Như lai, một bậc A-la-hán, một bậc Chánh biến tri, Chánh biến giác. Và Ngài ra đời với tư cách một vị Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ, chứ không phải ra đời như một con người bình thường. Vì vậy mà việc Ngài ra đời bên nách phải của hoàng hậu Ma-da, đi bảy bước trên bảy hoa sen và nói "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" hay "Trên trời dưới đất chỉ có một mình tôi là chấm dứt sinh tử đời này và không tiếp diễn sự sinh tử đời sau. Thế giới trời người chỉ có mình tôi đạt được". Lời nói đó là lời nói của một vị Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ, biết rất rõ mình ra đời để làm gì, mình có mặt giữa cuộc đời này để làm gì. Quý vị khi nghe Pháp, phải nắm lấy những điểm này cho chuẩn mực để khỏi bị những thế lực khác, trí thức kém cỏi, hiểu biết

kém cõi xuyên tạc Phật pháp.

Cho nên, đã là Phật tử thì phải đi chùa, phải thân cận thiện sĩ, phải lắng nghe Chánh pháp, phải như lý tác ý và phải thuận theo Pháp, hành theo Pháp thì Pháp mới sáng lên trong đời sống của chính mình. Phật tử đi chùa chứ không phải tín đồ đi chùa. Tín đồ đi chùa là để cầu danh cầu lợi, cầu quan chức, cầu phước báo hữu lậu. Nhưng Phật tử đi chùa là để tu học, đoạn trừ Tập đế để dứt bật Khổ đế, thực hành Đạo đế và thành tựu Diệt đế, chấm dứt sinh tử và đồng thời nuôi lớn niềm tin của mình, nuôi lớn tâm hạnh bồ đề của mình để làm lợi ích chúng sinh, khiến Chánh pháp trường tồn giữa thế gian này. Đi chùa như vậy mới là đi chùa của người Phật tử. Mà Phật tử như vậy mới thực sự là con của Phật. Và tu tập như vậy thì mới là thầy tu chơn chính. Cư sĩ như vậy thì mới là cư sĩ chơn chính. Còn nếu không thì cũng chỉ là thầy tu kết duyên ở trong Phật pháp như là tu tập gieo duyên mà thôi. Mặc dù là đầu cạo trọc, mặc áo ca-sa nhưng đó chỉ là những thành phần gieo duyên ở trong Phật pháp mà thôi, chưa đủ khả năng để tiếp cận Phật pháp, kế thừa

Chánh pháp, tuyên dương Chánh pháp và làm cho Chánh pháp trường tồn.

Cho nên, tôi nhắc lại, đức Phật đến với chúng ta với hai phong thái, phong thái thứ nhất là vị Bồ tát Nhất sanh bỏ xứ, và sau khi thành đạo rồi, Ngài đến với chúng ta với phong thái Như lai, A-la-hán, Chánh biến tri, Chánh biến giác. Vì vậy mà đức Phật không phải vì đại nguyện, không phải vì tâm đại bi, không phải vì đại trí thì mình chẳng biết Phật đâu để tìm, phải không đại chúng. Vì mình là chúng sinh, phàm phu ngu muội, hở một chút giận, hở một chút hờn, hở một chút là trách móc rồi thấy cái gì cũng tham, thấy cái gì cũng ưa. Không ưa tu mà ưa thành Phật. Không ưa bố thí, cúng dường mà ưa được sanh thiên, giàu có. Cả đời chưa hề niệm Phật nhưng đến khi chết là mong cầu vãng sanh Tịnh độ. Đó là cái ưa điên đảo của chúng sinh. Đức Phật biết như vậy, nên Ngài tới với chúng ta, giáo hóa chúng ta, điều chỉnh chúng ta khiến cho chúng ta có mắt mà chưa mở thì mắt được mở ra; có trí mà chưa sáng thì trí được sáng ra; có tuệ mà chưa thông thì tuệ thông ra; có minh mà chưa

sáng thì sáng ra; có giác mà chưa giác ngộ thì từ nơi thân cận thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp, như lý tư duy rồi tùy thuận theo Pháp, hành theo Pháp từ đó mà mắt chưa mở thì mở ra, trí chưa thông thì thông ra, tuệ chưa quán chiếu thì chiếu rõ ràng, minh mà chưa minh thì đầy đủ tam minh, giác mà chưa giác thì sẽ đầy đủ toàn giác, chánh biến giác, chánh biến tri.

Vì vậy mà khi Ngài đến Vườn Nai, bài Pháp đầu tiên Ngài chuyển vận Pháp luân, Ngài nói với năm anh em Kiều trần như là "đừng gọi Ngài là Gotama mà gọi Ngài là Như lai, vì gọi Ngài là Gotama thì quý vị sẽ đi mãi trong đêm dài tăm tối sinh tử". Gotama là tên khác của dòng dõi Thích-ca. Dòng dõi đó dù cao sang đến mấy cũng nằm trong sinh tử luân hồi, có đề cao dòng dõi đó bao nhiêu thì cũng vẫn nằm trong sinh tử luân hồi. Chỉ có Như lai mới biết rõ tận nguồn của sinh tử luân hồi và chấm dứt nguyên nhân sinh tử để kết quả khổ đau sinh tử hoàn toàn không còn. Do đó, những gì Như lai nói cho chúng ta từ gốc cây bồ đề sau khi Ngài thành đạo từ Vườn Lộc uyển cho đến Kushinaga, suốt bốn mươi chín

năm Ngài thuyết Pháp như vậy đều là chân thực, đều là thực ngữ, nên mọi ngôn ngữ được diễn tả, được ghi chép ở trong các kinh điển đều là chân thực, đều là Như lai tuyên thuyết. Và Ngài đến với chúng ta, hoàng dương Phật Pháp với phong cách một vị A-la-hán. A-la-hán là Ứng cúng, là Bạc xứng đáng để chư thiên, nhân loại cúng dường mà gieo trồng phước đức. Vì sao như vậy? Bởi vì vị ấy đã đoạn tận hết thấy phiền não cho nên vị ấy không còn tái sinh, vị ấy gọi là vô sinh. Và vị ấy đã tự mình chiến thắng khổ đau, chiến thắng các loại chủng tử ở nơi tâm mình và đã giết sạch hết các loại phiền não che khuất nơi tâm và trí của mình. Cho nên, A-la-hán có nghĩa là sát tặc – bậc đã chiến thắng mọi thứ giặc, mà nhất là giặc khổ đau.

Đức Thế tôn đã đến với chúng ta và Ngài đã thành bậc Chánh biến tri, Ngài thuyết Pháp cho chúng ta bằng những phẩm hạnh, phẩm chất của Chánh biến tri. Chánh là đúng; biến là cùng khắp; tri là hiểu biết. Tức là Ngài đến với chúng ta, thuyết Pháp cho chúng ta, dạy dỗ cho chúng ta với tư cách là một Bạc có tuệ giác cùng khắp,

có tuệ giác chính xác. Các vị Bồ tát, có những vị có tuệ giác cùng khắp nhưng chưa chính xác cho nên phải tiếp tục tu học, đoạn trừ các lậu hoặc. Còn đức Thế tôn sau khi thành đạo, Ngài đoạn tận hết mọi thứ lậu hoặc, sở tri chướng nên Ngài trở thành bậc Chánh biến tri và từ nơi Chánh biến tri đó Ngài thấy rất rõ nhân quả của chính mình một đời, hai đời, ba đời cho đến vô lượng kiếp về trước; Ngài thấy rõ nhân quả của hết thảy chúng sinh một đời, hai đời, ba đời cho đến vô lượng kiếp về trước; Ngài thấy nhân duyên tu học của các bậc thánh Thanh văn một đời, hai đời, ba đời cho đến vô lượng kiếp về trước và kể cả vô lượng kiếp về sau; Ngài thấy được nhân hạnh tu hành của các vị Bồ tát một đời, hai đời, ba đời, vô lượng đời, vô lượng kiếp về trước và kể cả vô lượng kiếp về sau. Không những vậy mà Ngài còn thấy nhân hạnh tu hành thành Phật của đức Phật A-di-đà ở phương Tây, đức Phật Bảo sanh ở phương Nam, đức Phật Thành tựu ở phương Bắc, đức Phật Bất động, đức Phật Dược sư ở phương Đông, và vô số chư Phật ở phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc, phương Trên, phương Dưới. Ngài thấy rất rõ nhân hạnh

tu hành của chư Phật và cảnh giới thanh tịnh của các Ngài. Do đó, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến với chúng ta và hoằng dương Phật pháp cho chúng ta, nói những lời giáo huấn cho chúng ta từ nơi bậc Chánh biến tri.

Cho nên hôm nay, Phật đản PL.2567, những đệ tử Phật thông minh và khôn ngoan, chúng ta làm lễ cúng dường Ngài, chúng ta học theo hạnh của Ngài, chúng ta đi theo tâm nguyện, đại nguyện đại bi và đại trí của Ngài, chúng ta nương vào con mắt của Phật để mà nhìn cuộc đời, để nhìn bản thân mình chứ đừng nương vào con mắt của ai khác. Hãy nương vào con mắt của Phật để nhìn bản thân mình qua các cảm thọ, qua các tri giác, qua các tâm hành, qua các nhận thức. Rồi ta nương vào con mắt của Phật để nhìn thấy những người chung quanh, những gì hiện hữu chung quanh chúng ta hiện tiền hay một đời, hai đời, ba đời, nhiều đời ở trong quá khứ. Và chúng ta hãy nhìn mọi thứ bằng con mắt của Phật để thấy tương lai chúng ta đi về đâu, tương lai những người thân yêu chúng ta đi về đâu, tương lai của thế giới chúng ta đang đi về đâu. Tất cả những cái thấy ấy phải là cái thấy của Phật, mà

chúng ta là đệ tử của Phật, chúng ta phải học cách nhìn của Phật. Cách nhìn ấy, chúng ta đã thể hiện một phần nào, hoặc là đa phần, hoặc là toàn phần. Nhưng mà tất cả chúng ta chưa có được cái nhìn của Phật toàn phần đâu, chúng ta chỉ mới có được cái nhìn của Phật chút chút thôi. Mà cái nhìn của Phật chút chút cũng đã khá lắm rồi. Cho nên mùa Phật đản này, chúng ta tập nhìn mọi vấn đề bằng con mắt của Phật nhìn và nuôi lớn cách nhìn ấy trong đời sống chúng ta mỗi ngày để chúng ta xứng đáng là đệ tử của đức Thế tôn, chúng ta xứng đáng là con của Phật có mặt giữa cuộc đời này.

Sự có mặt của những người con Phật giữa đời này có bốn vai trò.

Vai trò thứ nhất, là những gì trong gia đình mình đổ vỡ, những gì trong dòng họ mình đổ vỡ, những gì trong thế giới này đổ vỡ thì chúng ta đừng làm cho nó đổ vỡ thêm, chúng ta phải tìm mọi cách hàn gắn nó lại, bằng cách này hay bằng cách khác. Một trong những cách hàn gắn đó mà tôi thường thực tập và cũng thấy có chút kết quả

nho nhỏ, xin chia sẻ đến quý vị. Sống trong gia đình, ai ưa hơn mình thì để cho người ta hơn: em mình ưa hơn mình cũng để cho em hơn; chị mình ưa hơn mình cũng để cho chị hơn, có khi chị hơn tuổi tác nhưng mặt khác chị không hơn được đâu, nhưng bây giờ chị không nói chị hơn tuổi tác mà chị còn đòi hơn những chuyện khác nữa thì để cho chị hơn. Đi ra giữa xã hội, ai ưa hơn mình thì để cho họ hơn, ai muốn đứng trước mình thì để cho họ đứng trước. Bậc Thánh hiền đã dạy cho chúng ta rằng "bất cảm vi thiên hạ tiên" – "tôi không dám đứng trước người". Thế gian này mà đổ vỡ là vì ai cũng muốn đứng trước người. Mà như chiều hôm qua, lên máy bay, tôi thấy người ta cũng giành nhau lên trước, và khi xuống máy bay thì người ta cũng giành nhau xuống trước. Vì vậy mà thế gian đổ vỡ, đổ vỡ ngay trên chiếc máy bay khi lên, đổ vỡ ngay trên chiếc máy bay khi xuống. Hay gặp đèn đỏ sang đèn xanh, ai giành đi trước thì để cho họ đi. Vì đèn xanh mà nhiều người giành nhau đi trước nên đèn xanh không còn là đèn xanh nữa mà là "đèn loạn xạ ngẫu". Quý vị hãy thực tập: khiêm cung, bao dung, độ lượng mà cao khiết. Với tinh thần đó, chúng ta mới

hàn gắn được những gì đổ vỡ trong gia đình chúng ta, đổ vỡ trong dòng tộc chúng ta, đổ vỡ trong xã hội và trong thế giới loài người. Sống bằng tinh thần đó, ta có phẩm quyền, ta có những tịnh vật cao quý để cúng dường Phật đản. Còn cúng dường Phật đản mà vẫn giành nhau đi trước, giành nhau ngồi trước, giành nhau lạy trước thì không thành ra cúng dường Phật đản.

Thứ hai là dựng đứng lại những gì đã bị xiêu vẹo. Xiêu vẹo là từ nơi nhận thức, nơi hiểu biết sai lầm, thiên kiến, biên kiến, tà kiến. Cho nên mình phải chịu khó thân cận các bậc thiện sĩ, lắng nghe Chánh pháp rồi như lý tư duy và thực hành với những gì mình đã tư duy cho là đúng, từ đó dựng đứng lại cái nhận thức xiêu vẹo, thiên lệch của mình để trở thành chuẩn mực, đúng đắn. Và chúng ta thiết lập đời sống của mình trên nền tảng của sự đúng đắn đó thì chúng ta sẽ tồn tại lâu dài giữa thế gian này. Chúng ta hãy thực tập dựng đứng lại những gì đã xiêu vẹo, nhưng đừng dựng đứng những gì xiêu vẹo nơi người khác mà trước hết là mình phải dựng đứng lại những gì xiêu vẹo ở nơi chính cái tư duy của mình, ở nơi

chính cái hiểu biết của mình, ở nơi chính cái tâm của mình. Mình đã đứng thẳng thì những người nương tựa chung quanh mình cũng có điều kiện để đứng thẳng, nhất là những bậc làm cha mẹ, nhất là những bậc làm người trưởng thượng ở trong dòng họ và nhất là những vị lãnh đạo đất nước, lãnh đạo tôn giáo. Còn lãnh đạo tôn giáo mà đứng xiên xiên xẹo xẹo, tôn giáo đó không bao giờ trở thành tôn giáo chân chính; người lãnh đạo đất nước mà xiên xiên xẹo xẹo, đất nước đó không bao giờ đứng vững giữa cộng đồng nhân loại. Muốn như vậy, chúng ta phải thực tập cái tâm chân chính. Có tâm đó, chúng ta mới có tặng phẩm quý báu để cúng dường đức Phật nhân ngày Phật đản.

Thứ ba, bậc ngọn đèn cho mọi người thấy. Bậc ngọn đèn cho mọi người thấy ở đây nghĩa là người đệ tử Phật không nói nhiều về đạo đức mà sống đạo đức, không nói nhiều về từ bi mà sống từ bi. Mình nói nhiều từ bi mà còn ăn thịt chúng sinh thì không có từ bi nào ở nơi tâm mình hết, ở trong đời sống mình hết. Đã còn gặp thịt chúng sinh để ăn thì lỡ ra mà nói từ bi thì phải biết xấu

hồ, chứ đừng có nói với tính cách ta đây. Còn gấp thịt chúng sinh mà ăn thì lỡ ra có nói từ bi thì phải nói ở trong tầm quý, xấu hổ. Và không gấp thịt chúng sinh mà ăn thì cũng phải nói có tầm có quý, chứ không phải nói ta đây là ăn chay là thế này thế khác, nói như thế thì cũng không phải là từ bi, không phải là đệ tử chân chính của Phật. Chỉ có hành động đạo đức và sống đầy từ bi bằng chính đời sống của mình, ngọn đèn đó bật lên ở đâu thì sáng lên ở chỗ đó mà không cần phải quảng cáo, không cần phải lý luận, không cần phải biện bạch, không cần dẫn chứng kinh này, luận thuyết kia làm gì – vô ích.

Điều thứ tư là chỉ đường cho mọi người đi. Là đệ tử Phật, chúng ta học theo Phật. Phật đến đây để chỉ đường cho chúng sinh đi, cho mọi người đi, thì những gì chúng ta học được từ đức Phật chúng ta cũng nói cho những người chung quanh hiểu. Nói bằng cách này không được thì phải nói bằng cách khác. Nói cao không được thì phải nói thấp, nói thấp không được thì phải nói trong đồng sự nhiếp, chứ đức Phật tuyệt đối không chống đối chúng sinh. Phật không chống đối chúng sinh mà mình từ bỏ

chúng sinh, chống đối chúng sinh thì sao gọi là đệ tử Phật được. Phật không chống chúng sinh, không từ bỏ chúng sinh mà tới với chúng sinh và thương chúng sinh, có lòng bao dung độ lượng với tất cả chúng sinh, mà bây giờ mình lại chống người này, chống người kia, chống người nọ, sao gọi là đệ tử Phật được. Đã chống thì sân si. Đã chống thì hận thù. Đã chống thì tìm cách bươi móc những cái dở của nhau, khuếch đại lên và làm ẩn khuất những cái tốt của nhau. Như vậy thì làm sao gọi là đệ tử Phật. Mà không phải đệ tử Phật, không thực hành lời Phật dạy thì chúng ta cầu nguyện hòa bình đến rất cổ, hòa bình cũng không bao giờ có với chúng ta; chúng ta mơ ước hạnh phúc đến dài cổ thì hạnh phúc cũng không bao giờ có với chúng ta; chúng ta mơ ước phước đức đến tốc bạc răng long, hạnh phúc cũng không bao giờ có được với chúng ta trong một giây phút. Đại chúng phải thấy cho rõ điều này để mà tu học và tu học như vậy thì chúng ta xứng đáng là đệ tử của đức Phật, dù là chưa được toàn phần nhưng ít ra đi nữa, "con của ông, không giống lông cũng giống cánh", nghĩa là giống chút chút được rồi. Và mong rằng, tất cả chúng ta được làm con

của Phật, chút chút thôi là đã may mắn và phước đức quá rồi. Và mỗi mùa Phật đản đi qua, chúng ta cố gắng, cố gắng để mình trở thành con của Phật nhiều hơn, chứ đừng để mỗi mùa Phật đản đi qua là mỗi mùa chúng ta bị sa đọa vào những thế giới thấp kém, thì không phải là đệ tử của Phật với hạnh tinh cần tu tập mỗi ngày.

Nhân Phật đản PL.2567, chúng tôi chia sẻ đến đại chúng thời pháp thoại "Đức Phật đến với chúng ta" và chúng ta đã có duyên lành được làm đệ tử của đức Phật.

Nam mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

PHÁP THOẠI 20/11

Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Học chúng

Thanh Tuệ, Chánh Tâm ngày 20/11/2022

Nam mô Bồ Đe Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng toàn thể thành viên các Học chúng Thanh Tuệ, Chánh Tâm hiện tiền quý mến.

Ngày 20/11/2022 là ngày Hiến chương Nhà giáo Việt Nam, là ngày nhắc nhở những người học trò nhớ đến ơn thầy giáo dưỡng. Ấy là một ngày trong truyền thống giáo dục có giá trị nhắc nhở những người học trò nhớ đến ơn thầy, cô để nuôi lớn đạo đức của chính mình.

Ở đời có bốn trường hợp làm thầy và trò.

Trường hợp thứ nhất là thầy dễ thương và trò không dễ thương. Thầy dễ thương và trò không dễ thương là điều không may của vị làm thầy, nên vị thầy ấy là vị thầy không có tương lai vì trò không kế thừa được sự nghiệp của thầy. Vậy thì thầy phải làm gì? Vị thầy ấy nếu là một

nhà trí thức đích thực, là một nhà giáo đích thực, vị ấy không buồn mà phải tự sám hối với lòng mình và kiên trì hơn nữa để ôm ấp và chăm sóc những người học trò không dễ thương đó dưới bất cứ hình thức nào để những học trò không dễ thương đó có cơ hội trở thành người dễ thương. Và có như vậy thì vị thầy giáo, cô giáo đó mới có một tương lai đúng nghĩa là thầy giáo và cô giáo, vì giáo thì phải có người kế thừa, tiếp nối những gì mà lý tưởng của nhà giáo mang lại trong lòng mình cho người học trò và người học trò tiếp nhận những gì tốt đẹp từ vị thầy.

Trường hợp thứ hai là học trò dễ thương mà thầy không dễ thương. Học trò hiếu học mà thầy không dễ thương nên thầy chỉ dạy cho học trò với tính cách đối phó mà không hết lòng. Thầy không hết lòng dạy dỗ cho học trò mà có khi còn giữ kẽ đối với học trò, sợ học trò học giỏi hơn mình. Vị thầy như vậy không phải là vị thầy mà người học trò đi tìm cầu. Và người học trò khi gặp vị thầy không dễ thương như vậy thì phải làm gì? Nếu là học trò thông minh, có trí tuệ thì người đó ôm ấp cái

không dễ thương của thầy, cô giáo và càng tỏ ra kiên trì, cần mẫn học hành, hiểu đạo và càng tỏ ra tôn trọng thầy cô giáo ấy một cách đúng mức. Nhờ sự tôn trọng, hiểu kính thầy cô giáo ấy một cách đúng mức khiến những vị ấy trở thành những vị thầy, cô giáo dễ thương, những người giáo dục dễ thương.

Thầy trò giúp nhau như vậy thì thầy trò đời đời sẽ gặp nhau và luôn luôn là thiện tri thức của nhau. Có khi học trò giúp thầy, có khi thầy giúp học trò. Thầy và trò như vậy thì thầy cũng đẹp mà trò cũng đẹp.

Trường hợp thứ ba: thầy dễ thương mà trò cũng dễ thương. Thầy dễ thương và trò cũng dễ thương nên học trò tiếp nối được sự nghiệp của thầy và thầy trò đời đời gặp nhau, làm thiện tri thức của nhau. Thầy làm cho trò vinh danh; học trò cũng làm cho thầy vinh danh. Thầy trò như thế quả thật là một nhân duyên hội ngộ tuyệt vời. Ở đời ai cũng mong mình sẽ có những bậc thầy như vậy; và nếu làm thầy thì cũng mong mình sẽ có những học trò dễ thương như vậy để kế thừa sự nghiệp của mình.

Trường hợp thứ tư: thầy không dễ thương, trò không dễ thương nhưng thầy cũng đứng trên lớp và trò cũng ngồi trong lớp. Thầy không dễ thương mà đứng lớp là chỉ vì đối phó, chỉ vì trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm từ người trên giao phó mà thực ra vị ấy không có lý tưởng giáo dục và trách nhiệm làm thầy. Người học trò không dễ thương mà cũng ngồi trong lớp là để đối phó vì một mục đích nào đó chứ không phải là ngồi trong lớp với tư cách là một học trò đi học để nâng cao sự hiểu biết, mở rộng kiến thức của mình và già dặn thêm kinh nghiệm sống từ vị thầy trao truyền.

Trong bốn trường hợp ấy, chắc chắn chúng ta hôm nay không ai mong muốn rằng chúng ta là hạng thầy trò thứ tư mà tất cả chúng ta mong rằng ta sẽ gặp vị thầy dễ thương và thầy sẽ gặp học trò dễ thương.

Quý vị biết rằng, đức Phật dạy có ba loại thầy.

Loại thứ nhất là làm thầy bằng Thân giáo, nghĩa là vị thầy đó không dạy mình bằng lời, bằng ý, mà chính bằng bản thân của vị ấy. Vị ấy sống với những gì mà họ nghĩ

là tốt đẹp và đem đời sống của chính họ ra, để dạy dỗ cho học trò. Cho nên học trò chỉ sống bên thầy mà tính tốt của thầy tự huân tập ở nơi học trò chứ thầy không cần phải đứng trên bục giảng. Người học trò ở bên thầy- đức hạnh của thầy, tính cách của thầy, cuộc sống của thầy xông ướp lên người học trò một cách tự nhiên như người khách lữ hành đi trong sương sớm, sương tuy không ướp áo nhưng càng lúc càng thấm vào lữ khách. Cũng vậy, người học trò sống gần gũi bên vị thầy dễ thương, thầy không dạy bằng lời nhưng phong cách, tác phong của một bậc thầy thân giáo như vậy thấm dần vào người học trò và người học trò dễ thương không biết từ khi nào. Và khi nhìn lại thì ra mình là một người học trò rất dễ thương là do ảnh hưởng thân giáo của thầy.

Ở chùa Phước Duyên này, ngài cô Viện chủ thượng Lương hạ Phương là một bậc thầy mô phạm bằng thân giáo. Ngài chưa bao giờ đứng lớp dạy ai nhưng chính thân giáo của Ngài ảnh hưởng đến học trò rất lớn nếu những người học trò biết học. Còn những người học trò không biết học thì quả thật ở một bên bậc thân giáo cũng

chẳng có ảnh hưởng chút nào. Nhưng những ai biết học thì ở bên một bậc thân giáo như vậy, chúng ta học được rất nhiều, vị ấy không nói mà làm, mà sống. Tôi nhớ năm 1969 khi tôi hầu thầy đi tới một nhà tín đồ để làm lễ. Lúc đó tôi mới thọ Sa-di giới nên nhiệt tâm đối với Đạo thì rất nhiều nhưng kinh nghiệm hành Đạo thì hoàn toàn chưa có. Tới nhà tín đồ ấy, họ mời cúng, họ đặt lên bàn thờ một đầu heo, mấy con gà, đầy thịt cá. Thấy vậy thì tôi liền có thái độ phản ứng đối với nhà tín đồ ấy và tôi thưa với thầy của tôi bấy giờ là: "Thầy cúng đi, con về. Đi tu, ai mà đi cúng đầu heo, gà quay". Bấy giờ, thầy tôi không nói gì mà cười, rồi nói: "Thôi, chú không cúng được thì về đi, để đây thầy cúng". Khi đó tôi ra dất xe đạp, chào thầy và về với cái tâm kiêu hãnh, tâm ta đây là hiểu biết, ta đây là ngon lành hơn thầy mình. Nhưng trước khi tôi về thì Thầy nói với gia chủ là "chú về đi học, vì trễ giờ rồi. Về học trường Bồ Đề cho kịp". Thầy tôi nói đỡ như vậy để gia chủ khỏi buồn. Và thầy cũng nói "chú về thì tui cúng một mình, nhưng gia chủ nên lấy giấy báo mà che cái đầu heo lại rồi thầy cúng cho". Tôi sửa soạn về thì thầy vào cúng và mặc áo đà để cúng chứ

không mặc áo vàng, đắp y. Gia chủ hỏi sao thầy không mặc áo vàng để cúng mà mặc áo đà. Tôi nghe thầy trả lời là: "Tui mà mặc áo vàng đắp y cúng thì giáo hội coi y ra, không cho làm thầy tu nữa. Mặc áo đà cúng thì giáo hội cho phép mà mặc y hậu vàng thì giáo hội không cho phép". Vậy là thầy ở lại cúng còn tôi ra dắt xe đạp về một cách ta đây, ta đây của một người trẻ nhiệt huyết nhưng thực sự ra là zero kinh nghiệm, nhưng mà oai lắm, cái oai của tuổi trẻ, cái oai của một người mới có chút hiểu biết, coi trời bằng vung. Sau khi thầy cúng xong thì thầy lên chùa. Tôi về chùa và nghĩ chắc chuyến này mình sẽ bị la. Nhưng thầy không la chi cả. Thầy xem mọi chuyện bình thường, không có một điều gì xảy ra cả. Đó là bài học mà tôi học từ thầy tôi là Hòa thượng thượng Lương hạ Phương khi mới là một tân Sa-di. Đó là bài học mà tôi nhớ suốt đời và mỗi lần nghĩ tới là xúc động. Nên thân giáo rất là quan trọng.

Thứ hai là Khẩu giáo, tức là dạy bằng lời. Thường thường là chúng ta nhỏ nên hay được người lớn dạy bằng lời, thầy giáo dạy bằng lời.

Thứ ba là Ý giáo tức là dạy cho mình bằng ý tứ, mượn một hình ảnh này để dạy cho mình một hình tượng khác, để qua hình tượng khác đó mà mình hiểu được một cái ý thầy muốn dạy cho mình, chứ không phải là chỉ thẳng mặt mà dạy. Mượn một sự kiện để mà dạy. Mượn một cái duyên khác mà dạy. Cho nên dạy bằng ý giáo là dạy rất tế nhị, rất là khôn khéo.

Đức Phật dạy, bậc giáo thọ sư có ba hạng. Hạng thứ nhất là bậc thầy dạy bằng thân giáo, thứ hai là dạy bằng khẩu giáo và thứ ba là dạy bằng ý giáo. Dạy bằng khẩu giáo thì bậc đó là bậc thầy dạy rất là nhiều lời mà hiệu quả cũng rất là ít. Thân giáo thì rất ít lời nhưng hiệu quả rất là cao. Còn ý giáo thì đòi hỏi người học trò phải có một trí thức, một trình độ nhất định. Cả ba phương pháp như vậy giúp cho người học trò hiểu ra được vấn đề và kế thừa được sự nghiệp của thầy.

Hôm nay là ngày Nhà giáo Việt Nam, tất cả quý vị đã có mặt ở Tịnh Quang thiền đường chùa Phước Duyên để làm lễ tri ân những bậc thầy giáo dục, trong đó một phần là có tôi, một phần là có rất nhiều vị thầy khác nữa cũng đang

có mặt với tất cả chúng ta trong buổi tri ân này. Quý vị biết rằng, nếu ta muốn học thì giữa đời này có rất nhiều thầy để cho ta học. Có những bậc thầy tới trường, có những bậc thầy không tới trường, có bậc thầy đứng lớp, có bậc thầy không đứng lớp, có bậc thầy được xã hội tôn vinh là thầy, có bậc thầy không ai tôn vinh cả nhưng vẫn làm thầy của chúng ta. Khi chúng tôi đi qua Hoa Kỳ, có một lần chúng tôi tới viện bảo tàng về khoa học tự nhiên thì ở đó người ta treo hình ảnh một chú chim. Khi tôi hỏi vì sao trong viện bảo tàng lại treo hình ảnh chú chim trang trọng thế này thì vị hướng dẫn và quản lý viện bảo tàng nói rằng, tất cả các nhà khoa học hàng không bước đầu nhìn chú chim, học cách bay của chú chim và khởi lên ý tưởng làm sao mình có thể bay được như những chú chim, từ đó mà chế tạo ra những chiếc máy bay. Nên quý vị thấy rằng, nếu mình muốn học thì nhìn lên bầu trời, thấy những chú chim bay mình vẫn học được. Nên quý vị thấy máy bay có hai cánh. Rồi người ta nghiên cứu trong chú chim có cái gì làm cho chú nhẹ và bay lên rồi cụ thể hóa nó và cơ cấu chiếc máy bay như là một thân chim để có thể bay. Rồi khi người ta chế tạo các tiềm thủy đình - những chiếc

tàu ngầm - thì người ta học các chú cá, tại sao có những chú cá lặn sâu dưới đáy biển. Vì vậy, quý vị thấy rằng, nếu mình biết học thì ở đâu, nhìn bất cứ cái gì mình cũng có thể học và bất cứ cái gì cũng có thể làm thầy của mình, dưới hình thức này hay hình thức khác, dưới danh hiệu này hay danh hiệu khác. Quý vị hiểu không? Và trong giới y khoa thì tất cả chúng ta biết rằng, học bác sĩ năm đầu thì phải học về những cơ cấu sinh học của chú chuột để tìm cái tương đồng với con người. Tôi nói như vậy để quý vị hiểu rằng, một người thông minh, người ấy có thể học bất cứ ở đâu, bất cứ cái gì, với bất cứ ai và từ nơi đó mà nuôi lớn và phát triển kiến thức của mình, hiểu biết của mình một cách trọn vẹn và toàn diện. Cho nên giữa đời này chúng ta có rất nhiều bậc thầy, có những bậc thầy có danh có tướng, có những bậc thầy không có danh không có tướng nhưng vẫn làm thấy tất cả chúng ta nếu chúng ta biết học.

Hôm nay nhân ngày Hiến chương nhà giáo, chúng ta phải mở trái tim chúng ta, chúng ta phải mở tâm nhìn của chúng ta, chúng ta phải luôn luôn là người cầu học và

nguyện làm người học trò tha thiết với sự nghiệp trí thức, với sự nghiệp trí tuệ thì chúng ta sẽ là những học trò dễ thương và kế thừa tất cả những gì dễ thương từ những bậc thầy hữu danh hữu tướng, vô danh vô tướng để thực sự là những người có học và hữu ích, để chúng ta sống giữa đời này một cách có ích và có ý nghĩa. Đó là những gì chúng tôi xin chia sẻ đến quý vị. Mong rằng tất cả chúng ta đời đời kiếp kiếp sinh ra ở đâu cũng được làm thầy làm trò với nhau, và thầy không làm cho học trò khổ đau, không làm cho học trò tủi nhục, và học trò cũng phải nhớ rằng mình đừng làm cho thầy mình khổ đau, đừng làm cho thầy mình tủi nhục. Có như vậy thì chúng ta mới xây dựng được một xã hội mà thầy đúng là thầy, trò đúng là trò để chúng ta góp phần sự nghiệp học hành, sự nghiệp trí thức của chúng ta xây dựng quê hương xinh đẹp, xã hội loài người văn minh, tiến bộ thực sự về giá trị đạo đức và nhân bản. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho tất cả các học chúng có nhiều an lạc, hạnh phúc trong sự nghiệp làm thầy, trong sự nghiệp làm học trò của mình.

Nam mô A Di Đà Phật.

THẦY TRÒ TRONG PHẬT GIÁO

Trích từ Giới học đại thừa-Bài 29, Hòa thượng

Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh Luật viện

Huệ Nghiêm

Có bao nhiêu loại thầy và trò? Trong kinh nói có bốn loại thầy trò.

1. Thầy sống hạnh viễn ly, trò sống hạnh viễn ly.

Như vậy thầy trò rất là đẹp, rất là dễ thương. Phải không?

Viễn ly đây là viễn ly cái gì? Viễn ly ác pháp. Tức là thầy sống hạnh viễn ly đối với các pháp xấu ác và trò cũng sống hạnh viễn ly đối với các pháp xấu ác.

Pháp gì là pháp xấu ác? Tham là pháp xấu ác. Sân là pháp xấu ác. Si là pháp xấu ác. Kiêu mạn là pháp xấu ác. Chấp ngã là pháp xấu ác. Thầy sống viễn ly đối với hết thầy pháp xấu ác đó và trò cũng sống viễn ly đối với các pháp xấu ác đó. Và thầy trò như vậy thì thầy làm thơm cho học trò và học trò cũng làm thơm cho thầy. Và thầy

trò như vậy có mặt ở đâu thì thế gian đều lợi ích, không những lợi ích cho thế giới người mà còn lợi ích cho cả thế giới trời nữa. Như vậy thầy sống đời sống viễn ly, trò sống đời sống viễn ly thì không chỉ lợi ích cho thầy và trò mà còn lợi ích cho cả thế giới người, trời, cả thế giới của hết thầy chủng loại chúng sinh.

Thầy sống đời sống viễn ly ác pháp là vì trong đời sống của thầy có Giới. Vì là có Giới nên thầy không bao giờ sát sanh; thầy không bao giờ khuyến khích học trò sát sanh; vì là thầy có Giới nên không bao giờ thầy tùy thuận để cho học trò sát sanh. Và vì học trò có Giới cho nên học trò cũng như vậy.

Thầy có Giới nên không bao giờ thầy trộm cắp. Và trò có Giới nên trò cũng không bao giờ trộm cắp.

Thầy có Giới nên thầy sống đời sống không tà hạnh, sống chánh hạnh, tịnh hạnh. Học trò có Giới nên học trò cũng sống đời sống không tà hạnh, sống chánh hạnh, tịnh hạnh, sống thiện hạnh.

Thầy có Giới nên thầy không nói dối. Trò có Giới nên trò không bao giờ nói dối. Vì thầy có Giới nên không bao giờ thầy nói dối với học trò. Và học trò có Giới nên không bao giờ học trò nói dối với thầy.

Thầy sống viễn ly, trò sống viễn ly, thầy tạo nên danh giá cho học trò và học trò cũng tạo nên danh giá cho thầy vì cả thầy và trò đều sống với Giới. Như vậy rõ ràng thầy và trò đâu có phạm vào ba-la-di đâu. Tỳ-kheo mà phạm ba-la-di thì không phải là Tỳ-kheo nữa rồi. Không ai đuổi mình ra khỏi Tỳ-kheo, cũng không ai cởi y mình, cởi áo mình. Hễ phạm là tự mình mất hết tất cả những cái đó nên có mặc áo nữa thì cũng không phải là áo của Như lai, mình có đắp y đến hai mươi lăm điều thì cũng chẳng dính chi đến nơi Như lai, có ở trong chùa thì cũng chẳng dính chi đến nhà của Như lai.

Cho nên, thầy có Giới, tức là đời sống viễn ly ác pháp; trò có Giới, trò sống đời sống viễn ly ác pháp. Thầy có Định, thầy nhiếp phục được cái bất thiện pháp ở nơi tâm mình; và trò có Định, trò cũng nhiếp phục được cái bất thiện

pháp khởi lên ở nơi tâm mình. Khi các thầy các cô thiền quán, ngồi như vậy mà thấy nơi tâm mình tất cả những chủng tử tâm hành nó vận lên, nó khởi hiện lên nơi tâm, thì nó khởi lên như thế nào, mình phải thấy nó khởi lên đúng như thế ấy, đúng như tính chất của nó, đúng như tướng trạng của nó, đúng như năng lực của nó, đúng như tác dụng của nó, đúng như nhân của nó, đúng như duyên của nó, đúng như quả của nó, đúng như báo của nó, đúng như gốc rễ ngọn ngành của nó; nghĩa là nó khởi lên dưới bất cứ hình thức nào mà mình có thiền quán, có định, mình biết nó đúng như là chính nó; cái bất thiện thì mình nhiếp phục; cái thiện thì mình làm cho nó tăng trưởng lên. Thầy có Định như vậy. Trò cũng có Định như vậy. Thầy thiền quán thầy nhiếp tâm như vậy. Trò thiền quán trò cũng nhiếp tâm như vậy. Đó gọi là thầy có đời sống viễn ly ác pháp và trò cũng có đời sống viễn ly ác pháp. Và thầy trò như vậy làm vinh danh cho nhau, tạo nên cái danh giá cho nhau. Và thầy trò như vậy thì mới là truyền trao ngọn đèn Chánh pháp cho nhau, để đời này tiếp đời sau, cứ tiếp tục như vậy mà ngọn đèn Chánh pháp giữa thế gian không bao giờ bị dập tắt.

Và thầy có tuệ quán để thấy rõ cái nguy hiểm của các pháp bất thiện ở nơi tâm mình, các lời nói bất thiện ở nơi ngữ của mình, các hành động bất thiện ở nơi thân của mình. Mà bất thiện thì dừng lại. Bất thiện ở đâu thì dừng lại ở đó. Bất thiện ở nơi tâm ý thì dừng lại ở nơi tâm ý. Bất thiện ở nơi lời nói thì dừng lại ở nơi lời nói. Bất thiện ở nơi hành động, ở nơi thân, thì dừng lại ở nơi hành động, nơi động tác của mình. Và thầy có tuệ quán, quán chiếu rành, cái thiện này là cái thiện bản chất, cái thiện khởi lên từ nơi tính chất của tâm ý thiện, và lời nói này là lời nói có tác động từ nơi tính chất của tâm ý thiện, và cái hành động của thân này đưa tới lợi ích cho mình đời này đời sau có tác động từ nơi tâm ý thiện, từ nơi tự tánh thiện. Thầy bằng tuệ quán thấy như vậy nên thầy luôn luôn phát triển cái tâm thiện đó ra, tác ý thiện đó ra trong đời sống hằng ngày của mình qua thân và ngữ.

Và người học trò cũng có tuệ quán như thầy, tiếp tục phát huy tự tánh thiện ở nơi tác ý, rồi tự tánh thiện ở nơi lời nói, tự tánh thiện ở nơi hành động. Học trò cũng nuôi lớn và phát triển tánh thiện đó ra trong đời sống hằng

ngày vì thấy thiện đó đưa tới lợi mình, lợi người, lợi đời này, lợi đời sau.

Như vậy thì thầy, trò tương thích với nhau. Và thầy trò như vậy làm cho dòng chảy Chánh pháp tương tục, không bị nghẹt tắc, tương tục giữa thế gian để nuôi lớn thiện pháp cho thế gian, cho thế giới trời người. Thầy và trò như vậy, chư thiên, nhân loại rất là tôn kính, rất là quý trọng. Bởi vì thầy và trò như vậy tạo nên một mảnh ruộng phước để cho thế giới trời người gieo trồng thiện căn, gieo trồng phước đức.

Quý thầy nhìn nơi mảnh y của mình, là từng mảnh từng mảnh khâu lại, giống như thửa ruộng, gọi là phước điền. Nên mình trai tăng mà không mặc y là không có phước điền đâu nghe, điều này các thầy lưu ý. Vì y là tướng của Tăng, tướng phước điền của Tăng, nên khi mình đắp y là tiêu biểu cho tướng phước điền của Tăng, nếu mình không đắp y thì không phải là ruộng phước của Tăng thì trời người gieo trồng phước không có dính, tội cho thế giới trời người. Vậy nên khi trai tăng mình đắp y vào, đó

là tướng của Tăng. Phước điền là tính chất của Tăng, là tướng của Tăng. Chính cái y đó bảo hộ cho mình. Nếu mình tiêu thụ của đàn-na thí chủ, của người khác cúng dường mà không có phước điền bảo hộ, thì càng tiêu thụ càng chết sớm. Nên trong giới của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có giới bất ly y, không được rời y mà ngủ, không được rời y cách đêm. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đi đâu cũng phải có y, mà nếu vì đi xa quá thì mình phải gửi y lại, phải nhờ một vị giữ cho mình. Đó gọi là Giới phòng hộ cho mình, phước điền phòng hộ cho mình. Lỡ ra mình đi giữa đường bị xe cán chết, người ta tới mở cái đay của mình ra thấy có cái y, người ta lấy cái y đó mà đắp lên thi hài của mình, mọi người đi ngang qua, biết đó là một Tỳ-kheo bị nạn chết, người ta báo về chùa, báo về cho Tăng.

Bây giờ, nói ra thì có nhiều đụng chạm, nhiều vị không cần y nữa, ở trong chùa thì y, hậu đàn hoàng nhưng ra ngoài thì mặc cái áo cụt chạy xe, để như người đời vậy thôi. Tu hành như vậy sa đọa là phải. Khi thọ Giới thì lay lục súc bái để được truyền ba y, bình bát; nhưng được Giới rồi thì vất y một đường, bát một nẻo, ngủ. Đi đâu

thì vất y, vất hậu mà đi, mặc đồ đời mà đi. Thấy kỳ cục. Tu hành chi lạ. Không trách gì mà thầy tổ chúng ta có lời khiển trách chúng ta rất nặng: lạm xí Tăng luân – thứ mà lạm dụng Tăng luân để lừa bịp thế gian, hưởng thụ bổng lộc. Lạm xí Tăng luân là lạm dụng luân pháp của Tăng, đó là điều rất tội lỗi. Mình tu được một ngày thì tu một ngày cho đàng hoàng. Huống chi mình tu một đời thì tu một đời cho đàng hoàng. Không ai bắt mình phải tu hết. Mình tự nguyện xuất gia mà, tự nguyện đi tới với thầy mình và cầu thầy mình chỉ dạy cho mình pháp học, pháp hành, pháp tu, pháp chứng. Thấy mình tu không được nữa thì thưa thầy: "Dạ con duyên ngang đây thôi, cho con về. Con về nhưng con luôn luôn tín kính Tam bảo, con giữ ba pháp quy y và năm giới, làm người cư sĩ tại gia, hộ trì Tam bảo" cho nó rõ ràng. Chứ còn tu mà không rõ ràng, thu thu giấu giấu, mệt lấm các thầy ơi. Thu thu giấu giấu khổ lấm. Ăn không ngon, ngủ không ngon, đi trong chùa giống như cục nợ vậy. Thành ra tu cho nó rõ ràng. Trong giới Tỳ kheo mình có thấy đó chứ: "nhược Tỳ kheo, cộng Tỳ kheo đồng giới, giới luy bất tự hỏi", giới luy là giới yếu kém, bất tự hỏi là không biết

giác tỉnh, không biết hồi hận để trở lại với cái mạnh mẽ của giới mà đi theo cái yếu kém việc trì giới, đưa tới phạm giới nghiêm trọng đến nỗi bị loại ra khỏi đời sống của Tăng. Nên thấy giới yếu rồi thì mình phải tự hồi, mà thấy tự hồi rồi mà không nổi nữa vì dục trong người dữ quá thì ra giữa Tăng mà xin, là "con không đủ khả năng để sống đời sống tịnh hạnh, đời sống phạm hạnh giữa các Tỳ kheo đồng giới khác nữa, xin Tăng cho con được xả Tỳ kheo giới, Tỳ kheo ni giới, về sống đời sống tại gia, thọ trì ba pháp quy y, năm giới"; sau đó thì mình về mình sống giữa đời, ưa ăn thịt – ăn mấy đó ăn, uống rượu – uống mấy đó uống, hút thuốc – hút mấy đó hút, ưa mấy vợ thì cứ lấy, lấy bừa thôi, ưa đẻ mấy thì đẻ đi, ăn chán thôi thì hết ăn, chứ cứ chọt chọt mút mút vậy nó thêm cả đời, cuối cùng trở thành loài ngạ quỷ trong chùa, chọt chọt mút mút ăn chùng ăn vụng, xấu lắm. Không có cái gì xấu cho bằng ăn chùng ăn vụng. Đã ăn chùng ăn vụng rồi còn nói giọng điệu Thánh hiền, giả bộ Thánh hiền. Xấu hổ! Không đáng gì! Còn Phật Pháp thì rõ ràng, đâu ra đó. Như các sư Thái Lan, họ tu năm năm, mười năm, rõ ràng. Campuchia cũng vậy. Lào cũng vậy. Mặc

dù họ làm trú trì rồi, mười hạ, hai mươi hạ rồi, nhưng họ nói ngang đó hết duyên, họ về, sống đời sống cư sĩ. Sáng thì ngồi làm viện chủ thuyết Giới, nhưng chiều xả Giới về sống với đời, tới mai vẫn tới ngồi ở dưới nghe các vị thầy còn lại dạy dỗ, hướng dẫn. Đó. Sống rõ ràng, minh bạch. Còn mình đây mà hễ vướng một cái là bỏ chùa đi luôn, không bao giờ ngó lại. Đó là cái dở. Vì mình sống không rõ ràng, không minh bạch. Chứ còn nếu rõ ràng, minh bạch thì có gì đâu, nhân duyên ngang đâu giải quyết ngang đó.

Nhưng tôi nói với mấy thầy mấy cô một điều, đã có nhân duyên ở chùa nghĩa là mình đã có gieo nhân duyên thiện căn nhiều đời rồi mới được ở chùa, chứ đừng nói là được làm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. Nên nói hết duyên là không phải đâu, mà là vì do tâm buông lung các dục khiến che khuất trí tính của mình, làm lệch lạc chí nguyện xuất gia của mình. Chứ mình không có nhân duyên ở chùa thì ở một ngày cũng không được chứ đừng nói là ở đến khi thọ Tỳ kheo rồi, năm hạ bảy hạ rồi mà vướng chuyện không đáng vướng. Rõ ràng trong khi ở chùa mình có

nhân duyên đó rồi mà không biết chăm sóc, không biết trân quý, để cái tâm buông lung. Khi tâm buông lung rồi thì thiện căn bị xói mòn, các pháp hữu lậu sinh ra, từ đó mình đổ thừa cho nghiệp, đổ thừa cho việc hết duyên. Mình học Đại thừa chứ có học Đổ thừa đâu, mình học Thượng thừa chứ có học Tiểu thừa đâu mà tâm nhỏ nhỏ, không dám nhận lỗi, không dám nhận khuyết điểm về mình, cứ đổ thừa người này, đổ thừa người khác. Như vậy nó hèn. Hèn thì không thể tồn tại được ở trong Chánh pháp.

Nên nói để các thầy thấy, thầy sống viễn ly - trò sống viễn ly, thầy sống có Giới - trò sống có Giới, thầy sống có Định - trò sống có Định, thầy sống có Tuệ - trò sống có Tuệ, thầy trò như vậy tạo nên danh giá cho nhau mà làm cho Chánh pháp trường tồn, thế hệ này qua thế hệ khác ngọn đèn Chánh pháp được trao truyền sáng rõ lên.

Quý thầy quý cô có thích thầy trò như vậy không? Thích phải không? Cố gắng! Không có cái gì ra ngoài cố gắng mà được hết. Phải không? Cố gắng lên! Giữ cái sơ phát

tâm của mình. Sơ phát tâm ai cũng đẹp hết, ai cũng cao quý hết.

2. Trường hợp thứ hai: thầy sống viễn ly, trò sống không viễn ly.

Như vậy là thầy trò không ăn khớp nhau rồi. Đã không ăn khớp nhau rồi thì học trò làm ngược những gì mà thầy đã làm. Có trường hợp này không mấy thầy? Có không? Có! Không phải chỉ ở trong chùa mình đâu, không phải chỉ ở trong Phật giáo mình đâu, các tôn giáo khác cũng như thế. Các tôn giáo khác họ cũng sống thầy dễ thương, trò dễ thương, rồi có trường hợp thầy dễ thương, trò không dễ thương. Mà ở đời cũng vậy. Cha mẹ dễ thương, con cái dễ thương, có khi cha mẹ dễ thương mà con cái không dễ thương. Chuyện đời là vậy. Chính những cái đó làm cho mình có một chiều sâu quán chiếu, để mà thấy nhân duyên nhân quả, quan hệ thầy trò với nhau không phải chỉ một đời mà nhiều đời ở trong đó. Còn nếu mình thấy nhân quả một đời thì rõ ràng thầy dễ thương thì trò dễ thương. Điều đó dễ hiểu. Cha mẹ dễ

thương con cái dễ thương – dễ hiểu.

Nhưng có trường hợp thầy dễ thương mà trò không dễ thương, thầy sống viễn ly mà trò không sống viễn ly, cha mẹ dễ thương con cái không dễ thương. Nên sáng hôm qua, tôi dạy ở Phước Duyên xong, có chị đó nói: "Bạch Ôn, Ôn làm sao cứu mẹ con con với". Tôi hỏi: "chị với con chị sao mà tôi cứu?" – "Con có đứa con trai năm nay hai mươi hai tuổi, học xong đại học rồi, con nói một đường là nó làm một nẻo, khi nào cũng chống đối con hết. Mà con nuôi nó không thiếu cái gì hết. Đến nỗi bây giờ con cũng không dám tụng kinh luôn. Tụng kinh là nó phỉ báng kinh. Lạy Phật là nó phỉ báng Phật. Con làm gì thì nó đều tìm cách để phỉ báng con hết". Giả như quý thầy quý cô gặp trường hợp mà họ thừa như vậy thì quý thầy quý cô giải quyết cho họ thế nào? Có khi nào quý thầy quý cô gặp trường hợp như vậy chưa, thấy trường hợp như vậy chưa, thấy thầy dễ thương mà trò không dễ thương chưa, thấy cha mẹ dễ thương mà con cái không dễ thương chưa? Chưa thấy à? Cuộc sống sao nghèo đến thế! Chưa thấy những điều đó là nghèo lắm a. Nghèo về

kinh nghiệm sống. Nghèo về tri thức cuộc sống. Quý thầy quý cô không thấy trong huynh đệ mình à, thầy mình rất dễ thương mà đôi khi huynh mình không dễ thương, đệ mình không dễ thương. Có không? Trong gia đình của mình năm bảy người con, cha mẹ mình rất dễ thương, mình cũng dễ thương như cha mẹ mình mà sao anh mình không dễ thương với cha mẹ mình, chị mình không dễ thương với cha mẹ mình, cha mẹ mình nuôi anh chị mình rất đàng hoàng nhưng đến khi có gia đình, mẹ già rồi mà tới ở với anh đầu không được vì chị dâu không muốn chăm sóc mẹ già. Hoặc ba anh em trai mà nuôi mẹ mỗi người một tháng, chỉ nấu ăn cho mẹ thôi còn tiền thì của mẹ, vậy mà ở nhà anh đầu mới hai mươi tám ngày, còn hai ngày nữa mà đã nhắc khéo: "còn hai ngày nữa mẹ qua chú nghe" – bà mẹ tủi, khóc, "con nuôi hấn con không kể tháng ngày, tiền bạc bao nhiêu thứ con cũng không hề kể, có khi nào con kể với nó là con đã bú mẹ hết bao nhiêu sữa đâu, vậy mà bây giờ già, mới hai mươi tám ngày hấn đã nhắc". Tưởng chỉ mẹ dâu tưởng nhắc, té ra qua mẹ dâu thứ mới hai mươi tám ngày cũng nhắc, dâu út cũng nhắc. Bà buồn vô vàn. Hôm qua trước

khi tôi đi vào đây, có một bà lên khóc: "Thưa Ôn, trường hợp con rứa phải làm sao Ôn?". Thì mình cũng nhận ra được là cha mẹ dễ thương mà con cái không dễ thương. Cha mẹ nuôi con đâu có kể tháng kể ngày, kể tiền kể bạc, kể công kể lao? Mà con cái nuôi cha mẹ kể từng tháng từng ngày như vậy, may là còn chưa làm ra tiền ra bạc để nuôi cha mẹ nữa. Cái nhà ở đó cũng là nhà cha mẹ chia cho.

Cho nên tôi nói để các thầy các cô thấy mà quán chiếu cho sâu sắc về nhân duyên nghiệp quả ba đời, năm đời, bảy đời, mười đời chứ đừng chỉ thấy cái chuyện trước mắt, phải quán cho sâu sắc, tại sao ông thầy dễ thương như vậy mà lại gặp học trò không dễ thương? Tôi đã nói với quý vị đó: "Mẹ dễ thương mà con không dễ thương. Thôi, đừng có khóc nữa. Khóc cũng không giải quyết được gì, buồn cũng chẳng giải quyết được gì mà thêm khổ, thêm thú ruột, thêm đau bao tử. Về giờ Lương Hoàng Sám, phẩm Giải tỏa oán kết ra mà tụng đi, tụng bằng tất cả tâm thành của mình, tụng bằng tất cả chí thành của mình".

Cái mà người ta thương mình, cũng không phải bỗng nhiên mà thương; cái người ta ghét mình, cũng không phải bỗng nhiên mà ghét; cái người ta giúp mình cũng không phải bỗng nhiên mà giúp; mà cái người ta oán đối mình cũng không phải bỗng nhiên mà oán đối, mà là có nhân duyên nhiều đời với nhau. Mà cái nhân duyên xấu đó thì không có phương pháp nào ngoài phương pháp là mình phải tu tập, sám hối rồi tự mình giải tỏa mọi oán kết, oán đối ở nơi tâm mình và phải sám hối ở nơi tâm mình. Khi tâm mình chí thành chí thiết sám hối, chí thành chí thiết giải tỏa mọi oán kết đó thì những oán kết đó từ từ đứt rã ra, nó không trối lại nữa. Nhưng nếu tâm mình còn những oán đối thì cái khí oán đó có cơ hội tụ lại nơi tâm mình và kích hoạt ác cảm nơi tâm người. Vì vậy phải luôn luôn khởi tâm sám hối.

Mà quý thầy quý cô phải hiểu, chỉ có bậc Thánh mới có pháp sám hối chứ người đời làm gì biết mà sám hối. Và chỉ có Bồ tát mới thấy tội lỗi của mình nhiều đời nhiều kiếp mà luôn luôn khởi tâm sám hối. Cho nên Bồ tát là sám hối nhiều hơn bất cứ ai. Đừng có nghĩ rằng Bồ tát

rồi là không có lỗi lầm, không có sám hối nghe. Tôi nói điều này là các thầy các cô tự biết lấy, trong mười hạnh nguyện Phổ Hiền, thì hạnh nguyện thứ nhất là gì? Nhất giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai, tam giả quảng tu cúng dường, tứ giả sám hối nghiệp chướng. Có phải không? Bồ tát ý thức được cái nhân quả nhiều đời, cái nghiệp chướng nhiều đời, cái oan khiên nghiệt ngã của chúng sanh nhiều đời, do nhiều đời như vậy mà làm cha làm mẹ, làm con làm cái, làm anh làm chị, làm thầy làm trò với nhau. Oán, thì làm thầy mà oán cho sướng, làm trò mà oán cho sướng. Trò mà trả thù thầy thì thầy hết chỗ trốn, khỏi nói, bởi vì có cái gì của thầy mà trò không biết. Mà thầy trả thù trò thì trò cũng hết đường trốn, vì có cái xấu gì của trò mà thầy không biết! Nên chỉ có làm thầy làm trò thì trả thù nhau mới đã thôi. Mà chỉ có làm thầy làm trò với nhau trả cái ân của nhau mới hết được, vì không có cái đẹp nào của thầy mà trò không biết, không có cái đẹp nào của trò mà thầy không biết, nên chỉ có thầy trò mới cảm nhận được cái ân đức của nhau, trả cái ân đức của nhau, nên thầy dễ thương – trò dễ thương, thầy viễn ly- trò viễn ly, vì cảm nhận cái thiện pháp nơi nhau,

cái ân đức mà thầy trò nhiều đời nhiều kiếp đã gặp nhau và truyền trao cho nhau.

Còn bây giờ thầy dễ thương mà trò không dễ thương thì tính sao? Trò không dễ thương, tới đòi nợ mình, vì mình mới dễ thương đời này thôi, chứ đời trước chưa chắc dễ thương, mà mới dễ thương ba năm ni thôi chứ ba năm trước chưa chắc dễ thương, mới đối xử tốt với nó mười năm ni thôi chứ mười năm trước chưa chắc đã đối xử tốt với nó nghe. Nên thầy dễ thương - trò không dễ thương, có nhiều lý do. Cha mẹ và con cái cũng vậy. Mình mới làm cha mẹ hấn đời này chứ biết đâu đời trước mình làm con hấn, cháu hấn. Và hấn làm con cháu mình đời này chứ biết đâu đời trước hấn làm ông nội mình, làm cha mình, rồi hấn cũng đi học về xin tiền mình và mình cũng nói "ta mới cho đó, xin hoài rứa", kỳ với hấn, rồi hấn khóc thì mình nói "mi ra ngoài bụi mà ở", nên hấn ôm cái oán đó, đời ni làm con lại, rồi nói với mình "mẹ ra ngoài bụi ở". Chứ con thiệt của mình thì làm chi có chuyện nói "mẹ ra ngoài bụi ở", con thiệt làm chi có chuyện nói "mẹ ơi, hai mươi tám ngày rồi, còn hai ngày

nữa mẹ đi ra khỏi nhà con, tới nhà người khác", con đâu mà lạ vậy, chỉ có con oán đối thôi.

Nhưng các thầy các cô phải biết, mình vào ra sinh tử bao nhiêu lần? Không biết bao nhiêu lần mà kể! Cho nên, con đâu mà ăn thịt cha mẹ, cha mẹ đâu mà ăn thịt con! Ai cũng biết điều đó. Nhưng mà vì vô minh nên ăn sạch, ăn nhiều đời nhiều kiếp lắm. Nhiều đời nhiều kiếp mình ăn thịt cha mình, mình ăn thịt con mình, mình ăn thịt em mình, vì mấy con vật đó nó có liên hệ với mình cả. Nhưng do mình tu dở quá, không có được tha tâm thông, không có được túc mạng thông, không có lậu tận trí nên chỉ thấy chuyện trước mắt mà té ra chuyện trước mắt đó là chuyện ngàn đời, muôn thuở muôn kiếp, liên hệ chằng chịt với nhau, chứ không có cái gì là chuyện trước mắt đơn thuần. Hiểu không?

Hiểu rồi thì tôi mới trả lời được câu hỏi: "Bạch Ôn, cho con hỏi câu "Thực tại đang là" phải hiểu như thế nào cho đúng?". Cái trước mắt của mình mà mình không hiểu nhân duyên, nhân quả thì không bao giờ hiểu được cái

"thực tại đang là" hết. Cho nên muốn hiểu được cái "thực tại đang là" thì phải hiểu nhân duyên, phải hiểu nhân quả, không hiểu nhân duyên, nhân quả thì không bao giờ hiểu được cái "thực tại đang là hết". "Thực tại đang là" là cả một thực tại mà tất cả những cái đó nó quán lại ở trong cái vòng nhân duyên, nhân quả. Chuyện trước mắt của chúng ta là chuyện của nhân duyên nhân quả. Chúng ta không có cái tâm tĩnh tại, cái tâm yên lắng để nhìn nhân duyên nhân quả của chính mình, rồi nhìn cái nhân duyên nhân quả của người khác để hiểu, rồi không hiểu nhân duyên nhân quả nên trách trời trách đất, oán thầy, oán cha oán mẹ, oán người này, oán người kia. Khi mình thấy được cái thực tại hiện tiền, những gì đang diễn ra trước mắt mình không ra ngoài nhân duyên, không ra ngoài nhân quả. Không ai bỗng dưng khen mình, cũng không ai bỗng dưng chê mình, không ai bỗng nhiên mà yểm trợ mình, không ai bỗng nhiên mà chống đối mình. Cho nên, thương cũng có nhân duyên của nó mà ghét cũng có cái nhân duyên của nó, ủng hộ mình cũng có cái nhân duyên của nó mà chống đối mình cũng có cái nhân duyên của nó.

"Chư pháp tùng duyên sinh

Diệt tùng nhân duyên diệt

Ngã Phật đại sa môn

Thường tác như thị thuyết".

Đó là câu trả lời mà Tỳ kheo Mã-thắng đã trả lời cho Xá-lợi-phất khi Tôn giả chưa xuất gia hỏi về "Thầy của ông là ai? Thầy của ông dạy cho ông điều gì?" thì tôn giả Mã-thắng nói "Thầy của tôi dạy tôi nhiều chuyện lắm, nhưng sức nhớ của tôi ít ỏi không nhớ hết, chỉ nhớ được bài kệ thôi"; tôn giả Xá-lợi-phất hỏi "bài kệ chi?", thì bài kệ như thế. Chư pháp từ nơi duyên mà sinh/ Các pháp cũng từ nơi duyên mà diệt/ Đức Phật là bậc Đại sa môn của tôi/ Thường dạy tôi như thế.

Cho nên các pháp hiện tiền là các pháp gì mà chúng ta đang sống đây? Đó là pháp nhân duyên. Khi chúng ta thấy được pháp nhân duyên rồi thì ta phải thấy được tính chất vô thường ở nơi pháp ấy, ta phải thấy tính chất bất thực ở nơi pháp ấy, ta phải thấy tính chất vô ngã ở nơi

pháp ấy, và ta phải thấy tính Không là tính thường tại ở nơi pháp sinh diệt ấy, nơi pháp nhân duyên ấy, thì ngay nơi hữu vi mà nhận ra thể tính vô vi, ngay nơi sinh diệt mà nhận ra tính thường còn, bất sinh bất diệt. Nên nói "thực tại đang là" là nói vậy thôi nhưng cần nó cho ra thì không phải dễ, bóc tất cả những loại ngôn ngữ phủ kín ấy để đi vào được tự tánh của cái thấy, cái nghe, cái biết không đơn giản chút nào. Nên biết rồi, phải dụng công tu hành, trải qua vô lượng kiếp tu hành.

Quý thầy quý cô có thấy tham là xấu không? Thấy. Thấy tức thì. Không ai mà không biết tham là xấu hết. Đứa ba tuổi cũng biết hưởng chi là mình tu hành cả đời mà không biết tham là xấu. Nhưng ly tham có dễ không? Biết hẳn là xấu rồi nhưng bỏ hẳn có dễ không? Quyết bỏ, quay lại trong tâm nhìn hẳn, thấy hẳn đâu? Không thấy đâu hết! Nhưng đi ra giữa đường, thấy cục vàng rớt, mình biết đó là vàng, mình có nhắm mắt đi được không? Hầy? Nhắm mắt đi được không? Không! Vì sao? Vì có cục vàng làm điều kiện cho tham khởi. Nên gọi là "chư pháp tùng duyên sinh". Tham cũng từ nơi duyên mà sinh,

nên mình đừng tạo duyên cho tham sinh thì tham không sinh, nhưng tham không sinh không có nghĩa là không có tham, nó có nhưng chưa đủ cảnh sở duyên để cho tham khởi hiện. Nên ly tham không dễ đâu. Chỉ có chư Phật mới ly tham và vĩnh viễn ly tham, và vì vĩnh viễn ly tham nên Ngài mới là thầy của trời người, thầy của các bậc Thánh, thầy của các vị Bồ tát cho đến cả Bồ tát nhất sanh bất tử.

Giờ mình ngồi ri có tham không? Hầy? Có chi mô mà tham. Thấy chi đâu mà tham. Nên tham diệt rồi. Vì sao diệt? Vì duyên của tham không có. Cục vàng có trước mắt đâu. Cục đô-la có trước mắt đâu. Giả như cả một bó đô-la, cả cục vàng nằm trước mắt, thì khi đầu, mình cũng không tham thiết, nhưng không tham mà cái tâm cứ đi quanh đi quất, đi như gà mắc tóc vậy, về rồi nhắm mắt cứ thấy cục vàng trước mắt rồi nói "sao mình ngu quá, không lấy về mà xây cái chùa cho to, mà lạy Phật cho sướng". Lạy Phật chi mà sướng lạy rứa? Phật mô mà ngồi nơi cái lòng tham nó với mình. Đã tham thì không có Phật. Đã Phật thì không tham. Đơn giản vậy thôi. Có

Phật thì làm sao mà tham, mà tham là vì vắng Phật, vì Phật là tỉnh giác, là chánh biến giác. Mà đã có tỉnh giác, có chánh biến giác thì làm chi có tham.

Tôi nói như vậy để quý thầy quý cô thấy vì sao thầy có đời sống viễn ly mà trò thì không có đời sống viễn ly. Cái đó thì thầy cũng phải sám hối mà trò cũng phải sám hối. Thầy phải sám hối để giải tỏa oán kết từ quá khứ của mình, mà học trò thì phải sám hối để giải tỏa những oán kết của mình trong hiện tại, trong quá khứ và trong tương lai nữa. Vì do những oán kết đó mà học trò chống mình. Chứ học trò đâu mà đi chống thầy! Nhưng thầy đã có oán kết như vậy thì không học trò này chống thì cũng học trò khác chống thôi. Vì vậy mỗi lần thấy ai chống mình thì đừng có buồn chi họ, đừng có trách chi họ, quay lại ôm lấy cái oán kết nơi tâm mình mà giải tỏa, lên giờ Lương hoàng sám ra tụng lay, lên giờ Thủy sám ra tụng lay và giờ kinh Di giáo ra tụng mỗi buổi sáng để cảm nhận sâu sắc những gì mà đức Phật dạy trong kinh Di giáo – lời tối hậu. Mỗi lần tôi tụng Di giáo là nước mắt chảy, mình cầm lại không được. Hễ mở kinh Di giáo ra

tụng là nước mắt chảy. Mà nghe các thầy các cô tụng kinh Di giáo, mình ngồi trong phòng nước mắt cũng tự chảy. Chảy là vì mình thấy mình phước mỏng tội dày, chướng thâm huệ thiên, cách Phật lâu xa, nói được một lời Chánh pháp với nhau quá khó, không ai chịu nghe, mà nói tạp nhạp thì ngồi nghe với nhau; ngồi thiền nửa giờ mà chịu không nổi, mình nhắc hoài mà học trò đôi khi còn đề mình ghét nữa; mà coi bóng đá thì không ai nhắc ai, đúng giờ là mở cái máy ra ngồi chăm hăm với nhau; nhưng buổi khuya kêu dậy tụng kinh với ngồi thiền thì ừ qua ừ về, con đau đầu rồi thầy ơi, đau thôi thì mình nói chi nữa, thế gian này mà không có chuyện mới lạ. Nên chỉ cần nhìn như vậy thôi, rồi đọc kinh Phật, tự nhiên mình chảy nước mắt chứ cũng chẳng ai làm cho mình khóc cả, tự nhiên thương Phật quá, thương thầy tổ mình quá. Phật nói pháp rồi, mà tổ không nhớ, không giữ gìn, không ghi chép lại, không kết tập lại, không chú giải thì làm chi bây giờ mình có kinh mà tụng. Thiên ma ngoại đạo tìm cách phá, diệt kinh, diệt Tăng, diệt tổ, mấy Ôn mấy thầy tu hành đàng hoàng uy tín thì nó tìm cách bôi nhọ, hạ nhục. Ngày hôm nay mình có được một bản

kinh mà tụng, mà đọc, mà hành trì thì đúng là chảy nước mắt. Ngày hôm nay in ấn còn khó thay, dịch xong bản kinh rồi phải xin giấy phép, rồi nhà xuất bản đề nghị bỏ đoạn này, bỏ đoạn kia nữa chứ không phải mình dịch như thế nào là họ cho mình in như thế ấy đâu, rồi phải có tiền của Phật tử phát tâm ấn tống, đóng góp mới có một bản kinh trước mặt mình để tụng. Bao nhiêu công phu. Thời nay mà còn khó như thế thì trăm năm trước thế nào, ngàn năm trước thế nào, hai ngàn năm trước thế nào. Các thầy các cô cứ ngồi như vậy mà chiêm nghiệm. Nên cái "thực tại đang là", là mình nhìn cái trước mắt mà thấy cho nó xuyên sâu cả một dòng chảy tương tục. Chứ nếu mình chỉ thấy chuyện trước mắt là chuyện trước mắt thôi thì mình phung phí đời mình lắm, ăn nửa, đồ nửa, phá nửa. Mình nhìn mà thấy được cái "thực tại như là", "như là" nghe, chứ không phải "đang là" đâu, nó đang diễn ra trước mặt mình thế nào thì mình phải thấy đúng như là chính nó, đúng như là cái nhân duyên của chính nó, chứ đừng thấy khác đi.

Tuy nhiên là quý thầy quý cô cũng phải tự mình chiêm

nghiệm thêm để mình có câu hỏi và câu trả lời cho chính mình trong điều kiện của mình.

Nên hãy thầy dễ thương, thầy viễn ly mà trò không viễn ly, không dễ thương thì thầy phải làm gì? Thầy phải sám hối. Mà trò cũng phải sám hối. Khi sám hối rồi, tâm tự giải tỏa mọi oán kết rồi thì thầy dễ thương, trò dễ thương. Chuyện đó có thể xảy ra. Lẽ đương nhiên là khi học trò biết sai lầm của mình và sám hối rồi, thầy đâu có nợ, cái gì cũng tha hết.

3. Thứ ba, thầy sống không viễn ly mà trò viễn ly, thầy sống không thanh tịnh mà trò thanh tịnh.

Có không các thầy, các cô? Thì người học trò phải làm gì? Bỏ thầy à? Có bỏ thầy không? Bỏ được mà. Trong luật có giúp mình điều này mà: "như sư thiệt bất minh, đương biệt câu lương đạo", phải không?

Nhưng theo tôi, mình bỏ thầy như vậy thì người học trò chưa giỏi. Thầy không viễn ly – trò viễn ly nhưng học trò không bỏ thầy. Thầy không thanh tịnh – trò thanh

tịnh nhưng học trò không bỏ thầy. Cái này mới hay.

Vì sao thầy như vậy mà mình không bỏ đi quách cho rồi cho khuất mắt? Khuất mắt thì có khuất mắt đó nhưng tâm mình sao khuất? Cho nên đôi khi thầy không viển ly, thầy không thanh tịnh, bỏ thầy mà đi rồi nhưng mà cứ ôm cái không viển ly của thầy, ôm cái không thanh tịnh của thầy mà đi thì đi đâu cho thoát khỏi cái không thanh tịnh của thầy, đi đâu cho thoát khỏi cái không viển ly của thầy. Người Việt Nam mình có nói "chạy trời cho khỏi nắng". Rõ ràng cái không viển ly của thầy, cái không thanh tịnh của thầy có liên hệ đến mình, không phải đời này mà nhiều đời về trước. Cho nên khi mình gặp một vị thầy, mà mình sống đời sống viển ly mà thầy mình không viển ly, thầy mình sống không thanh tịnh mà mình thanh tịnh, thì mình phải làm gì? Mình phải đại diện thầy mình mà hành pháp sám hối vì mình nói thầy không nghe, rồi mình phải đại diện cho mình mà sám hối, sám hối cho đến chỗ tội không còn, sám hối đến chỗ nhờ gia trì lực của học trò mà ông thầy thay đổi tâm ý để từ chỗ sống không viển ly, ông nguyện sống viển ly, từ

chỗ ông sống không thanh tịnh thành nguyện sống thanh tịnh. Điều này tôi nói ra là các thầy các cô hiểu liền, vì chùa chúng ta, nhất là mùa an cư này, không có chùa nào không lạy Lương hoàng sám. Khi mình lạy Lương hoàng sám là mình lạy cho cha, cho mẹ, cho thầy, cho bạn, đại diện các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà lạy hết, có phải không? Mình thấy thầy mình sống đời sống không viễn ly, không thanh tịnh mà mình sống đời viễn ly, thanh tịnh, thấy được như vậy là cái phước mình rất lớn rồi, nên mình phải đại diện thầy mình mà sám hối. Cũng như mình thấy cha mẹ mình không đàng hoàng mà mình nói không được thì mình phải đại diện cha mẹ mình mà sám hối, làm cái chi tốt đẹp cứ nghĩ về cho cha mẹ mình, mình làm bất cứ cái gì tốt đẹp thì cứ nghĩ về cho thầy mình. Đôi khi mình mua cam đem tới mà thầy mình không nhận, vất quả cam đi, thế thì mình làm sao? Thôi, lần sau không mua cam nữa vì ông vất à? Nhưng các thầy cứ tin đi, mình mua lần thứ nhất ông vất, nhưng lần thứ hai ông không vất nữa, huống chi lần thứ ba, thứ tư. Nên mình phải kiên trì, kham nhẫn. Ông thầy ông thấy sao học trò mình, mình hắt hủi như thế mà nó cứ một dạ

một lòng thương mình, tôn trọng mình, quý mình, tự nhiên cái tâm ông khởi lòng từ, lòng bi, lòng hỷ, lòng xả. Chứ đừng thấy thái độ của thầy đối xử với mình một lần, hai lần không đẹp mà mình đi luôn. Đi luôn mà không luôn đâu, cái oan nghiệp đó vẫn còn. Và quý thầy làm như thế khoảng năm lần, sau đó quý thầy quý cô nghỉ đi, không tới khoảng ba bữa thì ông thầy ông hỏi cho coi, "ô, sao bốn năm ngày ni không thấy hấn nữa", nghĩa là bắt đầu nhớ đũa học trò. Nên đừng sợ thầy mình sống không viễn ly mà chỉ sợ rằng mình không thể hiện sự kiên nhẫn, hiếu nghĩa của mình một cách trọn vẹn, bền bỉ, lâu dài. Nếu chúng ta có lòng hiếu đạo, kiên trì thực tập, hành trì bằng tất cả tấm lòng thì trước sau gì cái hạnh không viễn ly của thầy cũng trở thành viễn ly, hạnh không thanh tịnh của thầy cũng trở thành thanh tịnh. Mà như vậy thì mình mới báo đáp được cái ân của thầy.

Những gì mà tôi chia sẻ cho các thầy các cô đây, các thầy các cô về giờ Lục độ tập kinh ra mà đọc. Ông Đề-bà-đạt-đa nhiều lần oán kết với đức Phật Thích-ca lắm,

không phải đời này đâu, nhiều đời nhiều kiếp lắm, mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc hành Bồ tát đạo hay lúc ở trong ngôi nhà của huyết thống thế tục thì Đề-bà-đạt-đa luôn luôn là người đối nghịch, người oán kết, mà càng oán kết như vậy thì đức Phật Thích-ca Mâu-ni bấy giờ hành Bồ tát đạo hay ở trong ngôi nhà huyết thống vẫn kham nhẫn chịu đựng. Đến đời thành Phật này rồi thì Đề-bà-đạt-đa còn ở trong Tăng đoàn mà phân hóa Tăng đoàn, đưa ra năm điều làm lệch đi Tứ thánh chủng của Thánh đạo vô lậu nữa. Nhưng các thầy các cô thấy, khi tụng kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành Phật, mình xúc động không. Đức Phật nói, tôi hôm nay có Diệu pháp tu hành bậc Vô thượng giác như thế này là nhờ ông này, ông này là thiện hữu tri thức của tôi. Đức Phật kể lại chuyện bản sanh, chuyện bản sự.

Cho nên, những oán kết thầy trò như vậy, thầy dễ thương-trò dễ thương là chuyện dễ hiểu, nhưng thầy không dễ thương-trò dễ thương, thầy không viễn ly-trò viễn ly, thầy không thanh tịnh-trò thanh tịnh, tất cả

những cái đó phải quán chiếu sâu sắc về oán kết thầy-trò, nhân duyên thầy-trò. Và quý thầy quý cô tụng kinh Pháp hoa cũng thấy rằng, đến khi đức Phật nói kinh Pháp hoa thì ai bỏ Phật ra về? Năm ngàn Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Mà đó là ai? Học trò của đức Phật Thích-ca chứ ai. Mà có phải học trò mới đời này đâu. Nhiều đời về trước nữa. Nên khi mình bị học trò oán đối thì ông thầy phải ngồi lại mà nhìn cả dòng chảy nhân duyên nhân quả nghiệp báo của mình. Khi mình là học trò bị thầy oán đối thì mình cũng phải nhìn lại dòng chảy nhân duyên nhân quả của mình. Mỗi khi mình làm cha mẹ mà bị con oán đối thì cũng phải nhìn lại dòng nhân duyên nhân quả của mình. Mỗi khi mình làm con mà bị cha mẹ hắt hủi bạc đãi thì cũng phải nhìn lại dòng nhân duyên nhân quả của mình. Cho nên tôi nói, hiểu nhân quả mà hiểu một đời thì chưa phải là Phật giáo, chưa phải là có chánh kiến. Mà hiểu nhân quả phải hiểu nhiều đời, tối thiểu là phải hiểu được ba đời. Mà muốn hiểu như vậy thì phải tu, đoạn trừ lậu hoặc. Còn dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu thì chuyên trước mắt còn không thấy chứ đừng nói chuyện ba đời, mười đời. Cho nên khi đức

Phật, đem thành đạo, Ngài chứng được Lậu tận trí đoạn trừ được lậu hoặc, thành tựu Lậu tận minh, khi đó Ngài mới thành tựu được tất cả các cách nhìn về Túc mạng minh, thấy được một cách tường tận nhân duyên nhân quả của mười hai duyên khởi, không phải chuyện trước mắt mà là chuyện ba đời, chuyện nhiều đời; thấy vô minh duyên hành như thế nào, hành duyên vô minh như thế nào; thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ..., tất cả những cái duyên khởi đó trùng trùng lên nhau, cái này có mặt trong cái kia, cái kia có mặt trong cái này, trùng trùng lớp lớp như vậy để mà thấy mình một đời, hai đời, nhiều đời, mười đời, trăm đời, ức kiếp ngàn đời và thấy chúng sinh trăm kiếp ngàn đời nhân duyên của họ. Thấy như vậy thì mới làm thầy họ, mới là thiên nhân sư, là thầy của trời người. Và thấy như vậy rồi thì mới là Điều ngự trượng phu, là người điều khiển, điều dắt, lái xe để đưa người ta đi từ bến bờ này qua bến bờ khác, đâu là bến bờ tạm thời giải lao và đâu là bến bờ vĩnh cửu mình phải vươn tới. Nên trong kinh Pháp hoa, quý thầy quý cô đọc đã thấy phẩm Hóa thành dụ, đâu là Hóa thành, đâu là Bảo sở. Tất cả những cái diễn tả như vậy là diễn

tả cái tài năng của Điều ngự trượng phu, diễn tả cái chức năng, cái thiên năng của Thiên nhân sư. Ngôn ngữ thế gian này không đủ để ca ngợi công đức của Phật đâu. Khi hành Bồ tát đạo, đức Thích-ca Mâu-ni cảm nhận cái ân đức của chư Phật quá khứ như vậy nên Ngài mới nói gió giữa hư không có thể cột lại được, nước của đại dương có thể uống hết được, nhưng không bao giờ nói hết được công đức của Phật. Thần thông như vậy: gió giữa hư không mà trói được - "hư không khả lượng phong khả hệ", "khả hệ" nghe, không phải "khả kế" đâu, trong các cuốn Thiên môn nhật tụng in là "khả kế" nhưng mà không phải, "khả hệ" là trói lại; nước trong biển cả mà uống hết được nhưng tài năng, thần thông như vậy cũng không thể nào diễn tả hết được công đức của Phật – "vô năng tận thuyết Phật công đức".

Các thầy về đọc Lục độ tập kinh, đọc một số văn bản thuộc văn hệ Bản duyên, Bản sanh, Bản sự, làm sáng lên những gì mà chúng ta đang học trong văn hệ Nikāya, văn hệ A hàm. Còn nếu không có những văn hệ Bản sanh, Bản sự, Bản duyên, chúng ta học A-hàm một cách nghèo

nàn, đơn điệu, cái hiểu của chúng ta rất cạn cợt, chúng ta học Nikāya chỉ là cặn bã thôi. Nên chúng ta học Nikāya, học A-hàm mà nhai cho thành đê hò là nhờ các kinh văn thuộc về văn hệ Bản sanh, Bản duyên, Bản sự. Và trong văn hệ Nikāya, trong văn hệ A-hàm cũng có giúp cho chúng ta những cái nhìn về Bản sanh, Bản duyên và Bản sự. Tôi biết các thầy các cô phần nhiều học là để đối phó thi cử, lấy bằng cấp mà không phải học như là một người đi tìm chân lý, khao khát giáo pháp của Phật nên các thầy ngồi trên biển mà không thấy nước, ngồi trên giếng mà chết khát, ở trong một gia tài giàu có vĩ đại như vậy mà vẫn là thân cùng tử. Cái tội nhục của các thầy là ở chỗ này. Đi sai đường, lạc sá rồi, hỏng hết rồi, phản thầy phản tổ, phản Phật rồi. Cho nên phải nhìn lại, phải quay lại. Chúng ta đi tu vì cái gì? Từ bỏ cha mẹ, từ bỏ xóm làng, "phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly, bất năng an quốc trị bang, gia nghiệp đốn quyên kế tự, miến ly hương đảng, thế phát bảm sư" là để làm cái gì? Nhìn lại đi!

Cho nên thầy viễn ly – trò viễn ly, thầy viễn ly – trò

không viễn ly, trò viễn ly - thầy không viễn ly, chúng ta thấy khá rõ.

4. Có trường hợp thứ tư nữa, thầy sống không viễn ly - trò sống không viễn ly, thầy cũng đua đòi chức vụ - trò cũng đua đòi chức vụ, thầy cũng đua đòi bằng cấp - trò cũng đua đòi bằng cấp. Thầy trò như vậy đưa nhau đi tới đâu? Đi tới tai họa, đi tới sự sa đọa.

Thầy không viễn ly - trò không viễn ly; thầy muốn có chức này, trò cũng muốn có chức này; thầy muốn có học vị này, trò cũng muốn có học vị này; thầy muốn có chiếc xe này, trò cũng muốn có chiếc xe này. Thầy trò như vậy đưa nhau đi tới đâu? Đưa nhau đi tới tai họa. Thầy là tai họa của học trò và học trò là tai họa của thầy, cả thầy cả trò đi tới nơi tam đồ ác đạo, dẫn nhau vào chỗ tăm tối.

Trong bốn trường hợp này, chúng ta muốn làm thầy trò kiểu nào? Kiểu số một! Nhưng muốn thầy viễn ly, trò viễn ly thì mình phải thực tập pháp gì? Phải thực tập pháp Tứ chánh cần. Nhờ thực tập Tứ chánh cần mà những gì tốt đẹp của thầy đã có thì mình tiếp nối và phát

triển, những cái gì thầy không tốt đẹp thì mình nỗ lực làm cho nó không khởi hiện, những gì tốt đẹp nơi mình đã khởi hiện thì mình làm cho nó tăng trưởng, những gì nơi mình không tốt đẹp thì làm cho nó vĩnh viễn không khởi hiện. Thầy chỉ tạo điều kiện để cho học trò mình khởi hiện những điều tốt đẹp và học trò luôn tạo điều kiện để cho thầy mình khởi hiện những điều tốt đẹp. Thầy trò như vậy là thiện hữu tri thức với nhau. Khi tôi đọc Trí-quang tự truyện, tôi xúc động. Ngài Hồng-tuyên nói với học trò mình là Trí-quang Thượng nhân khi ngài Hồng-tuyên trao Bồ tát giới Đại thừa cho ngài Trí-quang: tôi mong đời đời với ông được làm thầy trò với nhau và hỗ trợ nhau tu hành. Cái đoạn ngài Hồng-tuyên nói với ngài Trí-quang, nói đây xúc động. Nên rõ ràng là thầy sống hạnh viễn ly và trò cũng sống hạnh viễn ly và đời đời sinh ra ở đâu cũng nguyện gặp nhau, khi thì tui làm thầy ông, khi thì ông làm thầy tui, thầy trò như vậy đúng là đời đời kiếp kiếp gặp nhau để làm cho nhau thăng hoa, để làm cho nhau phát tiết cái tốt đẹp ở trong Phật pháp.

PHẬT THEO QUAN ĐIỂM HỌC THUẬT PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trích Bài 61,62 môn Giới học đại thừa, Hòa thượng

Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh Luật viện

Huệ Nghiêm

Chữ Phật hay Thế tôn mình hiểu như vậy là hiểu theo kinh điển, từ kinh điển cơ bản đến kinh điển phát triển, nhưng bây giờ mình muốn hiểu chữ Phật dưới cái nhìn của thầy tổ Việt nam như thế nào, dưới cái nhìn của học thuật Việt nam như thế nào. Tôi muốn hỏi quý thầy quý cô chữ Phật mang ý nghĩa đặc thù, mà nhất là đặc thù của Việt nam, Thầy tổ chúng ta hiểu chữ Phật như thế nào trên phương diện học thuật và trên phương diện ứng hành, trên phương diện ứng dụng?

Đương nhiên, Phật khi tới Trung quốc thì có cách nhìn Phật từ Trung quốc sau khi họ tiếp nhận nguồn giáo lý từ Ấn độ. Nhật bản cũng vậy, sau khi họ tiếp nhận nguồn Phật giáo từ Trung quốc, từ Tân la là chính chứ không

phải từ Ấn độ, họ biến Phật thành ra Phật Nhật bản như thế nào? Phải học chứ. Và Triều tiên tiếp nhận Phật giáo từ Trung quốc, sau khi tiếp nhận rồi thì họ tiêu thụ Phật giáo Trung quốc, Phật giáo Ấn độ thành ra Phật giáo Triều tiên như thế nào để họ nuôi dưỡng sinh chất của dân tộc họ, của con người nơi đất nước họ. Và Phật giáo Sri Lanka khi tiếp nhận Phật giáo từ ngài Mahinda và công chúa Sanghamitta, con của vua A-dục, từ thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch thì họ đã chuyển ra thành Phật giáo Sri Lanka như thế nào? Quan niệm Phật của họ thế nào? Rồi Phật giáo Miến điện cũng vậy. Phật giáo Campuchia cũng vậy. Phật giáo Lào cũng vậy. Phật giáo Thái lan cũng vậy. Phật giáo Indonesia, Malaysia, tất cả các nước đó cũng vậy.

Như vậy, Phật trên ý nghĩa phổ quát rồi, nhưng mà Phật còn trên ý nghĩa đặc thù của từng đất nước, của từng vùng miền. Phải học và nghiên cứu đức Phật thực tế từng vùng miền này mình mới chuyển tải được cái "Hoàng dương luật học". Nếu chúng ta không hiểu đặc tính của Phật từng vùng miền, từng xứ sở, từng quê hương, chúng

ta không chuyên tải được Phật pháp tới vùng đó và không tạo ra được một sinh chất cho quê hương xứ sở đó, giúp cho con người nơi xứ sở đó bỏ ác hành thiện và hướng tới đời sống chấm dứt sinh tử khổ đau. Nên quý thầy quý cô học ra trường rồi còn làm gì nữa để hoằng dương Phật pháp chứ không phải học thế là xong, rồi nói tôi học ra trường đó, trường kia. Ra trường đó trường kia để làm cái gì, có chuyên vận được cái học của mình một cách thiết thực đến cái xứ sở mà mình đang thường trú không, mình đang hành đạo không. Cái này mình phải học thầy tổ mình thôi. Nên tổ rất quan trọng trong duy trì mạng mạch Phật pháp.

Như vậy, Phật quan điểm trên phương diện học thuật của Việt nam là thế nào?

Trong một cuộc trao đổi giữa ngài Thông-biện với Ý-lan thái phi về Phật và Tổ được ghi lại trong Thiên uyển tập anh cho chúng ta một thông tin rất thú vị. Ngài Thông-biện đã trả lời cho câu hỏi của Ý-lan thái phi là "Giáo học của Việt Nam có từ khi nào và Thiên tông Việt Nam

có từ khi nào?". Ngài Thông-biện đã trả lời: Giáo học của Phật giáo tới Việt nam có từ ngài Mâu-tử, Khương-tăng-hội. Như vậy thì Mâu-tử đã nói gì về Phật? Vì ít ra thì cái học thuật chúng ta có từ Mâu-tử, có từ Khương-tăng-hội.

Thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch, Phật giáo Việt Nam đã có một nền học thuật xuất sắc rồi, phồn thịnh rồi. Trong nền học thuật đó đã giải thích chữ "Phật" như thế nào?

Ngoại nhân hỏi Mâu-tử: "Thế nào là Phật?" được ghi lại trong Lý hoặc luận, tức là bản luận, biện luận, luận chứng để loại trừ những hiểu lầm đối với Phật pháp và nêu ra Chánh lý ở trong Phật pháp. Chắc chắn rất nhiều người đã hiểu sai lầm về Phật ở thời bấy giờ cho nên Mâu-tử đã viết Lý hoặc luận để trả lời. Và Mâu-tử đã trả lời: "Phật là nguyên tổ của đạo đức, đầu mối của thân mình". Câu trả lời này đã tạo nên một cái nhìn rất đặc sắc của nền học thuật Phật giáo Việt nam thế kỷ thứ hai sau Tây lịch.

Như vậy, cách đây hai ngàn năm, Phật giáo Việt nam đã

có một nền học thuật xác định Phật là gì rất rõ ràng. "Phật là nguyên tổ của đạo đức, đầu mối của thân minh". Thân minh đây nghĩa là sáng suốt, thân khí sáng suốt, một tinh thần sáng suốt, tinh thần đó đầy đủ cả tam minh. Nên nói đạo Phật là phải nói đạo đức và nói đạo Phật là phải nói sự sáng suốt đầu tiên. "Phật là nguyên tổ của đạo đức, đầu mối của thân minh", đó là chỉ cho Phật tính, tự tánh thanh tịnh, Như lai tạng tính hay Bản nguyên tâm địa. Do đó, nền học thuật của Phật giáo Việt nam vào thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch, cách đây hai ngàn năm là một nền học thuật rất hoàn chỉnh về mặt đạo lý.

Và Mâu-tử trả lời Phật như vậy nên nói Phật là Giác. Phật có nghĩa là Giác ngộ, Buddha. Nói thêm, "Phật biến hóa nhanh chóng, phân thân tán thể hoặc còn hoặc mất, nhỏ được lớn được, tròn được, vuông được, già được trẻ được, ẩn được hiện được, đạp lửa không bỏng, đi trên dao không đau, ở trong dơ mà không bẩn, gặp họa không mắc, muốn đi thì bay, muốn ngồi thì lóe sáng nên gọi là Phật". Quý thầy quý cô thấy Phật mang tính Phật Việt đầy đủ thân thông diệu dụng. Nếu mình sống được với

nguyên tổ đạo đức, với đầu mỗi thân mình thì tất cả những thân thông diệu dụng đó không có gì là khó hiểu. Nên Phật là đầy đủ mọi phương tiện để giáo hóa chúng sinh, không thiếu bất cứ một phương tiện nào. Phật biến hóa nhanh chóng, ngay đó mà có mặt khắp cả mười phương thế giới, ngồi đó mà có mặt cùng khắp cả mười phương thế giới, ngồi đó mà có mặt khắp cả ba đời nên gọi là "biến hóa nhanh chóng". "Phân thân tán thể hoặc còn hoặc mất" - còn đó mà không còn, không còn mà còn, ẩn đó mà hiện, hiện đó mà ẩn. "Nhỏ được lớn được", nhỏ thì "thâu lai tại nhất vi trần" - thâu gọn lại thì ở trong một mà bụi, mà lớn thì tán ra đầy khắp cả thế giới - "tán khứ phổ châu sa giới". Tròn được, vuông được. Tròn là trời, vuông là đất. Ngày xưa quan quan niệm trời là tròn đất là vuông. Già được trẻ được, ở với người già cũng được, tới với người trẻ cũng được. Ẩn được hiện được, ngồi trên núi cũng được mà xuống đồng bằng phố thị vung kiếm cũng được; buông kiếm mà lên trên núi ngồi mây cũng được mà thả núi rừng về phố thị vung kiếm dẹp trừ bạo động, loạn động của chúng sinh mây cũng được. Đạp lửa không bỏng, đi trên dao không đau, ở trong đao

mà không bản, gặp họa không mắc nạn, muốn đi thì bay, ngồi thì lóe sáng nên gọi là Phật. Như vậy một lần nữa khẳng định, nền học thuật Phật giáo Việt nam thế kỷ 1, thế kỷ 2 và có thể trước cả kỷ nguyên đã là một nền học thuật phồn thịnh và đa dạng, phong phú, nên mới có một sự giải thích về Phật như thế này.

Vậy là mình đã hiểu được Phật học Việt nam những thế kỷ đầu chưa? Còn nói Như lai là Tathāgata, Ứng cúng, Chánh biến tri,... thì Phật giáo các nước đều giải thích được, vì đó là điểm chung, nhưng đây mới là điểm đặc biệt mà các thầy sau này đi hoằng Pháp thì phải đem những điểm đặc biệt này mà chia sẻ cho đất nước Mỹ, Trung quốc, Nhật, Hàn quốc, Sri Lanka, Miến điện, Lào, Campuchia, Thái lan... này, chứ qua bên đó mà vơ vơ mấy cái bên đó về nói với Việt nam thì chúng ta có rồi, kinh điển Việt nam đã có rồi, từ thế kỷ thứ 3 Việt nam đã có nền dịch thuật mà đứng đầu là Khương-tăng-hội rồi. Nên các thầy các cô phải lo mà học đi, quay vào trong tam tạng giáo điển của mình mà học, chứ đừng có chạy bươn ra ngoài, không có gì đâu, người ta cũng lấp

ghép cái của mình thôi mà còn chưa đủ. Đòi đôi khi cũng chỉ lấy cái của Phật giáo rồi vá vú, rồi biến dạng này qua dạng khác thôi. Điều này không phải thầy Thái-hòa nói mang tính chủ quan mà nó rất đúng với lịch sử, bởi vì nền văn hóa, kinh điển có sớm nhất là Phật giáo. Cho nên biến cố 40-43 của Tây lịch, khi Trung trắc, Trung nhị thất bại trong cuộc bảo vệ đất nước thì nhiều tướng lãnh hộ vệ của Trung trắc, Trung nhị đã vào chùa ẩn tu, cụ thể là có Phu nhân Bát-nàn. Điều đó nói lên rằng, Phật giáo có với đất nước chúng ta từ rất sớm, trước thế kỷ thứ nhất và có thể là thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, nó mới có thể dẫn tới một nền học thuật mà trong đó Mâu-tử đã trả lời Phật là gì cho câu hỏi của ngoại nhân. Và chắc chắn ngoại nhân hỏi như thế này là vì họ đã tiếp cận nhiều nguồn văn hóa, nhiều nguồn tư tưởng về Phật giáo và người ta không biết thế nào là Phật chính thống.

Qua sự trả lời của Mâu-tử thế này, “Phật là nguyên tổ của đạo đức, đầu mối của thần minh” thì quý vị phải biết rằng kinh điển Đại thừa đã có mặt rất sớm với đất nước Việt nam và trong nền học thuật của Phật giáo Việt nam

ở thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch.

Tôi muốn nói thêm, Thông-biện đời Lý đã trả lời chữ Phật như thế nào đối với Ý-lan Thái phi và được ghi lại trong Thiên uyển tập anh. Ý-lan thái phi hỏi ngài Thông-biện: “Ý nghĩa Phật và Tổ có gì hơn thua? Phật trú ở nơi nào? Tổ ở nơi đâu? Đến đất nước này từ khi nào? Trao truyền ở nước này, ai trước, ai sau?...”, đặt rất nhiều câu hỏi. Và ngài Thông-biện đã trả lời: “Phật là thường trú thế gian, không sinh không diệt”.

Đó, quý vị thấy cái học thuật của Phật giáo đời Lý. Cho nên cái câu “Nam mô thường trú Thập phương Phật” là ở đâu, trong nền học thuật nào mà chúng ta thừa hưởng để chúng ta xưng mỗi khi chúng ta lạy Phật? Nam mô thập phương thường trú Phật. Nam mô thập phương thường trú Pháp. Nam mô thập phương thường trú Tăng là chỗ nào? Rõ ràng, ít ra đi nữa nó phải bắt nguồn từ nền học thuật đời Lý này mà ngài Thông-biện đã trả lời cho Ý-lan thái phi “Phật là thường trú thế gian, không sinh không diệt”.

Như vậy, câu trả lời của Thông-biện thừa kế câu trả lời của Mâu-tử. Phật là nguyên tổ của đạo đức, đầu mối của thần minh, Phật như vậy là thường trú thế gian, không sinh không diệt.

Và giải thích Tổ thế nào? Tổ hiểu rõ tâm tông của Phật nên gọi “minh Phật tâm tông là tổ”. “Tổ là hành giải tương ứng, biết và làm tương ứng với nhau. Phật với Tổ là một, Phật, Tổ không hơn mà cũng không thua, chỉ bọn lạm xưng học giả tự dối nói là có hơn có thua”. Đó là lời của ngài Thông-biện trả lời cho Ý-lan thái phi về Tổ.

Và ngài Thông-biện lại trả lời: “Phật là giác ngộ, sự giác ngộ ấy xưa nay vắng lặng thường trú, hết thảy hàm linh đều cùng một nguyên lý này”.

Thì tất cả những gì mà ngài Thông-biện trả lời cũng được khai triển một cách sâu xa từ nền học thuật Phật giáo ở thế kỷ 2.

Và ngài Thông-biện giải thích thêm: “đức Phật vì lòng

từ bi mà thị hiện ở Tây trúc, bởi vì Tây trúc là trung tâm của trời đất, năm mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, thuyết Pháp bốn mươi chín năm, mở bày các phương tiện khiến mọi người đều nhập Đạo, ấy là hưng khởi một thời đại kinh giáo. Ngài niết bàn, sợ người sau mê chấp sinh tẻ nên bảo với Văn-thù-sur-lợi rằng, suốt bốn mươi chín năm ta chưa từng nói một chữ, sao lại bảo có điều ta nói”. Thì đại loại như vậy.

Ngài Thông-biện còn nói thêm về Tổ: “rồi cầm một cành hoa đưa lên, mọi người đều ngơ ngác, chỉ có Tôn giả Ca-diếp nở nụ cười tỏ ngộ liền đem Chánh pháp nhãn tạng trao cho, gọi là Tổ thứ nhất. Đó gọi là tâm tông truyền riêng ngoài giáo điển”.

Như vậy là ngài Thông-biện đã trả lời rất rõ về Phật và Tổ.

Đời Trần, khi Trần thái tông vượt kinh thành lên Trúc lâm yên tử gặp Quốc sư Phù vân, Phù vân Quốc sư hỏi vua là “Bệ hạ có điều gì mà tìm lên núi?”. Vua trả lời là lên núi để tìm Phật, lên núi để làm Phật. Phù vân Quốc

sư nói “trên núi không có Phật. Phật ở trong tâm bệ hạ. Tâm yên Phật hiện ra”. Cho nên phép Tâm tịch nhi tri là Phật của Phật giáo học thuật đời Trần. Bởi vì vua Trần thái tông mở ra đời Trần và nhận được yếu chỉ của Phù vân Quốc sư dạy “tâm tịch nhi tri là Phật”, tức là tâm lắng yên mà biết rõ tất cả.

SỰ CHÙA LÀ BÙA LÀNG

*Trích Giới học Đại thừa - Bài 21, Hòa thượng Thích Thái Hòa
giảng cho Tăng Ni sinh Luật viện Huệ Nghiêm*

Sự chia sẻ của quý thầy quý cô giúp cho đại chúng có nhiều cái nhìn về một vị trú trì, tức là người xuất gia tu học, sau đó đi hoằng pháp và có thể giữ cương vị trú trì của một trú xứ. Nếu mình thọ Tỳ kheo hay Tỳ kheo Ni thì luật dạy là phải y thầy năm năm học Giới luật để mà thông hiểu Giới luật qua các pháp khai, già, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng, ngoài ra còn phải thông hiểu các điều căn bản của sự truyền Giới và thọ Giới cho tín đồ cũng như là thọ Giới cho những người xuất gia. Bởi vì khi mình xuất gia được mười hạ, bên Tăng thì mình có thể làm Hòa thượng, có thể tiếp nhận đệ tử.

Qua câu hỏi này, quý thầy quý cô thấy vai trò của người xuất gia rất quan trọng. Tín đồ nương tựa vào mình, nương tựa vào người xuất gia, từ đó họ có tín tâm đối với Tam bảo và phát tâm thọ trì Tam quy Ngũ giới. Như

vậy thì người xuất gia phải thông hiểu Giới luật rồi mình mới hướng dẫn cho người ta. Người tín đồ tới, trước hết là họ chưa có tín tâm đâu. Có nhiều trường hợp lắm.

Trường hợp thứ nhất là do gia đình gặp những điều không hay, có người bạn giới thiệu tới chùa để cầu nguyện Tam bảo che chở cho, cứu hộ cho, nâng đỡ cho, yểm trợ cho; người kia nghe người bạn như thế thì tới chùa, nhờ cầu siêu cho chồng hay cầu siêu cho vợ, cầu siêu cho cha hay cho mẹ, hay là cầu siêu cho con, cho cháu, hoặc là cầu an khi bệnh tật đủ thứ, liên miên, trong gia đình gặp nhiều khó khăn; cho nên họ đến bằng cái khủng hoảng trong đời sống gia đình hay đời sống bản thân. Đứng trước hoàn cảnh đó thì vị trú trì hay nhà sư phải làm gì? Trước hết là mình phải tùy thuận cái nhu cầu của họ mà an ủi họ, trấn an họ, đem sự không sợ hãi, đem sự không lo lắng mà hiến tặng cho họ, rồi mình hướng dẫn cho họ vào bàn Phật để cầu nguyện và mình phải hướng dẫn nội dung cầu nguyện cho họ. Nhiều người không biết cầu nguyện là cái gì hết. Cho nên mình phải hướng dẫn họ: "Hôm nay là ngày... tháng... năm,

ở đâu; ví dụ như ở Thành phố Hồ Chí Minh, quận Bình Tân, phường An Lạc A, đường Đỗ Năng Tế, số nhà..., chúng con đến chùa Huệ Nghiêm để xin cầu an cho gia đình, hay cầu siêu cho những người thân quyến trong gia đình, đệ tử chúng con gồm Xin Tam bảo chúng mình cho con, gia hộ cho con, xin chư vị Bồ tát chứng minh, gia hộ cho con, cho gia đình con, nếu tai nạn thì tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ, nếu đã qua đời thì trọng thừa công đức lay Phật hôm nay, tín kính Tam bảo hôm nay của gia đình chúng con hồi hướng cho người thân của con được trọng thừa công đức siêu sanh Tịnh độ".

Mình hướng dẫn cho họ khấn và cầu nguyện như vậy xong, hướng dẫn họ đứng dậy, mình thình một tiếng chuông rồi nói: "Đệ tử chúng con kính lễ chư Phật" và họ lay xuống; "Đệ tử chúng con kính lễ Chánh pháp", thình tiếng chuông và họ lay xuống; "Đệ tử chúng con kính lễ chúng Tăng", thình tiếng chuông và họ lay xuống, mà mình phải hướng dẫn cho người ta lay. Sau khi họ lay ba lay như vậy rồi, mình khuyến khích họ phát tâm cúng dường Tam bảo và chia sẻ những gì có thể chia sẻ được về tài sản, tiền bạc hay bất cứ cái gì có thể đến

những người thấp kém hơn, hay phóng sanh... để công đức đó có mà hồi hướng. Mặc dù họ chưa biết gì hết nhưng mình phải hướng dẫn. Hướng dẫn như vậy rồi, từ từ họ thấm, thấm xong rồi niềm tin họ phát khởi, phát khởi xong rồi họ mới bắt đầu phát tâm "cho con quy y Tam bảo". Thì mình cũng không vội vàng gì, cứ từ từ hướng dẫn cho họ. Sau đó, đúng lúc, đúng thời, thấy họ tín tâm đã có thì mình mới hướng dẫn họ sắp xếp việc nhà: vợ quy y mà chồng có đồng ý không, chồng quy y mà vợ có đồng ý không, cha mẹ quy y mà con cái đồng ý không, con cái quy y mà cha mẹ đồng ý không, phải hỏi. Nếu tất cả đồng ý hoặc những vị có chủ quyền, tự quyết định được thì mình tùy theo đó mà hướng dẫn cho họ Ba pháp quy y và Năm cấm giới. Mình phải nói trước, là quy y Phật là thế này thế này, quy y Pháp là thế này thế này, quy y Tăng là thế này thế này, thọ Năm giới thì phải như thế này, yêu cầu phải như thế này, quý vị có thọ đủ không, thọ được không hay chỉ thọ được một giới, hai giới. Đến khi họ thuận rồi, họ thấy chín chắn rồi thì họ tới xin "cho con được quy y Tam bảo", thì mình mới thay mặt Tăng già ở trú xứ đó hay thay mặt Tam bảo

truyền Tam quy Ngũ giới cho người ta. Nếu bước đầu này mình không hướng dẫn thấu đáo thì sẽ chệnh mảng trong niềm tin của họ.

Còn trường hợp con cái họ khó nuôi, đem tới gửi chùa, gửi đức Ông. Ngoài bắc có tục lệ, con cháu đẻ ra mà nhỏ hoặc khó nuôi đều đem tới gửi đức Ông, nên bàn thờ của đức Ông là rất quan trọng. Gửi đức Ông nhưng phải thông qua ông trú trì, ông trú trì phải biết, nên phải có một cuốn sổ để ghi tên ngày gửi, người gửi, cháu được gửi tên tuổi gì, rồi vô cầu nguyện với Tam bảo, cầu nguyện với đức Ông để cho cháu bé được kết duyên với Tam bảo. Khi đã kết duyên với Tam bảo rồi thì người đó cũng như gia đình đó có trách nhiệm với Tam bảo, với đức Ông, cho nên ngày rằm, mùng một phần nhiều họ tới đánh lễ cúng dường Tam bảo, cúng dường đức Ông. Đến mười hai năm sau mới tới hạ khoáng. Đó gọi là quy y kết duyên, vì chưa biết gì nên phải kết duyên cho họ.

Hoặc có những trường hợp con cái khó nuôi, họ cũng gửi con vào chùa, bán con cho sư, bán con cho thầy. Nói

là bán con cho Phật, bán con cho Tam bảo, bán con cho thầy là thừa vậy thôi, nhưng con họ nuôi.

Những trường hợp này là trường hợp vị thầy quá giỏi, biết hết mọi cứu cánh và phương tiện thiện xảo của vấn đề nên vị thầy tùy duyên.

Đúng người, đúng chỗ, đúng việc, đúng thời, đúng pháp thì trao Giới, thì Giới thể đó mới hoàn toàn thành tựu một cách như Pháp. Còn có những trường hợp không đúng thời, không đúng người nhưng mình vẫn trao Giới, vẫn truyền pháp quy y cho họ thì đó là quy y Tam bảo theo nghĩa kết duyên. Kết duyên như vậy thì mình phải có trách nhiệm giáo hóa họ cho đến khi thuần thực, để họ thuần thực rồi thì mình mới chính thức quy y và trao truyền Giới pháp cho họ. Bởi vì sao? Bởi vì họ phải nói "Con quy y Phật. Con quy y Pháp. Con quy y Tăng", rồi họ phải hiểu các Giới mình truyền, các lợi ích của Giới họ phát tâm thọ và từ đó họ mới hành trì.

Quý vị biết rằng vai trò của người xuất gia, vai trò của người đi hoằng pháp, vai trò của vị đi làm trú trì rất là

quan trọng. Nên ngoài bắc có cái câu rất hay: "Su chùa là bùa làng", ông sư ở chùa là cái bùa linh thiêng của làng, không có cái gì mà dân làng không tới thưa sư, trình với thầy. Nên một vị đi làm Phật sự, hoằng pháp lợi sanh hay ra làm trú trì một trú xứ thì phải biết những điều đâu là cứu cánh, đâu là phương tiện để vận dụng cho nó thích ứng, cho nó phù hợp.

Nói như vậy không phải chỉ là các chùa quê đâu, chùa thành phố cũng không thiếu gì trường hợp quy y gieo duyên này. Chính bản thân tôi truyền Giới cho hàng ngàn người, cũng giảng hết lời, cũng dạy hết tâm huyết mà đếm lại còn đầu móng tay. Tức là người ta nghĩ quy y là để có Phật che chở, rồi lấy cái phái quy y về đến khi chết là đắp lên ngực để về bên kia Tịnh độ, đức Phật A-di-đà hỏi "Quy y chưa?" thì nói "Quy y rồi", rồi đưa cái phái ra. Chứ họ không biết quy y để làm cái gì, thọ Giới để làm cái gì. Phần nhiều, người ta tới bằng tín ngưỡng hơn là tới bằng tinh thần của người Phật tử tu học, Cận sự nam, Cận sự nữ. Mà điều này, được hay không được là do khả năng tu học và hoằng pháp của người xuất gia.

Nên người xuất gia không học chi cả, sống lâu ra lão làng rồi đi kiếm cái chùa ở như vậy thì nói quy y kiểu gieo duyên cũng không đúng. Quy y đúng với Chánh pháp hay gieo duyên với Chánh pháp nó chỉ xảy ra đúng khi vị Tăng, Ni đó có tu, có học, có trì Giới, có hiểu biết và biết đâu là pháp cứu cánh và đâu là pháp phương tiện. Chứ còn ông thầy không biết gì cả, bà cô không biết gì cả, thì ngay cả cái căn bản đã không đúng, gieo duyên lầy gì đúng; cái nhân đã không đúng, cái duyên dựa vào đâu mà đúng.

Cho nên, câu hỏi này đặt ra rất là hay để chúng ta xem lại cái chí nguyện xuất gia của chúng ta, chí nguyện hoằng pháp của chúng ta. Nhiều vị bây giờ cũng không học hành chi cả, học theo thể tục thôi, rồi vô chùa ở vài năm chi đó, rồi đi ra nhận cái chùa, rồi làm trú trì mà không biết mô tê chi Phật pháp hết. Truyền Tam quy Ngũ giới cũng không được. Truyền Bát quan trai cũng không được. Kết một Giới trường cũng không được. Kết một Đại giới trường cũng không được. Rồi quần chúng tới hỏi "con giữ giới này như thế nào, phạm như thế nào,

không phạm như thế nào" cũng không biết. Quần chúng hỏi: "họ buộc con làm con gà, con không thể không làm, phải làm, như vậy con có phạm giới sát sanh không?", ông thầy nói "Phạm rồi chứ chi nữa", làm tín đồ hoang mang. Vì về làm dâu nhà người ta mà giỗ gia tiên họ buộc dâu phải làm gà làm vịt, mà người ta quy y rồi, giờ không làm thì gia tiên nói cô dâu này không làm dâu trọn vẹn, người ta coi thường cô dâu, nói những lời lẽ không dễ thương với cô dâu, nhưng cô giết con gà con vịt thì cô áy náy vì đã thọ Tam quy Ngũ giới rồi, cô vì vậy ngủ không được, lo quá, sợ quá tới gặp thầy trình bày, mà ông thấy phán câu "Giết như vậy là phạm rồi chi nữa", người kia hoảng lên, đau bao tử, đau đường ruột, cuối cùng đưa tới ung thư, chết.

Như vậy rõ ràng mình phải học thế nào là khai, thế nào là già, thế nào là trì, thế nào là phạm, giới sát sanh này nhắm tới đối tượng nào là chính để trở thành ác nghiệp đạo và đối tượng nào thì chỉ rơi vào ác tác chứ chưa phải phạm vào ác nghiệp đạo để đưa tới quả báo. Thì ông thầy phải phân tích, dạy dỗ, hướng dẫn. Đây ông thầy cũng

không biết cái gì, phán "phạm giới rồi", hoặc nói "không phạm chi hết bởi vì đó là bị áp bức, áp lực nên mình làm bất đắc dĩ" nên cô dâu cứ thế mà tiếp tục, cũng nguy hiểm. Cho nên phạm chỗ nào, không phạm chỗ nào, phạm căn bản của ác nghiệp đạo chỗ nào, với tác ý như thế nào thì phạm và đủ duyên của nó như thế nào thì phạm, đối tượng giết hại là đối tượng nào. Giới không sát sanh của Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đối tượng sát hại phải là con người hoặc là những loài bàng sanh mới là giới chính của giới không sát sanh, còn các loài nhỏ dưới mà mình cứ làm thì nó ảnh hưởng đến việc giữ giới không sát sanh của mình nhưng chưa phải là rơi vào ác nghiệp đạo về sát, nhưng nếu mình cứ lặp đi lặp lại hoài thì ác tác, ác hạnh đó lâu ngày trở thành ác nghiệp đạo. Cho nên mình phải học, không học là thua rồi. Còn tín đồ thì họ tới với mình nhiều cách lắm. Có người họ học hỏi xong rồi thì họ mới tìm hiểu và mong cầu được thọ Tam quy Ngũ giới, nhưng có người là vì hoàn cảnh mà cầu thọ. Nhưng dù hoàn cảnh nào đi nữa thì người cư sĩ vẫn không am tường được Giới luật một cách rõ ràng, nên mình phải theo dõi họ, hướng dẫn họ và tìm cách

làm cho họ thuận, tín ở trong Tam bảo, trong Giới pháp mà họ đã thọ. Đó là trách nhiệm của mình, của người xuất gia.

Tuy nhiên, đôi khi ông thầy truyền Giới sai mà tín đồ vẫn đắc Giới, vì họ quá tín tâm đối với Tam bảo, quá chí thành với Tam bảo và tin tưởng tuyệt đối vào cái đúng của ông thầy. Nhưng lỗi là nơi ông thầy. Ông thầy bị phạm cái lỗi gọi là lỗi Tỳ-ni, lỗi luật. Người ta đắc Giới, tu tập thành tựu mà ông thầy lại bị đọa. Quý thầy hiểu điều này không? Đôi khi mình đi thọ Giới, mà ông Hòa thượng phạm ba-la-di rồi nhưng ông khéo bao che, như vậy là còn đâu nữa mà làm Hòa thượng đàn đầu, nhưng khi Tăng cử ông làm Hòa thượng vì Tăng nghĩ ông thanh tịnh mà ông không tự tầm tự quý, lẽ ra ông phải nói "Ngã bất kham năng, xin cử vị khác" thì ông lại êm êm làm Hòa thượng che mắt thiên hạ; thì Tăng không có lỗi vì Tăng không biết chi hết, nhưng nếu Tăng biết vị đó phạm ba-la-di rồi mà cử vị đó làm Hòa thượng là Tăng có lỗi; mà người dưới không biết vị đó phạm ba-la-di, cứ nghĩ vị đó thanh tịnh nên dưới người

thọ vẫn đắc Giới; sau khi thọ rồi, ba năm sau mới biết vị đó truyền Giới cho mình phạm Giới, không xứng đáng, thì trường hợp đó là trường hợp người thọ đã đắc Giới rồi, bởi vì đắc Giới là ở giờ phút vị đó trao mà mình thành kính, tín thọ nhận một cách cung kính, còn vị kia như thế nào đó là lỗi của họ. Cho nên nói Giới pháp là tế nhị lắm.

Nhưng lỗi lớn vẫn là lỗi của người làm thầy. Tín đồ biết gì đâu, trong lúc tâm lý của họ bị khủng hoảng, ông thầy nói quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng đi thì họ cũng dạ và quy y, nhưng cái quy y đó chỉ là gieo duyên thôi, sau khi tâm lý họ ổn định rồi, hướng dẫn cho họ học hành đâu ra đó xong rồi mình truyền đúng với Chánh pháp cho họ. Nên trường hợp này có phải là ở nhà quê không đâu, thành phố thiếu gì. Nhiều vị ở quê mà thông minh cực kỳ, Giới đức thanh tịnh, không ưa ở chỗ phồn hoa đô hội, ở một góc núi mà cái gì cũng thông cả.

Như vậy, vấn đề quy y gieo duyên là có nhưng phương tiện thiện xảo đó phải là bậc có trí tuệ vận dụng. Việc

làm thế nào mà đem tới lợi ích cho chúng sinh, đem tới lợi ích cho người thọ là bậc có trí, có nội chứng vận dụng để thích ứng và sau đó là người ta điều chỉnh, nâng nó lên một cái tầm hoàn hảo.

Quý thầy quý cô về kiếm Ưu-bà-tắc giới kinh để đọc thêm. Vai trò của Ưu-bà-tắc thế nào, người thọ Giới như thế nào, truyền trao Giới pháp như thế nào trong Ưu-bà-tắc giới kinh nói khá rõ, nói rất căn bản, nói rất trịnh trọng vì đó là cái nền.

Tôi nghĩ, quy y phần nhiều là kết duyên hơn là chính thức. Sau khi được học hành thêm, được chư Tôn đức chỉ dạy thêm, niềm tin và sự hiểu biết phát sinh thì quy y, thọ trì Tam quy Ngũ giới mới có hiệu quả. Mình có thể quy y nhiều lần chứ không phải chỉ một lần.

Pháp danh vị Bồn sư trao thì chỉ một lần thôi hoặc chỉ một vị Bồn sư thôi. Nhưng mà mình khi nào cũng quy y nhiều lần, ngày nào mình cũng phải nói "Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp. Đệ tử chúng con quy y Tăng" hết. Đó là pháp hành. Nếu mình

không nói "Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp. Đệ tử chúng con quy y Tăng" thì khi đứng trước bàn Phật lạy ba lạy, mình nói cái gì mà lạy, mình dâng hương cúng dường Phật mỗi ngày thì nói gì mà dâng hương? Khi nào cũng phải nói là "Con quy y Phật. Con quy y Pháp. Con quy y Tăng. Con dâng hương này lên cúng dường Tam bảo. Xin Tam bảo chứng minh". Ít ra cũng phải gọn gàng như thế. Và Năm giới mình cũng phải nói trước Tam bảo mỗi ngày. Trước khi đi làm việc, hay sau khi đi làm việc về, tắm rửa ăn uống xong, trước khi đi ngủ, mình nói: "Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp. Đệ tử chúng con quy y Tăng. Đệ tử chúng con nguyện thọ trì Giới thứ nhất: Không sát sanh, Giới thứ hai: Không trộm cắp, Giới thứ ba: Không tà hạnh, Giới thứ tư: Không nói dối, Giới thứ năm: Không uống rượu. Xin Tam bảo chứng minh cho con". Hay mình nói: "Đệ tử chúng con Pháp danh..., tên... quy y Phật. Đệ tử chúng con Pháp danh..., tên... quy y Pháp. Đệ tử chúng con Pháp danh..., tên... quy y Tăng. Đệ tử chúng con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống

ượu", tu Tịnh độ thì niệm 21 biến danh hiệu đức Phật A-di-đà và nói "Sau khi con xả bỏ báo thân này cho con được sanh về thế giới Tịnh độ của đức Phật A-di-đà".

Còn nếu mình không tu tập Tịnh độ, mình cũng phải nói "Đệ tử chúng con quy y Phật. Đệ tử chúng con quy y Pháp. Đệ tử chúng con quy y Tăng. Đệ tử chúng con nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu", xong rồi mình nói "Đệ tử chúng con có bao nhiêu nghiệp chướng, tội chướng, báo chướng, phiền não chướng, oán chướng từ vô thủy kiếp đến ngày nay, cho chúng con được xin sám hối tất cả". Nói bằng tất cả niềm tin, bằng tất cả sự thực hành của mình. Xong rồi, mình ngồi thật yên lặng theo dõi hơi thở vào và ra, thiền quán, nhiếp tâm ở trong thiền định khoảng nửa giờ, sau đó mình xả thiền rồi đi ngủ. Và mình tu thiền thì mỗi buổi sáng cũng như vậy. Chứ không phải vô ngồi như vậy mà thở vào, thở ra. Thở vào thở ra như vậy để làm gì? Thờ ỉn hả? Thở vào thở ra đó phải với tất cả tấm lòng "Con quy y Phật. Con quy y Pháp. Con quy y Tăng". Nhờ "Con quy y Phật. Con quy

y Pháp. Con quy y Tăng" mà con biết được, ý thức được hơi thở vào và ra của con một cách chánh niệm, tỉnh giác. Chánh niệm đó là chánh niệm về về với Phật, về với Pháp, về với Tăng. Tỉnh giác đó là tỉnh giác đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Có như vậy, mình mới là Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni hay là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Chứ ngoại đạo họ cũng có thở vào thở ra, đâu phải chỉ có mình mới thở vào thở ra không đâu. Nhưng ngoại đạo không bao giờ có Tam bảo. Bây giờ Yoga cũng dạy mình thở vào thở ra đó. Nhưng nó khác với sự hành trì của Tứ chúng đệ tử đức Thế tôn. Tứ chúng đệ tử đức Thế tôn là phải đặt hết sinh mệnh của mình ở nơi Phật Pháp Tăng, nơi Giới pháp đã lãnh thọ và mọi động tác, mọi hành hoạt đều là quay về, hướng tới nơi Phật Pháp Tăng, ở nơi Giới mình đã lãnh thọ. Có như vậy thì hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng, hạt giống Giới pháp của mình mới huân tập mỗi ngày để trở thành chủng tử. Chính chủng tử đó tạo ra một năng lực phòng hộ và đẩy mình đi đúng đời này qua kiếp khác ở trong Chánh pháp. Còn nếu mình chỉ ngồi thở vô thở ra thôi mà không đặt hơi thở vào, hơi thở ra đó ở nơi Tam bảo là chưa giỏi,

chưa hay, chưa đúng là đệ tử của đức Thế tôn. Những người thuộc tôn giáo khác họ tới với mình để thực tập thì mình chỉ hướng dẫn cho họ thở vào thở ra thôi, vì họ có tín ngưỡng của họ rồi, họ có giáo chủ của họ rồi. Nhưng là Phật tử thì mình phải thở vào thở ra trong sự nương tựa Phật Pháp Tăng, trong sự hành trì Giới pháp, mà Giới pháp căn bản là Năm giới và cái nương tựa căn bản là Phật Pháp Tăng, và cái nương tựa sâu xa là Phật tính, Pháp tính, Tăng tính gọi là Tam tự quy.

Cho nên Pháp học, Pháp hành của mình phải rõ ràng. Các ngài đi trú trì là phải lưu ý, nhất là trú trì các chùa quê. Chùa quê là vị thầy quan trọng lắm. Chùa quê thì sư là Phật của họ. Cho nên sư thì không thể uống rượu, Phật thì không uống rượu, Phật thì không cầm điếu thuốc mà hút. Có cái tượng Phật nào mà quý thầy thấy cầm điếu thuốc hút không? Không có! Toàn cầm hoa sen, hay bắt ấn. Mà ông thầy đi về nhà quê là đại diện cho Phật tuyên dương Chánh pháp. Với bà con nhà quê thì thầy là Phật. Phật thì không ăn cá thịt. Ăn cá thịt thì còn chi là Phật nữa. Phật làm gì mà ăn thịt chúng sinh! Phật mà đi

ăn trộm của người ta! Phật mà làm chuyện tâm bậy! Phật mà đi nói dối! Phật mà uống rượu, cái miệng hôi mèm vậy! Phật đâu mà lạ vậy? Sư chùa là bùa làng nghe, linh thiêng lắm. Bùa là linh thiêng, và trong cái linh thiêng đó có nhiều phép lạ mà đời thường không hiểu nổi.

Các thầy các cô phải thấy, người Phật tử thành phố có cái nhìn khác, người Phật tử nhà quê họ có cái nhìn khác đối với các sư, niềm tin của họ sâu sắc hơn. Người Phật tử thành phố vì họ tiếp xúc với nhiều nguồn văn hóa, nhiều thành phần xã hội nên đôi khi các thầy các cô có cái gì sơ suất thì họ thông cảm được. Nhưng Phật tử nhà quê thì tuyệt đối không có đâu. Mình đi về nhà quê, quý vị họ nói hay lắm: "Tu thì phải ăn chay niệm Phật chứ. Không ăn chay niệm Phật sao gọi là tu". Ăn chay-niệm Phật, đơn giản vậy thôi. Và con cái họ đau ốm, tới gặp ông thầy, ông nói "Chị về ăn chay ba ngày nghe, niệm Phật ba ngày cầu nguyện cho con cho cháu nghe" thì họ "Dạ" liền. Rồi có bà mẹ thương con quá, con đi xa, nhớ, thầy dặn tới chùa ăn chay niệm Phật ba ngày nghe, bà cạo đầu để ăn chay niệm Phật nữa. Cho nên vấn đề ăn

chay, niệm Phật đối với Phật tử kê cả thành phố rất linh thiêng. Phật tử bây giờ nhiều vị ăn chay trường. Sáng nay quý thầy thấy cái chú bé nhỏ nhỏ mà tôi chấp tay chào không? Chú bé đó ăn chay trường. Bố mẹ cũng ăn chay trường. Cư sĩ như vậy mà mình Tăng sĩ không ăn chay, không niệm Phật, cứ lạo xạo lạo xạo vậy thì làm sao đem lại tín tâm cho tín đồ? Họ như vậy thì mình cũng phải như vậy hoặc cao hơn, chứ thấp thua làm sao làm thầy người ta được, làm sao hướng dẫn người ta được.

Do đó vấn đề ăn chay, niệm Phật là vấn đề rất linh thiêng đối với tín đồ Phật giáo Việt nam. Tôi nói tín đồ Phật giáo Việt nam nghe, còn tín đồ Phật giáo một số nước thì tôi không nói. Ăn chay niệm Phật là quan trọng lắm, linh thiêng lắm. Khi ăn chay niệm Phật rồi, thì người ta tin rồi, mình mới nói chuyện quy y Tam bảo, nói chuyện nhân quả nghiệp báo. Còn nếu mà mình vẫn đi theo thói cũ như vậy thì không được đâu. Tôi biết rất rõ là vì vừa rồi có đoàn Phật giáo Hòa hảo tại Long xuyên ra thăm Huế rồi ghé chùa Phước duyên thăm tôi và xin được

nghe Pháp thoại. Những vị đó là tương đối trẻ và tất cả đều ăn chay trường.

Cho nên tôi nói, quý thầy không ăn chay trường thì khả năng hoằng pháp bị mất rất là nhiều, và không niệm Phật A-di-đà thì khả năng hoằng Pháp bị mất hết ở Phật giáo miền bắc. Bởi vì phải nói rằng thầy tổ chúng ta duy trì được Phật giáo miền bắc cho đến ngày nay để đóng góp cho Phật giáo miền nam, trải qua bao nhiêu dâu bể khó khăn, mà các Ngài mình giữ gìn được là nhờ chấp trì danh hiệu đức Phật A-di-đà thôi. Nên luôn trì danh hiệu đức Phật A-di-đà trước khi làm bất cứ nội dung của khóa lễ nào và trì danh hiệu đức Phật A-di-đà khi nào cũng hai mươi một biến, ngay cả nghi quá đường cúng dường buổi trưa cũng trì "Nam mô A-di-đà Phật" hai mươi một biến. Vì vậy mình đi hoằng Pháp ở phía bắc mà mình không niệm "Nam mô A-di-đà Phật" thì cái hiệu quả thành công của mình cho lĩnh vực hoằng pháp rất ít. Nhưng nếu mình niệm "Nam mô A-di-đà Phật" và làm cho danh hiệu đó mỗi lúc mỗi trong sáng lên, đúng với ý nghĩa thì sự hoằng pháp của chúng ta rất thành công.

Và làm thế nào chúng ta giải thích được trong A-di-đà Phật có Giới, trong A-di-đà Phật có Định và trong A-di-đà Phật có Tuệ, trong A-di-đà Phật có giải thoát, trong danh hiệu A-di-đà Phật có giải thoát tri kiến, đó là cái mà các thầy phải thường xuyên quán chiếu. Còn mình bác danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật đi mà đưa một danh hiệu khác là thất bại rồi. Ngay cả Nam mô A-di-đà Phật mà mình chỉ đổi thành Nam mô A-di-đà Bụt thôi là mình đã thất bại rồi. Vì sao thất bại? Vì chữ Phật rất linh thiêng với người Việt nam; nhất là đối với Phật giáo miền Bắc, chữ Phật là linh thiêng, cực kỳ linh thiêng. Nó không những là tôn giáo mà còn là tín ngưỡng; không những là tôn giáo, tín ngưỡng mà còn là văn hóa; không những là tôn giáo, tín ngưỡng mà còn là đạo đức, là trật tự của gia đình và xã hội. Đôi khi mình nói "Có gì đâu, Nam mô A-di-đà Phật thì giờ mình Nam mô A-di-đà Bụt cũng được. Bụt là Buddha, gần gũi hơn", nhưng không phải đâu, đâu đơn giản thế. Cái đã thuộc về tín ngưỡng rồi, thuộc về tâm linh rồi mà mình thay đổi là mình xúc phạm đến vùng đó. Cho nên người ta nói "Chười cha không bằng pha giọng". Có nhớ câu này không? Người ta "Nam

mô A-di-đà Phật" rồi mà bây giờ pha ra thành "Nam mô A-di-đà Bụt", chết! Nên phải biết văn hóa vùng, miền, tập quán, tín ngưỡng để mà mình tuyên dương Chánh pháp, để mà hoằng dương Luật học.

Cách đây mấy năm tôi đi Thổ Nhĩ Kỳ nghiên cứu, thì đến 9h sáng là chuông nhà thờ rung. Khi chuông nhà thờ rung thì tất cả các tín đồ Hồi giáo đang làm mọi công việc đều ngưng hết, đang lái xe vậy mà ngưng hết, dừng xe lại, mở cửa ra và trải bô đoàn, quỳ xuống chấp tay hướng về nhà thờ cầu nguyện thành kính lắm. Cả đường phố như vậy. Bữa đó tôi đang đi trên đường, thấy như vậy thì phải làm sao? Tôi cũng đứng lại, cũng phải chấp tay hướng về nhà thờ, thành kính lắm, cho đến khi buổi lễ cầu nguyện của họ xong, họ lên xe đi rồi thì mình mới bắt đầu đi. Ít ra đi nữa thì mình đồng sự với họ trong tín ngưỡng của họ, đồng hành với họ trong cái thể hiện của họ. Còn trong đầu mình hướng về nhà thờ mà trong nhà thờ có Phật Pháp Tăng trong thì cái đó là của mình chứ. Nếu mình đi trong không gian đó là mình xúc phạm đến tín ngưỡng của người ta, xúc phạm đến đời sống tâm linh

của dân đó, mà quý vị biết, Thổ nhĩ kỳ thì Hồi giáo đến 99%. Đứng trước một xã hội mà 99% Hồi giáo, trước cái linh thiêng của họ, dù là mình vô tình, mình vẫn đi, xem đó là chuyện của họ chứ không phải chuyện của mình thì cái sinh mạng của mình cũng khó tồn tại ở nơi đó, vì mình đã xúc phạm đến cái thiêng liêng của họ. Mấy thầy tưởng mình tới đó là mình làm theo kiểu của mình được sao? Nhập gia tùy tục, đạo giang tùy khúc! Có nhớ không? Không thôi người ta cho rằng mình thiếu văn hóa, kém văn hóa. Khi người ta xem mình kém văn hóa rồi, người ta khinh mình thì người ta khinh luôn cả tôn giáo mình, khinh luôn cả đất nước mình vì mình đến đó là mình mang cả nền văn hóa, giáo dục của đất nước mình, của tôn giáo mình đến.

Các thầy các cô lưu ý, khi mình thuyết giảng trước quần chúng, đừng bao giờ chỉ trích, đả kích các tôn giáo khác; đừng bao giờ chỉ trích, đả kích tín ngưỡng của người khác. Đây là điều tối kỵ. Khi mình đả kích tín ngưỡng, tôn giáo của những người khác, của tôn giáo khác nghĩa là mình là người con bất hiếu đối với giáo chủ của mình,

mình là người con bất hiếu đối với đức Phật của mình, mình là người con bất hiếu đối với thầy tổ của mình. Vì sao? Vì mình đả kích, chỉ trích tôn giáo, tín ngưỡng người ta thì người ta cũng đả kích, chỉ trích lại tôn giáo của mình. Chẳng lẽ khi không họ ngứa miệng, mình không vọc chi họ cả mà họ đê mình họ chưởi? Vì mình chỉ trích, phê phán người ta nên người ta mới phản ứng, mới chê trách lại tôn giáo mình. Điều này khi đi hoằng pháp các thầy các cô phải lưu ý. Mình phải tế nhị, phải khôn khéo, đừng đả động đến bất cứ tôn giáo nào, tín ngưỡng nào của quần chúng. Cái tâm đại bi của Phật giáo hay lắm, dung hết, chấp nhận hết rồi từ từ giáo hóa lần thì đâu ra đó hết, cao ra cao, thấp ra thấp, cái chưa chuẩn mực thì đi về với cái chuẩn mực. Đừng vội vã hấp tấp phê phán gì hết. Mà phần nhiều các thầy trẻ phê phán là rất hăng. Cho nên quý thầy quý cô khi ra hoằng pháp lợi sanh, trú trì một cái chùa phải cẩn thận, bởi vì ở đời mà có gia đình thì chỉ đi làm rể, làm dâu một ông gia, mụ gia, nhưng đi tu làm trú trì một cái chùa làng thì phải biết là làm rể trăm họ, làm dâu trăm họ. Như vậy mình mà không có tuệ giác, không có kham nhẫn, không có

tình thương lớn, không có sự hiểu biết lớn thì đụng chạm dữ dội lắm. Mà nếu chúng ta biết cách tu hành thì đó là phước đức không thể nghĩ bàn. Nếu có học, có hành, có tu thì phước đức của ngài Trú trì lớn lắm, không thể nghĩ bàn vì Ngài là biểu tượng cho cả trăm họ; mà nếu Ngài vụng về thì Ngài là đối tượng để cho trăm họ chống đối. Cho nên mình phải tu phải học cho đàng hoàng.

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN...

- 1/ Tay Buông Ráng Hồng – NXB Thời Đại – 2011
- 2/ Thành Thoi Mọi Nẻo Đường Về - NXB Hồng Đức - 2012
- 3/ Nhân Duyên Học – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 4/ Miến Điện Mặt Trời Lên – NXB Phương Đông – 2013
- 5/ Đi Vào Bản Nguyên Tĩnh Độ - NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2013
- 6/ Kinh Kim Cang Tam Muội- NXB Hồng Đức - 2013
- 7/ Trường Ca Cho Em (Thơ) – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 8/ Tiếng Vọng Hải Triều – NXB Hồng Đức – 2014
- 9/ Như Dấu Chim Bay – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2014
- 10/ Phật Học Ứng Dụng – NXB Văn Hóa Văn Nghệ – 2014

- 11/ Giác Mơ Tây Tạng – NXB Phương Đông – 2014
- 12/ Nguồn Sáng Vô Tận – NXB Hồng Đức – 2014
- 13/ Suong Động Ven Trời (Thơ) – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015
- 14/ Yếu Chỉ Tu Tập Và Hành Đạo – NXB Phương Đông – 2015
- 15/ Trong Con Mắt Thiền Quán – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015
- 16/ Trong Con Mắt Thiền Quán - NXB Hồng Đức – 2015 (tái bản)
- 17/ Khung Trời Vàng – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2015
- 18/ Kim Cang Bát Nhã – Giới Thiệu – Dịch – Chú Giải – NXB Hồng Đức - 2016
- 19/ Kim Cang Bát Nhã Trong Dòng Lịch Sử - NXB Hồng Đức – 2016
- 20/ Lời Ru Chạm Mặt Trời – NXB Hồng Đức – 2016

21/ Gió Đùa Reo Nắng Mới – NXB Hồng Đức – 2016

22/ Joyful Wind In New Sunlight – NXB Hồng Đức –
2016

23/ Lời Pháp Tinh Lòng Mê – NXB Hồng Đức – 2016

24/ Tinh Như Cánh Hạc – NXB Hồng Đức – 2017

25/ Đường Mây (Thơ) – NXB Văn Hóa Văn Nghệ -
2017

26/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Đức Phật – NXB Hồng
Đức – 2017

27/ Niềm Tin Bất Hoại Đối với Chánh Pháp – NXB
Hồng Đức - 2017

28/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Tăng – NXB Hồng Đức
- 2017

29/ Niềm Tin Bất Hoại Đối Với Thánh Giới – NXB
Hồng Đức – 2017

30/ A-Hàm Tuyển Chú (Giới thiệu – Dịch – Chú giải)

NXB Hồng Đức – 2017

31/ Ứng Dụng Tứ Tất Đàn - NXB Hồng Đức – 2017

32/ Tay Buông Ráng Hồng - Tiếng Anh (Letting Go)-
NXB Hồng Đức – 2017

33/ Nói Với Cõi Người Ta - NXB Hồng Đức – 2017

34/ Pháp Hoa Tinh Yếu - NXB Hồng Đức – 2017

35/ Phổ Môn Chú Giảng- NXB Hồng Đức – 2018

36/ Hương Giữa Gió Ngàn - NXB Hồng Đức – 2018

37/ Mở Lớn Con Đường - NXB Hồng Đức – 2018

38/ Giọt Nắng Ngàn Khơi – NXB Văn Hóa Văn Nghệ –
2018

39/ Mây Trắng Hối Đường Qua – NXB Hồng Đức 2018

40/ Tinh Phoi Trên Đá Trắng - NXB Hồng Đức – 2018

41/ Đôi Mắt Tình Xanh Biếc - NXB Văn Hóa Văn Nghệ
– 2018

42/ Tư Tưởng Duy Ma Cật Từ Một Góc Nhìn – NXB Hồng Đức – 2018

43/ Thanh Thoi Giữa Đồi Dòng – NXB Hồng Đức – 2018

44/ Hướng Đi Của Chúng Ta – NXB Hồng Đức – 2019

45/ Mây Gió Thong Dong – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019

46/ Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải – NXB Hồng Đức – 2019

47/ Hoa Nở Trong Vòng Tục Lụy – NXB Hồng Đức - 2019

48/ Xuân Và Thi Ca – NXB Hồng Đức – 2019

49/ Thi kệ Và Đại Nguyện Tịnh Độ - NXB Hồng Đức – 2019

50/ Chuyện Tấm Cám Trong Con Mắt Thiền – NXB Văn Hóa Văn Nghệ - 2019

51/ Tư Tưởng Thắng Man Sư Tử Hồng Từ Góc Nhìn

Như Lai Tạng – NXB Hồng Đức - 2019.

52/ Niệm Phật Trong Thiền Quán – NXB Hồng Đức - 2020

53/ Con Đường Thực Nghiệm Tâm Linh - NXB Hồng Đức – 2020

54/ Lời Pháp Tiễn Đưa Người – NXB Hồng Đức – 2020

55/ Bước Chân Trên Mọi Nẻo Đường (Thơ) - NXB Tổng Hợp TPHCM - 2021

56/ Phật thuyết A-di-đà Kinh - Giới Thiệu - Dịch - Chú Giải -NXB Hồng Đức – 2021

57/ Chung một niềm vui - NXB Hồng Đức – 2021

58/ Một Thời làm Điệu - NXB Hồng Đức – 2022

59/ Những Viên Ngọc Quý - NXB Hồng Đức – 2022

60/ Tu Tập Tĩnh Giới Và Pháp Môn Tịnh Độ - NXB Hồng Đức – 2022

61/ Đi Vào Pháp Giới Hoa Nghiêm - NXB Hồng Đức –
2022

62/ Ngọn Nến Vu Lan - NXB Hồng Đức – 2023

63/ Phật Giáo Và Những Không Gian - NXB Hồng Đức
– 2023

Phiên tả: Nghiêm Minh

Vi tính: Bảo Nguyên

Chính tả: Nghiêm Minh

Bìa: Lan Anh

Công ản: Nhuận Pháp Nguyên